

# diễn đàn

Số 44 / 1.9.1995

ISSN 1164-2378

F O R U M



chân dung Văn Cao, ký họa của Đinh Cường

## mục lục

2 Cùng bạn đọc

### thời sự & những vấn đề

- |                           |                  |
|---------------------------|------------------|
| 1 Tri " thiên mệnh "      | Diễn Đàn         |
| 4 Tin tức                 |                  |
| 8 Quan hệ đối ngoại       | Nguyễn Ngọc Giao |
| 9 Việt Nam gia nhập ASEAN | Trần Văn Thọ     |

### 12 Hồ sơ vụ án " xét lại chống đảng "

Thư bà Phạm Thị Tề gửi ông Nguyễn Trung Thành  
Thư ông Vũ Đình Huỳnh gửi ông Nguyễn văn Linh

### văn hoá & nghệ thuật

- |                                   |               |
|-----------------------------------|---------------|
| 17 Văn Cao (1923-1995)            | Đặng Tiến     |
| 19 Lê Đạt và <i>Bóng chữ</i> (3)  | Đặng Tiến     |
| 23 Thư Hoa Kỳ                     | Vũ Huy Quang  |
| 25 Nho giáo và hiện đại hoá       | Hoà Văn       |
| 25 Ta nhìn ta, ta nhìn người      | Bùi Mộng Hùng |
| 30 Nhã Nam ( <i>truyện ngắn</i> ) | Trần Vũ       |

Thơ : Văn Cao (tr.18), Szyborska (tr.24)

2.9.1945 - 1995

## Tri " thiên mệnh " ?

Nếu như, theo Dương Thu Hương, " viết văn luôn luôn là công việc nguy hiểm ", thì những nhà viết sử hiện đại chắc còn cảm thấy công việc của mình thập phần nguy hiểm hơn. Nhất là trong thời buổi chiến tranh, bạo động đào sâu những hận thù, chưa được thời gian hoà giải.

Không nói tới việc đánh giá, nhận định về những chuyển biến. Ngay cả sự trình bày các sự kiện một cách khách quan cũng không dễ. Thế nhưng, trừ một thiểu số nhỏ, có người Việt Nam nào, hoặc đã sống qua những ngày Cách mạng Tháng Tám, hoặc được nghe kể lại, hay đọc trong sách vở, có thể phủ nhận tính chất *ngày hội lớn* thực sự của cả một dân tộc, hôm 2.9 năm 1945 ấy ? Khi thủ đô Hà Nội tràn ngập những dòng người, mang cờ, hoa và biểu ngữ, " *Nước Việt Nam của người Việt Nam* ", " *Đả đảo thực dân Pháp* "..., tuôn về phía vườn hoa Ba Đình, và vang lên bài Tiến quân ca, " *Đoàn quân Việt Minh đi, chung lòng cứu quốc...* ". Khi cả triệu người lắng nghe chủ tịch Hồ Chí Minh nhân danh Chính phủ lâm thời đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* của nước Việt Nam mới, với những từ ngữ nghe giản dị nhưng gói ghém bao ước mơ của người dân mất nước, từng nuốt bao khổ nhục, đắng cay :

« *Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được ; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc* ».

Lời bất hủ ấy ở trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là : tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng ; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

...

" *Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân tộc Việt-nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy.*"

(xem tiếp trang 7)

## Centre Culturel Franco-Vietnamien

24, rue des Ecoles, 75005 PARIS, ☎ 43 29 60 89  
(ouvert tous les jours, sauf le lundi)

### programme de septembre 1995

EXPOSITION DE PEINTURE

#### TRUONG CHANH TRUNG

artiste peintre vietnamien résidant à Québec  
exposition du 1er au 30 septembre  
vernissage : samedi 9 septembre à 19 h

EXPOSITION DE PHOTOS

#### DANIEL PISSONDES : *D'un regard à l'autre*

exposition du 1er au 30 septembre  
vernissage : samedi 9 septembre à 19 h

MUSIQUE ET DANSE :

#### HOA MÔ (*Fleurs d'abricotier*)

ensemble du Folklore et des Arts traditionnels de Hà Nội  
(20 chanteurs, danseurs et instrumentistes)  
Vendredi 8 septembre à 20h, Petite Salle de l'Unesco,  
9 place de Fontenoy, Paris 7<sup>e</sup>

## Cùng bạn đọc

Ở số 44 này, *Diễn Đàn* vừa tròn 4 tuổi. Với số sau, xuất bản đầu tháng 10.1995, dày 48 trang (theo tập tục *xuân thu nhị kỳ* của tờ báo), *Diễn Đàn* sẽ bước sang năm thứ 5.

Trải qua 4 năm, về phương hướng và nội dung — ngay từ khi ra đời, tờ báo này đã tự khẳng định như một *diễn đàn vì phát triển và dân chủ* — nó đã được định hình và xác định vị trí riêng của mình trong cảnh quan báo chí Việt Nam, ngoài nước và trong nước. Thông tin trung thực và tổng hợp về tình hình Việt Nam; phân tích khách quan và thẳng thắn những vấn đề cơ bản đặt ra cho xã hội Việt Nam; trong chùng mực có thể, đưa ra những đề nghị, gợi ý xây dựng; dành chỗ cho những tiếng nói chưa có điều kiện phát biểu hoặc phổ biến ngay từ trong nước...; phản ánh và đề cập các khía cạnh văn hoá, văn nghệ, khoa học, tuy không có tác động cấp thời, nhưng về lâu dài, lại giữ một vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển một xã hội công dân ở Việt Nam. Đó là những nhiệm vụ đặt ra cho một tờ báo độc lập. Độc lập hiểu theo hai nghĩa cơ bản: về *chính trị*, độc lập với mọi tổ

## sinh hoạt văn hoá sinh hoạt văn hoá

### CYCLO đi Venise

Trần Anh Hùng, tác giả *Mùi đu đủ xanh* (giải Camera d'Or tại Cannes 1993, chung tuyến Oscar 1993), vừa hoàn thành cuốn phim *Cyclo*. Tác phẩm này, cùng với phim *La Cérémonie* của Claude Chabrol, sẽ thay mặt điện ảnh Pháp, dự thi đại hội liên hoan Venise tháng 9.1995. Ngày 27.9, *Cyclo* sẽ xuất hiện trên màn ảnh Pháp. Dài 2 giờ, toàn bộ cuốn phim được quay tại Việt Nam đầu năm nay. Trừ Tony Leung (diễn viên Hồng Kông, thủ vai du dương nhà thơ), tất cả diễn viên là người Việt. Hai diễn viên chính khác: Lê Văn Lộc (vai xích lô), Trần Nữ Yên Khê (người chị).

### Mùa thu PARIS: Hạn hán và Cơn mưa (*Sécheresse et Pluie*)

Trung tuần tháng 10, Đoàn Ea Sola sẽ bắt đầu cuộc lưu diễn thứ nhì tại châu Âu (xem Số tay *Diễn Đàn* số 42, 6.95) với vở múa *Hạn hán và cơn mưa (Sécheresse et Pluie)* đã được nhiệt liệt tán thưởng tại Douai, Bruxelles và Hamburg mùa xuân vừa qua. Sự có mặt của 14 phụ nữ nông dân Thái Bình (từ 55 đến 76 tuổi) là một trong những yếu tố quyết định tạo ra sức mạnh nghệ thuật của vở múa, một sáng tác xuất sắc của Ea Sola — Thuý. Dưới đây là lịch trình diễn mùa thu của Compagnie Ea Sola:

21 octobre: Festival International de Normandie

24 & 25 oct: IDDAC (Bordeaux)

3 & 4 novembre: Culturgest de Lisbonne (Portugal)

Du 8 au 13 novembre: Festival d'Automne de Paris (Centre Georges Pompidou)

25 novembre: Chalon-sur-Marne (Espace Pierre Dac)

30 novembre: Rotterdam, Hà Lan (Stadsschouwburg)

5 décembre: Metz (Arsenal)

8, 9 & 10 décembre: Rennes (Théâtre National de Bretagne).

## Voyages au Vietnam & Indochine

Exemples de prix :

12 jours Paris-Paris : 10 950 F

15 jours Paris-Paris : 11 800 F

(Tarifs groupes) — Prestations standing : Hôtels 1<sup>ère</sup> catégorie, pension complète, transports aériens (vols réguliers), assurances, soirées-spectacles... Contacter :

### Les AMIS du VIETNAM et de l'ASIE,

Association culturelle loi 1901

Agrément de Tourisme n°AG 075 95 0002

Spécialiste du Vietnam et de l'Indochine

Organisation des congrès, voyages d'études, circuits aventure... à la carte

Siège : 2, Square de la Salamandre, 75020 PARIS

Tél : (1) 44 24 08 76

Fax : (1) 45 86 25 05

Notre partenaire au Vietnam : VIETNAMTOURISM

chức, để tránh mọi xung đột tất yếu sẽ xảy ra giữa những yêu cầu của tổ chức (dù chính đáng tới đâu) và yêu cầu của thông tin khách quan ; về tài chính, không lệ thuộc vào quảng cáo, mà chỉ sống bằng tiền mua báo của bạn đọc.

Nếu lý do tồn tại của tờ báo không còn đặt ra nữa, thì ngược lại, khả năng tồn tại và phát triển của nó đang trở thành vấn đề nóng bỏng. Chính vì vậy, chúng tôi xin gửi đôi dòng này tới bạn đọc.

Có thể tóm tắt tình hình hiện nay của *Diễn Đàn* bằng hai nét chính :

(1) số bạn đọc ghi mua báo ở Tây Âu (đặc biệt ở Pháp) có chiều hướng giảm sút, về trung hạn có thể gây khó khăn tài chính cho tờ báo,

(2) số bạn đọc Bắc Mỹ, Trung/Đông Âu và trong nước tiếp tục tăng lên, đồng thời mạng lưới internet (trong xa lộ thông tin) mở ra khả năng phổ biến nhanh lẹ và rộng rãi cho một tờ báo như *Diễn Đàn*.

Làm thế nào mở rộng diện phát hành của *Diễn Đàn* trong khi chiều hướng (1) có thể đe dọa khả năng sống còn của nó ? Đó là vấn đề đặt ra cho tờ báo, mà chúng tôi xin nêu ra cùng bạn đọc.

Sự thật, vấn đề này đang đặt ra cho toàn bộ báo in trên thế giới, song nó cực kỳ gay gắt đối với một tờ báo độc lập, phát hành từ Pháp (là nơi giá in cao nhất thế giới).

Những biện pháp trước mắt chúng tôi đã và đang tiến hành để bước đầu giải quyết vấn đề có thể tóm tắt như sau :

- có những bạn đọc ở các nước đứng ra làm đại diện để nhận tiền mua báo (Bắc Mỹ, Đức, Thụy Sĩ, Ba Lan, xem *khung ở bên*) để độc giả ngoài Pháp trả tiền dễ dàng, và giảm được tiền hoa hồng của ngân hàng mỗi lần chuyển ngân.

- thử nghiệm việc chuyển giao chế bản sang Mỹ qua mạng lưới thông tin điện tử internet để có ngay ấn bản tại Mỹ, giảm chi phí và thời gian gửi báo (hiện nay, mỗi số báo ra đầu tháng đến tay bạn đọc Hoa Kỳ sau 3 tuần, thậm chí 4 tuần).

Song, vấn đề cốt lõi trước mắt vẫn nằm trong tay bạn đọc Tây Âu, đặc biệt bạn đọc ở Pháp : đợt vận động bạn đọc mới và ghi mua lại dài hạn cuối năm (từ tháng 10 đến tháng 12) chừng nào sẽ quyết định sự tồn tại trung hạn của *Diễn Đàn*.

Với tất cả sự tin tưởng, chúng tôi xin gửi tới bạn đọc lời chào thân ái.

*Diễn Đàn*

## DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm: Hà Dương Tường

Tổng biên tập: Trần Hải Hạc

Ban chủ biên: Trần Hải Hạc, Lê Văn Cường,  
Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường,

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc,

Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,

Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thủy,

Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn,

Hải Vân, Hoà Vân

## Giá biểu quảng cáo và rao vặt

**Rao vặt** : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

**Quảng cáo** :  
180 F

1/8 trang :

1/4 trang : 300 F

1/2 trang : 550 F

1 trang : 1000 F

(giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %)

**Đăng liên tiếp nhiều số báo**

lần thứ hai : bớt 10 %

từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

**Chứng từ đăng tải** : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

## Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên .....

Địa chỉ .....

.....

.....Điện thoại : .....

mua một năm báo *Diễn Đàn* kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếu ..... FF

đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo ( Pháp nội địa : 250 FF, châu

Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc *money order*) về địa chỉ : DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Bạn đọc ở **Bắc Mỹ** (Hoa Kỳ & Canada) xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (xem trên).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt : 300 000 zloti / năm, séc đề tên Anna Le Duc, tài khoản XO/PKP Warszawa, 1603-179360-170-4 Warszawa (for Forum), hoặc chuyển tiền qua bưu điện đến địa chỉ : Anna Le Duc, 03-914 WARSZAWA, ul. Saska 44/19.

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán bằng FS vào trương mục của *Diễn Đàn* ở Genève : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân.

Riêng bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung)

TRAN (Bank : STADT & KREISSPARKASSE, SULZBACH-ROSENBERG, Konto : N° 21 09 700 BLZ 752 517 80)

Tôi có những người bạn chưa biết báo *Diễn Đàn*. Đề nghị báo gửi tặng một số giới thiệu :

Tên họ.....

Địa chỉ.....

.....

.....

# Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức

## Năm học mới : điệp khúc cũ

Vào năm học mới, bộ giáo dục và đào tạo đã chọn ngày 5.9 làm “ ngày toàn dân đưa trẻ em đến trường ” với mục tiêu huy động hầu hết trẻ em độ tuổi 6-14 vào nhà trường. Để đạt chỉ tiêu này, theo lời thứ trưởng giáo dục Trần Chí Đạo, cần phải có thêm 100 000 giáo viên và 50 000 phòng học mới. Đến sát ngày khai giảng, người ta được biết vẫn thiếu đến 60 000 giáo viên ; chỉ có 20 % số trường tiểu học và 27 % trường trung học đạt tiêu chuẩn tối thiểu về thiết bị ; số lớp học ca ba không giảm mà tăng lên 17 000 lớp, hơn gấp đôi so với cách đây hai năm ; và còn đến 70 000 phòng học tạm bằng tre lá. Hơn thế nữa, trong khi nhà nước chỉ dành được cho giáo dục 11 % ngân sách, chỉ tiêu này lại bị các địa phương cắt giảm : ở 13 tỉnh, thành, một cuộc kiểm tra cho biết ngân sách giáo dục do trung ương giao đã bị cắt xén hơn 100 tỉ đồng !

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, mặc dù chính quyền tuyên bố không thay đổi mức học phí, hầu hết các trường đều thu gấp 3, 4 lần mức qui định trở lên : “ Năm nào số giáo dục cũng nói nhưng có trường nào bị kỷ luật đâu ” – một người trách nhiệm trường nhận xét. Ngoài ra , muốn ghi tên con em vào những trường có chất lượng cao, phụ huynh còn bị buộc phải ký “ sổ vàng ” từ 500 000 đồng đến hơn một triệu đồng. Và mặc dù có chỉ thị của thủ tướng, các trường và giáo viên đều tiếp tục tổ chức các lớp dạy thêm, dạy hè, hầu như bắt buộc đối với học sinh.

Theo ông Lê Hiếu Đằng, trưởng ban văn hóa xã hội trong Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, “ thực trạng của chúng ta là không còn trường công theo đúng nghĩa của nó. Các hệ học đều phải trả tiền. Điều bức bối của dư luận là các khoản tiền này không được công khai hóa. Sở giáo dục gần như bất lực. Hệ thống chính trị tại các trường học – Đảng, Đoàn thanh niên cộng sản, công đoàn ...- gần như không có tác dụng gì trước tình hình này. ” Ông cho rằng “ tổ chức lại hệ thống trường công - tư rõ ràng và chấm dứt tình trạng thu tiền tràn lan là yêu cầu cấp bách ”. (Lao Động 9.7; Phụ Nữ TPHCM 15.7; Người Lao Động 11.8; Tuổi Trẻ chủ nhật 20.8.95)

## Đại học Mở ... lại khép

Trong tháng 7 vừa qua ở Thành phố Hồ Chí Minh, hàng nghìn sinh viên đã ÷ ạt tập trung trước trường Đại học Mở để ghi danh học, làm tắc nghẽn giao thông suốt một ngày trời ở khu vực các đường Võ Văn Tần - Trương Định - Bà Huyện Thanh Quan. Sự cố xảy ra sau khi bộ trưởng giáo dục và đào tạo quyết định khống chế số người ghi danh học năm đầu ở mức 2 000 sinh viên – cắt giảm hai phần ba so với năm học 94/95 (6 500 sinh viên) – và hạn chế trong 4 chuyên ngành

(Anh văn, quản trị kinh doanh, tin học, công nghệ sinh học), với lý do cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên và công nghệ kiểm định của trường không cho phép tăng qui mô đào tạo.

Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh là trường đại học bán công đầu tiên – nhà nước chỉ cung cấp cơ sở vật chất ban đầu, trường trang trải kinh phí hoạt động bằng những nguồn ngoài ngân sách nhà nước (mức học phí vào khoảng từ 1,1 triệu đến 1,6 triệu đồng/năm). Sau 5 năm hoạt động, trường Đại học Mở đã có 38 000 sinh viên theo học 10 chuyên ngành (ngoài bốn ngành kể ở trên, còn có công thôn, kiến trúc, báo chí, luật, Đông Nam Á học, phụ nữ học), trở thành cơ sở đào tạo đại học có quy mô lớn nhất nước.

Trước sự bùng nổ hiện nay trong xã hội của nhu cầu đào tạo, quyết định vừa qua của bộ trưởng Trần Hồng Quân chạm đến quyền học hành không chỉ đối với thanh niên mà cả những lứa tuổi khác. Theo ý kiến báo Tuổi Trẻ, dù những khiếm khuyết của trường Đại học Mở có thật, song biện pháp khắc phục không phải là “ đóng ” mà là “ mở ” – là hỗ trợ và đầu tư để trường tiếp tục tăng qui mô đào tạo. Hiện nay, tỷ lệ sinh viên Việt Nam so với dân số trong lứa tuổi 18-23 chỉ đạt mức 2-3 %, trong khi, theo chỉ tiêu của Liên Hiệp Quốc (do UNDP công bố năm 1993), một quốc gia dù đạt mức 5,7 % vẫn phải coi là có nền đại học chậm phát triển. Bộ trưởng Trần Hồng Quân có nêu cho Việt Nam mục tiêu nâng tỷ lệ nói trên lên khoảng 5-6 % vào năm 2 000. Vấn đề – như báo Tuổi Trẻ nhấn mạnh – là người học không thể chờ đến năm 2 000 được ! (Tuổi Trẻ 22 và 29.7 ; Lao Động 6.8.95)

## Cắt giảm ngân sách

Trước tình trạng nhà nước thiếu hụt ngân sách trầm trọng (sáu tháng đầu năm chỉ đạt được 39 % kế hoạch thu), chính phủ đã quyết định cắt giảm 700 tỷ đồng trong kế hoạch chi của ngân sách 1995. Những khoản chi bị cắt bao gồm 400 tỉ đồng vốn xây dựng cơ bản và 300 tỉ đồng chi cho xây dựng trụ sở, mua sắm ô tô, trang thiết bị đắt tiền, lễ lộc...

Bắt đầu từ tháng 9, một thông tư của bộ tài chính cấm các cơ quan nhà nước chi quà tặng và tiền bồi dưỡng cho những người đang hưởng lương nhà nước tham dự các cuộc họp và hội nghị. Thời gian tổ chức hội nghị không được quá ba ngày. Người dự hội nghị phải tự trả tiền ăn, ở bằng công tác phí và một phần lương của mình. Cơ quan tổ chức hội nghị chỉ trợ cấp tiền ăn, ở cho người không hưởng lương nhà nước. Tất cả các hội nghị không được dùng thuốc lá, rượu, bia để giải khát. (Tuổi Trẻ 27.6 ; Lao Động 13.8.95)

## Lại xử tù những người đối lập

Vừa qua, nhà cầm quyền Hà Nội đã liên tiếp đưa ra xét xử ông Nguyễn Đình Huy cùng 8 thành viên khác của tổ chức “ Phong trào thống nhất dân tộc và xây dựng dân chủ Việt Nam ”, và hòa thượng Thích Quảng Độ với 5 thành viên khác trong tổ chức “ Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất ”.

Với tội danh “ hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân ”, tòa án Thành phố Hồ Chí Minh, xử sơ thẩm ngày 12.8. 1995, đã kết án tù ở các ông Nguyễn Đình Huy (15 năm), Phạm Tường (14 năm), Bùi Kim Định (12 năm), Nguyễn Ngọc Tân (11 năm), Đồng Tuy (11 năm), với hình phạt bổ

sung 5 năm quản chế *sau khi mãn hạn*. Bốn người còn lại bị những mức án từ 3 đến 8 năm tù (với 3 năm quản chế), trong đó có hai người mang hộ chiếu Mỹ gốc Việt Nam : các ông Nguyễn Tấn Trí và Nguyễn Quang Liêm, bị 5 năm và 4 năm tù ở (và cấm cư trú tại Việt Nam sau khi mãn hạn). Đại diện của lãnh sự quán Hoa kỳ đã có mặt tại phiên tòa.

Nguyên phó tổng thư ký đảng Tân Đại Việt trước năm 1975, ông Nguyễn Đình Huy đã bị giam trong trại cải tạo 17 năm, đến năm 1992 mới được trả tự do. Ông thành lập Phong trào thống nhất dân tộc và xây dựng dân chủ với sự hỗ trợ của luật sư Mỹ Stephen Young, tác giả của một giải pháp dân chủ hóa ở Việt nam, theo đó Đảng cộng sản giữ độc quyền lãnh đạo trong 5 năm đồng thời chấp nhận một đảng đối lập là tổ chức của ông Huy. Ông Stephen Young bị nhà cầm quyền Việt Nam trục xuất ngày 13.11 1993 và ông Nguyễn Đình Huy bị bắt ngày 17.11, vài ngày trước khi khai mạc “ Hội thảo quốc tế về phát triển Việt Nam ” mà ông dự kiến công khai tổ chức tại khách sạn Métropole ở Thành phố Hồ chí Minh (xem Diễn Đàn tháng 1.1994).

Cũng tòa án Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15.8 đã xử kín và tuyên án sơ thẩm hòa thượng Thích Quảng Độ 5 năm tù ở và 5 năm quản chế với tội danh “ phá hoại chính sách đoàn kết dân tộc ” và “ lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của nhà nước và của tổ chức xã hội ”. Các tu sĩ Thích Không Tánh, Thích Nhật Ban, Thích Trí Lực và các cư sĩ Nhật Thường, Đồng Ngọc bị những mức án từ 2 năm tù treo đến 5 năm tù ở và quản chế 5 năm.

Tổng thư ký Viện hóa đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất (chùa Ấn Quang) trước ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam – tổ chức Phật giáo thống nhất các giáo hội năm 1981 trong khuôn khổ của Mặt trận Tổ quốc – hòa thượng Quảng Độ, do không chấp nhận thống nhất tổ chức dưới sự kiểm soát của chính quyền, đã bị quản chế 10 năm ở miền Bắc. Từ năm 1992, sau khi trở lại Thành phố Hồ Chí Minh và cùng với hòa thượng Thích Huyền Quang, ông tìm cách dựng lại tổ chức cũ, thành lập “ Tăng đoàn bảo vệ chánh pháp ”, “ Ban văn hóa từ thiện ”, “ Văn phòng tổng thư ký Viện hóa đạo ”. Ông bị bắt ngày 4.1 1995, sau khi ra tập tài liệu “ Nhận định về những sai lầm tai hại của Đảng cộng sản Việt Nam đối với Dân tộc và Phật giáo Việt Nam ” và tập hợp hàng trăm người lập đoàn cứu trợ lũ lụt ở đồng bằng sông Cửu Long.

Theo thông tấn xã Việt Nam ngày 16.8 1995, các tòa án Quảng Ngãi và Đà Nẵng sẽ tiếp tục xét xử các hòa thượng Thích Huyền Quang và Thích Long Trí vì liên can với những hoạt động của hòa thượng Quảng Độ. Bộ ngoại giao Việt Nam còn cho biết các luật sư nước ngoài không được phép bào chữa cho những công dân Việt Nam trong những vụ án xét xử ở Việt Nam.

Bộ trưởng ngoại giao Úc Gareth Evans, người phát ngôn của bộ ngoại giao Hoa kỳ cũng như các tổ chức Amnesty International và Human Rights Watch/Asia đã phản đối những bản án ngày 12 và 15.8 ở Thành phố Hồ Chí Minh và lên án chính phủ Hà Nội vì phạm quyền công dân và quyền con người.

## Tổng bí thư Đỗ Mười thăm Tân Tây Lan và Úc

Tổng bí thư đảng Cộng sản Việt Nam Đỗ Mười đã đi thăm Tân Tây Lan từ ngày 26 đến 28.7 và sau đó sang Úc cho tới ngày 4.8.1995. Đây là lần đầu tiên một nhà lãnh đạo cao cấp nhất của đảng CSVN đi thăm hai nước châu Đại Dương này, những nước trước kia từng tham gia cuộc chiến tranh Việt Nam về phía Mỹ nhưng từ nhiều năm nay đã chuyển hướng ngoại giao tập trung vào vùng Châu Á - Thái Bình Dương. Chuyến đi của ông Mười trùng với những ngày khối ASEAN họp chấp nhận đơn gia nhập của Việt Nam, chứng tỏ, như thủ tướng Úc Paul Keating nhấn mạnh, “ tầm quan trọng ngày càng lớn của Việt Nam trong vùng Châu Á - Thái Bình Dương ”. Cùng đi với ông Mười có các ông Đậu Ngọc Xuân, chủ nhiệm Ủy ban nhà nước về hợp tác và đầu tư, Nguyễn Công Tạn, bộ trưởng bộ nông nghiệp, và thứ trưởng ngoại giao Trần Quang Cơ và một nhóm doanh nhân. Nếu Tân Tây Lan mới có rất ít quan hệ kinh tế với Việt Nam, Úc đã là một bạn hàng đáng kể của Việt Nam, với kim ngạch thương mại lên đến 400 triệu đôla Mỹ trong năm 1994, và 700 triệu đôla đầu tư vào 47 dự án kinh tế - kỹ thuật trong các ngành viễn thông, dầu mỏ, sắt thép v.v... Một hiệp định mở đường bay thường xuyên giữa hai nước và một hiệp định viện trợ của Úc cho Việt Nam đã được ký kết. Úc cũng đã chính thức thông báo sẽ cho Việt Nam vay 54 triệu đôla Úc (40 triệu đôla Mỹ) cho dự án xây cầu Mỹ Thuận bắc qua sông Tiền. Dự án giá trị 86 triệu đôla này sẽ do một công ty Úc đảm nhiệm.

Một số tổ chức người Việt Nam tại Úc đã lên tiếng phản đối chính phủ Úc đã tiếp đón ông Đỗ Mười. Cho tới nay, Úc đã tiếp nhận khoảng 140 000 người Việt tới định cư. (AFP 26, 27 và 31.7.1995)

## Việt Nam - Cam Bốt quan hệ ấm hơn

Một cuộc gặp riêng giữa hai thủ tướng Norodom Ranariddh và Võ Văn Kiệt ngày 27.7 tại Đà Lạt và một chuyến đi thăm chính thức Cam Bốt hai ngày 8 và 9.8. vừa qua của chủ tịch Lê Đức Anh đã đánh dấu một chuyển biến tích cực trong quan hệ giữa hai nước cho tới nay vẫn phức tạp vì các vấn đề biên giới và vấn đề kiều dân Việt Nam ở Cam Bốt. Cùng đi với ông Lê Đức Anh có các bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm, nông nghiệp Nguyễn Công Tạn, văn hoá Trần Hoàn và giáo dục Trần Hồng Quân.

Sau khi Liên hiệp quốc rút khỏi Cam Bốt năm 1991, khoảng 30 000 người Việt ở đây đã tản cư về vùng biên giới vì sợ Khmer đỏ, song cuộc sống của họ vẫn chưa ổn định và nhiều người vẫn muốn trở về Cam Bốt, nơi họ đã sinh sống từ lâu. Tuy nhiên, Phnom Penh không chấp nhận họ trở về, và năm ngoái lại đã thông qua một đạo luật về việc nhập cư của người nước ngoài đe dọa cuộc sống của những người Việt hiện vẫn ở Cam Bốt, làm căng thẳng quan hệ giữa hai nước. Hai bên đã đồng ý tiến hành những cuộc đàm phán để giải quyết vấn đề này, song hai lần họp đầu tiên, một ở Phnom Penh vào tháng 3 năm nay và một ở Hà Nội đầu tháng 8 chưa cho phép ghi nhận kết quả khả quan nào, dù cùng ngày hai thủ tướng hai nước gặp nhau ở Đà Lạt, 13 gia đình Việt Nam đã chính thức được Cam Bốt cho phép trở về nơi sinh

sống cũ. Chuyến đi thăm Cam Bốt của chủ tịch Lê Đức Anh, đáp lời mời của vua Norodom Sihanouk, nhằm mục đích hâm nóng những mối quan hệ láng giềng khó khăn đó, đã được kết thúc bằng một thông cáo chung nói lên việc “ cải thiện hiểu biết lẫn nhau ” và khẳng định các “ quan hệ hữu nghị ” giữa hai nước và hai dân tộc Cam Bốt và Việt Nam.

Vua Norodom Sihanouk đã nhận lời mời đi thăm Việt Nam vào cuối năm nay. (AFP 28.7, 1 và 8.8, Reuter 9.8.1995)

### **Ngoại trưởng Nga Kozyrev thăm Việt Nam**

Lần đầu tiên kể từ ngày Liên Xô tan rã và nước Cộng hoà Nga tiếp nối trong những quan hệ với nước ngoài, một ngoại trưởng Nga, ông Andrei Kozyrev đã tới thăm Việt Nam trong hai ngày 27 (Hà Nội) và 28.7.1995 (thành phố Hồ Chí Minh). Sau những cuộc hội đàm với bạn đồng sự, ông Nguyễn Mạnh Cầm, và chủ tịch Lê Đức Anh (thủ tướng Võ Văn Kiệt không có mặt tại Hà Nội), ông Kozyrev tuyên bố “ rất hài lòng về kết quả của chuyến thăm ”. Tuy nhiên, hai bên đã không đạt thoả thuận nào về ba vấn đề mấu chốt trong quan hệ giữa hai nước : món nợ của Việt Nam với Liên Xô cũ, số phận của hàng chục ngàn người Việt Nam đang cư ngụ tại Nga hiện nay và việc hải quân Nga muốn tiếp tục được sử dụng cảng Cam Ranh tới sau năm 2004 (Việt Nam có những dự án khác cho khu vực này).

Việt Nam nợ Liên Xô trước năm 1991 gần 10 tỉ rúp. Hồi ấy, đồng rúp được ấn định giá trị tương đương với đồng đôla Mỹ. Sự ấn định này có tính chất chính trị hơn là kinh tế, nhưng so với sức mua của người dân Nga hiện nay thì giá trị thực tế của đồng rúp bây giờ cũng thấp hơn xưa nhiều. Giá trị trao đổi trên thị trường hiện nay thì 10 tỉ rúp kia chỉ còn được 2,3 triệu đôla. Hai bên chưa tìm được một tỉ suất thoả đáng, và đã quyết định thành lập một tiểu ban hỗn hợp để kiểm một hình thức trả nợ thích hợp. Từ mấy năm nay, Việt Nam vẫn chở hàng hoá, thực phẩm sang Nga góp phần vào việc trả nợ này. Mỗi đây, một nông trường cà phê 1000 ha ở tỉnh Sông Bé đã được nhượng cho một công ty Nga trong 25 năm, như một phần của món nợ.

Sau ông Kozyrev, ngày 2.8 một phái đoàn của quốc hội Nga (viện Douma) do phó chủ tịch Vengerovsky dẫn đầu cũng đã thăm Việt Nam. (AFP 28.7, 2 và 20.8.1995)

### **Chống nghiên cứu chất Da cam ?**

Một chương trình nghiên cứu quốc tế về tác hại của dioxin, chất độc có trong thuốc trừ sâu mang tên chất Da cam, đã từng được quân đội Mỹ dùng với quy mô lớn trong chiến tranh Việt Nam, đang bị đe dọa.

Bang giao mới Việt - Mỹ đã không ngăn cản nhà cầm quyền Hà Nội tịch thu hầu hết vật dụng nghiên cứu của một đoàn 9 khoa học gia Mỹ - Canada và Tân Tây Lan khi họ rời Việt Nam cuối tháng 6 vừa qua sau khi dự một hội nghị 3 ngày về thuốc trừ sâu. Những vật dụng bị chặn lại bao gồm 40 mẫu máu của những người từng bị nhiễm Chất Da cam ở Lào, 26 mẫu thức ăn Việt Nam như sữa, cá, thịt bò, được mang đi để gửi đến một phòng phân tích chất dioxin ở Amsterdam, Hà Lan, và nhiều tài liệu khoa học liên quan

của các nhà khoa học Việt Nam. Đoàn 9 nhà khoa học nói trên đến Việt Nam trong khuôn khổ của chương trình nghiên cứu do Viện Y tế Quốc gia Mỹ (NIH) đề xướng và được sự bảo trợ của Tổ chức Y tế Thế giới. Các nhà khoa học Việt Nam nghiên cứu chất dioxin từ lâu mong mỏi có được sự hợp tác quốc tế này, vì chỉ rất ít phòng thí nghiệm trên thế giới có thể thực hiện những cuộc phân tích rất phức tạp về chất dioxin.

Hải quan Việt Nam không cho biết lý do của việc tịch thu, nhưng nhiều tiếng đồn ở Hà Nội cho biết nhiều quan chức chính phủ lo ngại rằng nói tới Chất Da cam sẽ làm trở ngại bang giao với Mỹ ! (theo tạp chí Science, số 269, ngày 21.7.1995)

### **Lại Đông lạnh Hùng Vương**

Sau gần bốn năm kể từ khi những bê bối tài chính của ban giám đốc công ty Đông lạnh Hùng Vương – trực thuộc ủy ban nhân dân quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh – bị báo chí phanh phui, cuộc điều tra của công an thành phố cho biết, trong khi ban giám đốc báo cáo kinh doanh có lãi, công ty đã mất khả năng thanh toán trên 90 tỉ đồng. Cơ quan điều tra đề nghị truy tố giám đốc Dương Ngọc Minh về các tội lập quỹ trái phép, trốn thuế và tham ô, nhưng không truy về tội danh làm thất thoát tài sản. Theo phó giám đốc công an Trần Văn Tạo, “ do ông Minh không biết làm giám đốc, không biết làm sổ sách kế toán theo đúng nguyên tắc, nên không xác định được con số thất thoát thực là bao nhiêu cho nên không truy tố theo tội danh này ” (!).

Điều đáng nói là thái độ của lãnh đạo Thành uỷ và uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi đã ngăn chặn cuộc điều tra, đang “ đông lạnh ” tiến trình truy tố, nên cốt lõi của vụ án vẫn chưa được làm sáng tỏ. Theo báo Lao Động, “ điều đó không thể hiểu khác hơn được, phía sau lưng bọn sâu một là cả một thế lực ” ! Chỉ tiếc tờ báo không nói rõ đó là thế lực nào. (Lao Động và Tuổi Trẻ 18.7.95)

### **Tin ngắn**

- Bộ trưởng nông nghiệp Cuba Alfredo Jordan, uỷ viên bộ chính trị, đã tới thăm Việt Nam một tuần đầu tháng 7, để “ tìm hiểu nông nghiệp Việt Nam từ thời đổi mới ”. Tháng 3 năm nay, hai nước đã ký một thoả ước thương mại theo đó Việt Nam sẽ xuất sang Cuba 60 000 tấn gạo trong năm.

- Quan hệ Việt Nam - Rumani, được đánh dấu đặc biệt bằng chuyến đi thăm Hà Nội của Ceaucescu năm 1988, bị đứt quãng từ sau những thay đổi năm 1989, vừa được nối lại với chuyến đi thăm Việt Nam đầu tháng 7 vừa qua của thủ tướng Nicolae Vacaroiu và một đoàn 45 doanh nhân Rumani.

- Thoả ước Đức - Việt về việc đưa về nước 40 000 người Việt đang sinh sống “ bất hợp pháp ” ở Đức (xem ĐĐ các số 38 và 41), đã được ký kết ngày 21.7 tại Berlin, giữa bộ trưởng nội vụ Manfred Kanther và thủ trưởng ngoại giao Nguyễn Dy Niên. Theo thoả ước, 2500 người sẽ phải hồi hương trong năm nay.

- Uỷ ban Sông Mekong đã chọn ông Y. Matoba, quan chức cao cấp trong bộ nông nghiệp Nhật Bản, làm người phụ trách chính cho công tác chấp hành, điều phối. Uỷ ban hiện

## 2.9.1945... (tiếp theo trang 1)

Từ nhiều ngày trước, cả nước sôi sục những cuộc khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát xít Nhật. Hà Nội 19.8. Huế 23.8. Vua Bảo Đại thoái vị một tuần sau. Sài Gòn, Chợ Lớn 25.8...

Dĩ nhiên, những vấn đề khó khăn cực kỳ to lớn đã rất sớm hiện ra. Nạn đói ở Bắc bộ đầu năm đã làm chết cả triệu người, nền kinh tế kiệt quệ vì chiến tranh. Bên ngoài, đoàn quân Tàu Tưởng của tướng Lư Hán tràn vào các tỉnh miền Bắc, tiếng là “giải giới” quân Nhật, nhưng đi tới đâu hạch sách dân chúng đến đấy. Theo chân chúng là những người “Việt Nam quốc dân đảng” tránh khủng bố của Pháp sau thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái, chạy sang các tỉnh nam Trung Hoa, mong dịp này về dựa thế Hoa quân để nắm lấy chính quyền (xem *Chiang Kai-Shek, De Gaulle contre Ho Chi Minh, Lin Hua, L'Harmattan, Paris 1994*). Nghiêm trọng hơn, chính sách thiết lập lại thuộc địa của Pháp không dành chỗ cho một chính quyền Việt Nam độc lập. Cuộc kháng chiến chống Pháp đã bắt đầu ngay từ ngày 23.9 ở Nam Bộ...

Người viết sử bình tâm của một trăm năm sau, hay sau nữa, không còn mang trong người những xúc cảm mãnh liệt của người trong cuộc, sẽ mô tả ra sao những ngày độc lập non trẻ ấy, đánh giá ra sao hành động của từng tác nhân trong đó? Không dễ nói trước, nhưng có thể nào quên sự bắt đầu lột xác vô cùng cực nhọc của một xã hội thuộc địa, phong kiến, trong một thế giới đầy biến động, giữa những xung đột dữ dội của những quyền lợi và của các hệ tư tưởng hình thành từ thế kỷ trước ở châu Âu xa xôi nhưng đang trong thời kỳ mở rộng ảnh hưởng năng nổ nhất?

Nhưng đó là việc của 50 năm sau, hay sau nữa. Tùy thuộc vào việc giải quyết những vấn đề của ngày hôm nay. Để cho cuộc chiến tranh kéo dài 30 năm và những hậu quả nặng nề của nó, những biến động lớn không kém trong 20 năm sau đó, không tiếp tục đào sâu những vết thương chia rẽ. Để thực sự mở ra một thời kỳ mới, trong đó những từ ngữ mới của 50 năm trước, **tự do, hạnh phúc**, không còn là những ước vọng xa xôi mà còn phát huy được “sức mạnh an nhiên”

gồm đại diện các nước Cam Bốt, Lào, Thái và Việt Nam. Một trong những công tác đầu tiên của ông Matoba là thuyết phục Trung Quốc và Miến Điện tham gia Ủy ban, và tìm kiếm tài trợ cho các dự án của Ủy ban.

- Bằng một thông cáo của bộ ngoại giao, Việt Nam đã lên tiếng “hoan nghênh việc thủ tướng Tomiichi Murayama chính thức xin lỗi (các nước châu Á bị quân đội Nhật chiếm đóng trong thế chiến thứ hai)”, và cho rằng “đây là một cố gắng của chính phủ Nhật để khép lại quá khứ bi thảm của chiến tranh, mở ra một trang sử hợp tác và phát triển mới với các nước trong vùng”.

- Ngày 17.8, sau khi Trung Quốc tiến hành vụ nổ thử bom nguyên tử ở Lop Nor, Việt Nam đã lên tiếng yêu cầu Trung Quốc và Pháp chấm dứt chương trình thí nghiệm vũ khí nguyên tử của mình.

- Bà Margie Sudre, thứ trưởng ngoại giao Pháp phụ trách

của chúng, một sức mạnh có khả năng hỗ trợ nền độc lập của đất nước hơn bất kỳ đạo quân thiện chiến nào.

Trong viễn tượng ấy, phải chăng cũng đã tới lúc bình tâm nhìn thẳng vào hiện tại, gạt qua những mặc cảm, sợ sệt, hằn thù, để suy tính cho tương lai? Người xưa nói “*ngũ thập tri thiên mệnh*”. Dẫu sao, 50 năm đã trôi qua, một nước Việt Nam độc lập, thống nhất đã hình thành, được cộng đồng thế giới công nhận. Nền kinh tế đi dần vào quỹ đạo phát triển, những tiến bộ có thật trong cuộc sống vật chất của người dân được đi kèm theo một sự cởi mở tương đối của xã hội công dân.

Vấn đề là ở chỗ “tương đối” đó. Hướng phát triển của xã hội rõ ràng không đảo ngược được. Không phải để đạt một thứ tự do “tuyệt đối” nào cho các cá nhân, hay những quyền dân chủ “tuyệt đối” nào của công dân. Nhưng hiển nhiên là xã hội đang đòi hỏi rất nhiều quyền tự do, dân chủ ở những chuẩn mực cao hơn hiện nay nhiều: tự do báo chí, tự do ngôn luận, tự do hội họp, ứng cử, bầu cử, v.v... Đòi hỏi một cách chủ động, thông qua tiếng nói của rất nhiều người đến từ các chân trời khác nhau, dù vì những lý do chiến thuật chẳng thượng sách gì một số người cầm quyền tưởng có thể chia rẽ họ bằng cách để yên hoặc mua chuộc người này, bắt giam hoặc làm khó để cuộc sống của người khác. Đòi hỏi không nói ra nhưng hiện diện rõ nhất trong cuộc sống hàng ngày ở thái độ người dân bỏ ngoài tai mọi lời tuyên truyền của bộ máy quyền hành, lo làm ăn là chính khi chưa thể làm gì khác. Đòi hỏi an nhiên, đầy tinh thần trách nhiệm, đủ sức thuyết phục về khả năng “tiêu hoá” những quyền tự do, dân chủ ấy mà không sợ gây những xáo trộn quá lớn.

Nắm bắt và chủ động đáp ứng kịp thời những đòi hỏi đó có thể khác với nắm bắt những tình cảm uất ức, tủi nhục của người dân bị trị để tiến hành cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công 50 năm trước. Song, đối với những người lãnh lấy trách nhiệm nối tiếp cuộc Cách mạng Tháng Tám đó, chẳng hơn ư là bám vào những ảo giác của những giáo điều lỗi thời, kéo dài những trì trệ không mang lại gì hơn cho dân tộc đã đành mà cũng chẳng mang lại gì hơn cho chính bản thân ngoài vài quyền lợi ngắn hạn và sự thân bại danh liệt đã quá thường xảy ra trong lịch sử?

### Diễn Đàn

quan hệ với các nước dùng tiếng Pháp (Francophonie) là người đầu tiên trong chính quyền mới của Pháp sau cuộc bầu cử tổng thống vừa qua đã tới thăm Việt Nam 4 ngày cuối tháng 6, để chuẩn bị hội nghị thượng đỉnh Francophonie năm 1997. Việt Nam là nước duy nhất đã chính thức đăng cai tổ chức hội nghị này. Quyết định cuối cùng sẽ được thông qua trong hội nghị Francophonie 1995, cuối năm nay tại Cotonou (Bénin).

- Thượng nghị sĩ Mỹ Tom Harkin, người cách đây 25 năm đã phổ biến các hình chụp những “chuồng cọp” giam người tại Côn Đảo, đã trở lại thăm nơi đây tuần đầu tháng 7 với bốn nghị sĩ Mỹ khác. Trong chuyến trở lại Việt Nam này, ông cũng đã tiếp xúc với thủ tướng Võ Văn Kiệt, ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm, đại tướng Võ Nguyên Giáp, và tìm gặp một số người tù “chuồng cọp” cũ.

(xem tiếp Tin tức trang 11)

**Bang giao Việt Mỹ  
Gia nhập ASEAN**

# **MỘT VẬN HỘI MỚI trong lãnh vực đối ngoại**

**Nguyễn Ngọc Giao**

Ba sự kiện dồn dập xảy ra trong tháng 7.95, mở ra một chương mới trong quan hệ ngoại giao của Việt Nam : ký hiệp định khung với Liên hiệp châu Âu, thiết lập quan hệ ngoại giao đầy đủ với Mỹ, chính thức gia nhập hiệp hội các nước Đông Nam Á ASEAN. Lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, một nhà nước Việt Nam đã thiết lập bang giao đa phương, hữu hảo với tất cả các quốc gia trên thế giới (1).

Cũng như trong tình yêu, quan hệ ngoại giao phải có hai bên, thậm chí nhiều bên. Một mặt, ba sự kiện kể trên chứng tỏ Hoa Kỳ, Liên hiệp châu Âu, ASEAN (với sự ủng hộ nếu không nói là thúc đẩy của Úc và Nhật) đều mong muốn tạo điều kiện thuận lợi cho việc hội nhập của Việt Nam vào cộng đồng quốc tế. Mặt khác, không thể chối cãi, sự trùng hợp của ba sự kiện ấy là một thành công lớn của nền ngoại giao Việt Nam. Một kết quả không những chỉ có tính chất đối ngoại : về mặt đối nội, nó đẩy lùi thêm một bước — một bước thôi — xu thế bảo thủ co cụm vẫn còn chiếm ngự não trạng của giới lãnh đạo (đặc biệt trong lãnh vực “ tư tưởng ” và an ninh).

Về phía Mỹ, việc thừa nhận Việt Nam chứng tỏ một lần nữa bản lĩnh nhất định của tổng thống Clinton, kết hợp với khả năng nắm bắt thời cơ : được sự ủng hộ khá dững cảm của thượng nghị sĩ Cộng hoà McCain (con cháu đô đốc hải quân, 6 năm Hoả Lò Hà Nội), Bill Clinton đã biết nhanh lẹ dứt điểm một quyết định tế nhị, trước khi chính trường Mỹ lao vào năm tranh cử tổng thống (bắt đầu mùa thu), trong đó các đối thủ sẽ không quên nhắc lại quá khứ chống (hay trốn) chiến tranh của ông. Điều quan trọng mà báo chí ít để ý, là vào giờ chót, Nhà trắng đã được giới lãnh đạo quân đội cung cấp một chủ bài quan trọng. Họ đã rì tai thuyết phục giới quốc hội : bang giao với Việt Nam là điều kiện cần thiết để ổn định tình hình ở Đông Nam Á, giữa lúc bóng dáng hạm đội Trung Quốc trên Biển Đông đang gây lo ngại trong khu vực, và cả ngoài khu vực.

Đối với Việt Nam, ba sự kiện ngoại giao nói trên mở ra những triển vọng mới, đặc biệt về kinh tế, chiến lược và chính trị. Về kinh tế, sự bang giao với Hoa Kỳ sớm muộn sẽ dẫn tới quy chế tối huệ quốc (cần thiết cho cả giới đầu tư Mỹ), hiệp định hợp tác với Liên hiệp châu Âu sẽ tạo thêm đối trọng trong khối lượng đầu tư nước ngoài (một tỷ trọng quá lớn vẫn thuộc về khối Hán hoá), và sự gia nhập ASEAN (và sang năm, gia nhập hiệp ước AFTA) sẽ mang thêm yếu tố ngoại sinh cho công cuộc cải tổ cơ cấu và phát triển kinh tế (xem bài của giáo sư Trần Văn Thọ, trang bên).

(1) Ngoại lệ đáng kể duy nhất là Vatican, song cũng chỉ còn vấn đề thời gian, yếu tố cần thiết để giải tỏa những chuyện thể diện vật vãnh giữa hai bộ máy nhà nước còn mang nặng tính chất... giáo hội và giáo điều.

Về mặt chiến lược và chính trị, đây là vận hội hết sức thuận lợi để xác định, lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, một quốc sách đối ngoại đa phương và đa nguyên. Suốt nửa thế kỷ sau ngày Tuyên ngôn độc lập 2.9.1945, cuộc đấu tranh vì độc lập, chủ quyền và thống nhất của dân tộc đã phải trả một giá quá đắt, chủ yếu vì sự phân cực trên bàn cờ quốc tế. Trong năm thập niên ấy, những quy định ác nghiệt của lịch sử đã dồn Việt Nam vào cái thế phải gấn độc lập dân tộc với những quyền lợi quốc tế của những nước lớn chống lại những nước lớn. Nay là lần đầu tiên, quan hệ đa phương với mọi nước có thể cho phép nước ta bảo vệ độc lập bằng sự cân bằng và đối trọng tương tác.

Tất nhiên, khả năng ấy chỉ có thể trở thành hiện thực với một số điều kiện chủ quan và khách quan. Trong khuôn khổ hạn hẹp của một bài báo nhỏ, chỉ xin nhắc lại ở một điều kiện chủ quan tối thiết : nhận thức về thế giới hôm nay.

Trong một thế giới không còn lưỡng cực, chủ trương *làm bạn với mọi người* đòi hỏi phải dứt khoát vĩnh biệt quan niệm địch-ta cần thiết trong quá khứ, nay đã trở thành lỗi thời và nguy hại. Khi chính quyền Mỹ nêu vấn đề nhân quyền trong quan hệ song phương, có hai cách nhìn. Nếu coi Mỹ là đế quốc, là kẻ địch, thì chỉ cần nghĩ một cách máy móc : nhân quyền là một vũ khí để Mỹ can thiệp vào Việt Nam, rồi đưa ra những tuyên bố lên gân, và sau đó mọi sự thoả thuận, thoả hiệp đều có thể được hiểu như nhượng bộ. Nếu coi chính quyền Mỹ là một bộ máy chính quyền, sử dụng mọi phương tiện (kể cả nhân quyền), và cũng chịu sức ép của dư luận (trong cả vấn đề nhân quyền), thì khác hẳn : độc lập với tính chất đạo đức giả, việc chính quyền Mỹ nêu vấn đề nhân quyền là một điều *sỉ nhục* đối với Việt Nam, vì *vi phạm nhân quyền* tự nó là một điều sỉ nhục. Còn gì hay hơn là : từng bước tự mình giải quyết vấn đề nhân quyền, và ngẩng mặt thương lượng với Mỹ về mọi vấn đề “ hai bên đều có lợi ” ? □

## **Mỹ qua... Qua Mỹ...**

+ Quyết định bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Việt Nam của tổng thống Mỹ **Bill Clinton** (ngày 11.7.95) đã tăng tốc lịch trình các cuộc viếng thăm hai chiều.

+ Mở đầu là cuộc viếng thăm Hà Nội của ông **Warren Christopher** (4-6.8). Tại đây, ngoại trưởng Mỹ đã khánh thành đại sứ quán Mỹ. Hà Nội cũng chuẩn bị đón tiếp bà **Hilary Clinton** trung tuần tháng 9 (sau khi bà vợ tổng thống Mỹ dự hội nghị quốc tế phụ nữ tại Bắc Kinh).

+ Cũng tháng 9, chủ tịch **Lê Đức Anh** sẽ tới New York dự lễ kỷ niệm 50 thành lập Liên Hợp Quốc. Tháng 10, ngoại trưởng **Nguyễn Mạnh Cẩm** sẽ tới thủ đô Washington.

+ Trước đó (từ ngày 12.8), ông **Hồng Hà** (ủy viên Ban bí thư, Trưởng ban đối ngoại Trung ương ĐCS) đã làm một vòng Mỹ du 10 ngày (San Francisco, Atlanta, Washington, New York) theo lời mời của Ford Foundation. Tổ chức này đang chuẩn bị một cuộc viếng thăm Mỹ của đại tướng **Võ Nguyên Giáp** và một cuộc viếng thăm Việt Nam của cựu bộ trưởng quốc phòng **Robert S. McNamara**.

+ Ai sẽ làm đại sứ Việt Nam đầu tiên tại Mỹ ? Giới ngoại giao Hà Nội thường đưa tên ông **Lê Mai**, hiện nay là thứ trưởng ngoại giao.

+ Về phía Mỹ, **Desaix Anderson** đã được cử làm đại biện lâm thời tại Hà Nội, trong khi chờ đợi Thượng viện chuẩn y một đại sứ mới. Đây sẽ là dịp để phe chống bang giao trong Đảng cộng hoà gây khó khăn cho Nhà trắng.



# Vài khảo sát sơ bộ về ý nghĩa kinh tế của việc Việt Nam gia nhập ASEAN

Trần Văn Thọ(\*)

Việt Nam đã trở thành thành viên thứ bảy của ASEAN. Có lẽ ít có chuyên gia kinh tế chính trị quốc tế dự đoán được là sự kiện đã xảy ra sớm như vậy. Nhưng với sự chuẩn bị ráo riết của phía Việt Nam, với sự hợp tác của các cơ quan hữu quan ASEAN cùng với quyết tâm của lãnh đạo các nước liên hệ, một tổ chức hợp tác khu vực với số dân 420 triệu và với một tiềm năng kinh tế lớn đã ra đời.

Việt Nam cũng sẽ gia nhập Khối mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) vào một thời điểm sớm hơn dự kiến của nhiều người (tháng 1.1996). Trước đây, người ta lo rằng với khoảng cách hiện nay giữa trình độ phát triển của Việt Nam với các nước ASEAN khác, liệu các ngành công nghiệp của Việt Nam có thể phát triển được không? Trong ý nghĩa đó, gia nhập AFTA sớm là sớm chấp nhận một thử thách. Tuy nhiên, điều này buộc Việt Nam phải tiến hành cải cách kinh tế và hành chính nhanh hơn để đối đầu có hiệu quả với thử thách này. Ngoài ra, gia nhập AFTA sớm sẽ mở ra những cơ hội thâm nhập dễ dàng hơn vào thị trường của khu vực này. Ý nghĩa của AFTA đối với tương lai kinh tế Việt Nam ra sao và Việt Nam cần phải chuẩn bị như thế nào để tận dụng nhiều nhất cơ hội đó?

## AFTA và tương lai của ngoại thương Việt Nam

Với chính sách đổi mới của Việt Nam, từ cuối thập niên 1980, trọng tâm của ngoại thương Việt Nam đã chuyển hẳn sang khu vực châu Á - Thái Bình Dương năng động. Như biểu thống kê cho thấy, vào năm 1993, tổng cộng các nước ASEAN, NIEs (các nền kinh tế công nghiệp mới: Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông), Nhật và Trung Quốc chiếm độ hai phần ba tổng ngạch xuất khẩu và hơn 80% tổng ngạch nhập khẩu của Việt Nam. Tiến triển trong sự phân công quốc tế giữa nước ta với vùng năng động này là một trong những yếu tố góp phần đưa nền kinh tế Việt Nam phát triển hơn 8% trong những năm qua.

(\*) Giáo sư kinh tế trường đại học Obirin, Tokyo, Nhật Bản

Tuy nhiên, xét riêng ASEAN ta thấy, ngoài Singapore là nước trung chuyển mậu dịch và là một nước công nghiệp mới (NIEs), buôn bán giữa Việt Nam với các nước này chưa chiếm một tỷ lệ đáng kể. Tổng tỷ lệ của tất cả bốn nước Indônêxia, Thái Lan, Malaysia và Philippines chưa được 10% xuất hoặc nhập khẩu của Việt Nam. Yếu tố chính giải thích hiện tượng này là Việt Nam có tính bổ sung cao đối với Nhật hoặc NIEs vì khoảng cách giữa Việt Nam với các nước này về trình độ phát triển kinh tế khá lớn và nhất là cấu tạo tài nguyên cũng rất khác. Ngược lại, bốn nước ASEAN kể trên rất giống Việt Nam về phương diện cấu tạo tài nguyên và khoảng cách về trình độ phát triển đối với Việt Nam cũng tương đối gần. Giữa các nước ASEAN - trừ Singapore - cũng vậy, như ta đã thấy trong bài viết trên số báo trước (*Thời báo kinh tế Sài Gòn* số 31.1995), do tính bổ sung thấp nên mậu dịch giữa họ với nhau không nhộn nhịp như là với Nhật và NIEs.

Trong bài viết trước, tôi có nói đến hiệu quả sáng tạo và hiệu quả chuyển hoán ngoại thương của các nước ASEAN sau khi AFTA được thành lập. Vì các lý do kể trên, ta có thể nói hai hiệu quả này cũng có tác dụng đối với ngoại thương của Việt Nam sau khi ta gia nhập AFTA, tương tự như hiệu quả đối với các nước ASEAN cũ, nghĩa là hiệu quả chuyển hoán ngoại thương sẽ lớn (một phần mậu dịch với Nhật và NIEs sẽ giảm, nhường chỗ cho mậu dịch với ASEAN vì thuế nhập khẩu với các nước ASEAN kể cả Việt Nam sẽ rất thấp, dưới 5%). Điều này có nghĩa là tổng ngoại thương của Việt Nam sẽ không tăng bao nhiêu dù cho chương trình giảm thuế quan của AFTA được thực hiện hoàn toàn.

## AFTA, đầu tư trực tiếp nước ngoài và công nghiệp hoá tại Việt Nam

Tuy nhiên, phân tích ở trên chưa nói đến những mặt năng động hơn của khu mậu dịch tự do (KMDTD) ngày nay. Sự phân công quốc tế được đẩy mạnh trong nội bộ ASEAN, trong đó Việt Nam sẽ tập trung sản xuất và xuất khẩu một số mặt hàng có lợi thế so sánh, đồng thời phải mở cửa thị trường trong nước cho nhiều mặt hàng khác sản xuất tại ASEAN. Mỗi mặt hàng công nghiệp và nông phẩm chế biến sẽ có được một thị trường rộng lớn nên sẽ đạt được lợi ích về quy mô kinh tế (giá thành giảm nhanh theo độ tăng của sản xuất). Trong nội bộ của một số ngành công nghiệp, đặc biệt là những ngành máy móc như xe hơi và đồ điện, trong đó nhiều bộ phận, linh kiện có những đặc tính về kỹ thuật, công nghệ khác nhau (chẳng hạn có bộ phận, linh kiện có hàm lượng lao động cao; trong khi các bộ phận, linh kiện khác có hàm lượng tư bản hoặc kỹ thuật cao), sự phân công quốc tế trong nội bộ từng ngành cũng sẽ được thúc đẩy. Trong trường hợp này, giá thành của sản phẩm cuối cùng sản xuất tại ASEAN sẽ thấp vì nhiều linh kiện, bộ phận nhập khẩu trong KMDTD hầu như được miễn thuế.

Như đã được phân tích trong bài báo trước, các công ty xuyên quốc gia, đặc biệt là của Nhật và NIEs, sẽ có khuynh hướng đầu tư trực tiếp tại ASEAN vì ba lý do: Hiệu suất kinh tế của việc phân công lao động và tập trung sản xuất, hiệu quả chuyển hoán mậu dịch và sự lớn mạnh của thị trường. Kết quả là xuất khẩu từ ASEAN sang các khu vực ngoài KMDTD sẽ có khuynh hướng tăng, tạo nên một thứ hiệu quả sáng tạo ngoại thương mới, thúc đẩy ASEAN phát triển hơn nữa. Từ những góc độ này và với những đặc tính của kinh tế Việt Nam, ta có thể dự đoán hiệu quả của AFTA đối với công nghiệp hóa của Việt Nam như thế nào?

Trước khi vào vấn đề này, cần làm rõ hai khái niệm lợi thế so sánh tĩnh (static comparative advantage) và lợi thế so sánh động (dynamic comparative advantage). Lợi thế so sánh tĩnh là lợi thế so sánh trước mắt hoặc trong trung hạn (5 - 7 năm), được quy định bằng những đặc tính kinh tế hiện tại. Như vậy, Việt Nam hiện nay có lợi thế so sánh trong những ngành dùng nhiều lao động, nhất là lao động giản đơn, và các ngành chế biến nông, thủy sản. Lợi thế so sánh động là lợi thế so sánh 10 hoặc 15 năm sau, hoặc trong tương lai xa hơn. Trong thời gian dài như vậy, Việt Nam có tiềm năng cạnh tranh được trong những ngành có hàm lượng tư bản, kỹ thuật cao hoặc lao động lành nghề, có tri thức cao. Tuy nhiên, tiềm năng này trở thành hiện thực hay không còn tùy thuộc chiến lược công nghiệp hóa hiện nay. Trở lại vấn đề hiệu quả của AFTA đối với công nghiệp hóa Việt Nam trong thời gian tới, có thể có mấy nhận xét sau :

**Thứ nhất**, các công ty đa quốc gia sẽ đặt Việt Nam trong chiến lược sắp đặt các cứ điểm sản xuất trong phạm vi toàn khu vực theo hướng triển khai phân công lao động, chuyên môn hóa trong nội bộ xí nghiệp (intra-firm specialization), phát huy lợi thế so sánh của Việt Nam so với các nước ASEAN khác. Như vậy trước mắt các công ty đa quốc gia sẽ chọn những ngành hoặc những linh kiện, bộ phận có lợi thế so sánh tĩnh tại Việt Nam.

**Thứ hai**, một số nước ASEAN, đặc biệt là Indonesia, có cấu tạo về lợi thế so sánh giống Việt Nam. Do đó, những lĩnh vực công nghiệp có hàm lượng lao động cao, và các ngành chế biến nông - lâm - thủy sản, một số được sản xuất ở Việt Nam và một số khác đặt tại các nước ASEAN khác. đương nhiên, nước nào có môi trường đầu tư thuận lợi hơn sẽ thu hút nhiều đầu tư của các công ty đa quốc gia hơn.

**Thứ ba**, trong thời gian dài kỳ, công ty đa quốc gia sẽ xét đến lợi thế so sánh động của từng nước mà bố trí chiến lược đầu tư. Những lợi thế so sánh động có trở thành hiện thực hay không còn tùy thuộc vào chính sách hiện nay của các nước nhằm chuẩn bị những tiền đề cho lợi thế so sánh động hiện thực hóa trong tương lai. Nếu hiện nay không có chính sách chuẩn bị tích cực thì những lợi thế so sánh này sẽ chuyển sang các nước khác. Tại Việt Nam, muốn hiện thực hóa lợi thế so sánh động như nói ở trên, ngay từ bây giờ phải có kế hoạch giáo dục, đào tạo để 10 - 15 năm sau có được đội ngũ lao động có kỹ năng, tri thức cao ; phải xây dựng những bến cảng lớn và các cơ sở hạ tầng khác nhằm phát triển được những ngành công nghiệp nặng. Như vậy mới tiếp tục đón nhận những dòng chảy đầu tư trực tiếp nước ngoài và cơ cấu công nghiệp mới chuyển dịch lên cao hơn.

**Thứ tư**, cho đến năm 2006 Việt Nam sẽ phải giảm thuế suất nhập khẩu xuống mức thấp hơn 5 %. So với các nước ASEAN khác, thời điểm phải hoàn tất mục tiêu này chậm hơn ba năm. Tuy nhiên với trình độ phát triển hiện tại của Việt Nam, đây là một thách thức lớn. Việt Nam cần đặt mục tiêu thực hiện kế hoạch giảm thuế quan trước năm 2 000 đối với những ngành có lợi thế so sánh tĩnh, và trước năm 2 006 đối với những ngành có lợi thế so sánh động. Ở đây đòi hỏi một nỗ lực rất lớn về cải cách kinh tế và hành chính, trong đó phải tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tư nhân hoạt động, phải cải cách doanh nghiệp nhà nước theo hướng hiệu suất hóa, cải cách hệ thống ngân hàng để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả v.v...

**Thứ năm**, nếu mọi việc diễn tiến như lịch trình nói trên, ngoại thương Việt Nam sẽ được đẩy mạnh. Xuất nhập khẩu sẽ tăng nhanh, không những với các nước ASEAN mà còn với các nước khác tại vùng châu Á - Thái Bình Dương. Kinh tế Việt Nam sẽ phát triển với nội dung hiệu suất và năng động vì với kế hoạch giảm thuế quan nói trên và với sự bức thiết phải cải cách kinh tế, hành chính, Việt Nam sẽ tham gia tích cực hơn vào việc phân công lao động tại vùng kinh tế năng động này.

### **Để phát huy hiệu quả của AFTA**

Việc gia nhập ASEAN và AFTA sẽ đưa lại nhiều hiệu quả tích cực cho quá trình công nghiệp hóa sắp tới của Việt Nam vì những lý do sau :

**Thứ nhất**, qua những kênh giao lưu quốc tế mà ASEAN đã thiết lập trong mười mấy năm qua, Việt Nam sẽ tiếp cận dễ dàng với những tri thức về kinh doanh, công nghệ, kinh nghiệm về quản lý kinh tế, hành chính và nắm bắt kịp thời những thay đổi trên thị trường thế giới. Đặc biệt giữa ASEAN và Nhật, ASEAN và Mỹ đã có những kênh đối thoại văn hóa, kinh tế, những kênh thúc đẩy phát triển các xí nghiệp nhỏ và vừa, thúc đẩy việc chuyển giao công nghệ v.v... Theo tôi, vai trò của ASEAN đối với sự phát triển kinh tế của từng nước trong tổ chức này mấy mươi năm qua được phát huy qua những kênh như thế này.

**Thứ hai**, tham gia AFTA sẽ làm cho các xí nghiệp trong nước phải sớm bị đặt trong một môi trường cạnh tranh quốc tế, nhưng có ảnh hưởng tích cực đến những sản phẩm công nghiệp mà Việt Nam có lợi thế so sánh trước mắt (lợi thế so sánh tĩnh). Hiện nay, thuế nhập khẩu của những món hàng này độ 50 - 60 %, đủ để xí nghiệp trong nước cạnh tranh với hàng nhập. Nhưng kinh nghiệm của Nhật và một số nước châu Á cho thấy, nếu bảo hộ kéo dài quá lâu, các ngành đó sẽ không phát triển lành mạnh và không thể trở thành lợi thế so sánh để cạnh tranh trên thị trường thế giới. Do đó, dù có gia nhập AFTA hay không, Việt Nam cũng nên từng bước giảm mức thuế quan theo một thời khóa biểu định trước. Lịch cắt giảm thuế quan mà AFTA quy định rất phù hợp với chiến lược công nghiệp hóa hướng vào xuất khẩu mà trước mắt là trong các ngành có hàm lượng lao động cao, các ngành chế biến nông - lâm - thủy sản. Nhìn từ góc độ này, ta thấy việc gia nhập AFTA sẽ không trở thành một phụ đảm mới cho Việt Nam ; ngược lại, ta có thêm cơ hội để xâm nhập vào thị trường các nước ASEAN khác.

Đối với việc phát triển những ngành Việt Nam có lợi thế so sánh động, lịch cắt giảm thuế quan mà AFTA quy định có lẽ hơi khắt khe vì thời gian bảo hộ tương đối ngắn. Tuy nhiên, nếu có chiến lược công nghiệp hóa đúng đắn, ta cũng có thể khắc phục được. Chẳng hạn, trong giai đoạn đầu nên chọn một vài ngành mà lợi thế so sánh có thể phát huy tác dụng nhiều nhất, bảo đảm trong thời gian tương đối ngắn có thể cạnh tranh được, trước tiên là trong thị trường nội địa, sau đó là thị trường nước ngoài. Số lượng các ngành này sẽ được tăng từng bước trong quá trình dài của chiến lược công nghiệp hóa.

Quan điểm xuyên suốt trong bài viết trước và bài viết này là trong thời gian 10 hoặc 15 năm trước mắt, hiệu quả của AFTA đối với việc phát triển kinh tế của từng nước thành viên ASEAN chủ yếu là tăng đầu tư trực tiếp, hiệu suất hóa và tập

trung hóa sản xuất các ngành công nghiệp, thúc đẩy ngoại thương với toàn vùng châu Á - Thái Bình Dương năng động.

Vấn đề còn lại ở đây là Việt Nam phải tạo mọi điều kiện để xí nghiệp trong nước hoạt động có hiệu quả, tạo môi trường tốt để các công ty xuyên quốc gia ngày càng chọn Việt Nam là nơi đặt các cứ điểm sản xuất công nghiệp. Đây là con đường ngắn nhất, trực tiếp nhất để phát huy hiệu quả của AFTA trong chiến lược công nghiệp hóa của nước ta.

**Trần Văn Thọ**

(Thời báo kinh tế Sài Gòn số 32, ngày 3.8 1995)

### Cấu tạo thị trường ngoại thương của Việt Nam 1993

Đơn vị tiền : triệu USD

	Xuất khẩu	Nhập khẩu
Tổng xuất hoặc tổng nhập của VN, trong đó, với :	3 018 (100,0)	5 394 (100,0)
Singapore	320 (10,6)	1 078 (20,0)
Indonesia	35 (1,2)	189 (3,5)
Malaysia	86 (2,9)	151 (2,8)
Thái Lan	77 (2,6)	127 (2,4)
Philippines	12 (0,4)	44 (0,8)
ASEAN	530 (17,6)	1 589 (29,5)
Hồng Kông	126 (4,2)	561 (10,4)
Hàn Quốc	82 (2,7)	801 (14,8)
Đài Loan	140 (4,6)	552 (10,2)
Trung Quốc	111 (3,7)	304 (5,6)
Nhật Bản	976 (32,3)	706 (13,1)

Chú ý : Số trong ngoặc là tỷ lệ của các nước trong tổng xuất hoặc tổng nhập của Việt Nam.

Nguồn : IMF, Direction of Trade Statistic Yearbook, 1994.

### Vài dữ kiện về các thành viên của ASEAN

Nước	Dân số (triệu người)	Thu nhập bình quân đầu người (USD)
Brunei	0,3	17 500
Indonesia	190	780
Malaysia	19,03	3 230
Philippines	66,5	850
Singapore	3,1	18 025
Thái Lan	61,2	2 348
Việt Nam	74	240

Nguồn Vietnam Economic Time

### Tin tức - Tin tức - Tin tức

• Thái Lan sẽ mở một " Quỹ Thái Lan về Đông Dương " với 200 triệu đôla, nhằm hỗ trợ cho các dự án phát triển kinh tế. Bộ trưởng tài chính Thái, ông Surakiart Sathirathai đã tới Hà Nội ngày 13.8 để đàm phán với bộ trưởng tài chính Việt Nam Hồ Tế về hoạt động của quỹ này, và về những vấn đề thuế khoá giữa hai nước.

• Mười năm sau khi cơ quan pháp luật có kết luận, ủy ban nhân dân Hà Nội vẫn chưa chịu thực hiện quyết định trả lại nhà cửa và tài sản cho ông " Vua lố " Nguyễn Văn Chấn. Bi quy vào diện " có tài sản bất minh " năm 1983, ông Chấn đi kiện đòi lại tài sản từ 12 năm nay, và chính phủ vừa qua phải lên tiếng yêu cầu chủ tịch ủy ban nhân dân Hà Nội giải quyết dứt điểm !

• Đầu tháng 7 vừa qua, tòa án tối cao Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ công ty Sài Gòn Ô tô nhập 118 xe ô tô tay lái nghịch, đã tuyên bố ông Nguyễn An Trung (Việt kiều ở Nhật, tổng giám đốc công ty) không phạm tội (dù là buôn lậu hay kinh doanh trái phép) và giao cho ủy ban nhân dân thành phố xử lý 118 ô tô tay lái nghịch đã nhập. Lãnh đạo thành phố đã công khai bày tỏ sự không đồng tình với quyết định nói trên của tòa án. Người ta được biết, khi tịch thu 118 xe ô tô đó, ủy ban nhân dân thành phố đã bán lại cho một công ty để kinh doanh với giá 5,8 tỉ đồng, trong khi giá trị lô xe nói trên lên đến 14,3 tỉ đồng !

• Năm 1995, đã xuất hiện tại Việt Nam loại tội phạm khủng bố dùng vũ khí và mìn nhằm giết hại hoặc phá hoại tài sản, nhà cửa người khác với động cơ riêng, thù tặc, cạnh tranh ... Báo Lao Động ngày 10.8 nêu lên 8 vụ khủng bố xảy ra từ đầu năm nay, trong đó có những vụ nhắm cán bộ chính quyền như chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định hay trưởng phòng cảnh sát điều tra thành phố Hải Phòng.

• Từ giữa tháng 7 vừa qua, Thành phố Hồ Chí Minh đã cấm xe xích lô lưu thông trên hơn 50 con đường thuộc khu trung tâm Sài Gòn (chủ yếu ở hai quận 1 và 3, kể cả chợ Bến Thành). Tuy quyết định này đụng chạm nghiêm trọng quyền lợi của hàng vạn người lao động đạp xe ba bánh, chính quyền thành phố chưa có biện pháp thiết thực nào nhằm ổn định đời sống của họ.

• Trong chuyến đến làm việc ở Huế đầu tháng 8, thủ tướng Võ Văn Kiệt đã cho biết ông tán thành đề nghị chuyển về mặt hành chính tỉnh Thừa Thiên - Huế thành một thành phố trực thuộc Trung ương với tên gọi là Thành phố Huế. Ông cũng ghi nhận đề xuất chuyển đại học Huế thành đại học quốc gia.

• Đại hội Hội điện ảnh Việt Nam họp đầu tháng 8 ở Hà Nội với 398 người tham dự (trên tổng số 800 hội viên) chỉ cử được 7 thay vì 15 ủy viên vào ban chấp hành mới (có đến 55 ứng cử viên) : Khải Hưng, Lê Mạnh Thích, Lê Hoàng, Đặng Nhật Minh (tái đắc cử tổng thư ký), Nguyễn Thị Hồng Ngát, Thanh An, Trần Văn Thủy. Chính phủ đã ban hành trước đó một nghị định nhằm tổ chức lại hoạt động điện ảnh, song cơ bản vẫn duy trì quyền lực thống trị của giới phát hành và chiếu bóng, ngược lại với những kiến nghị của giới sản xuất và sáng tác.

# Hồ sơ

## tù vụ “xét lại chống đảng” đến việc bắt giam Hoàng Minh Chính, Đỗ Trung Hiếu

Hồ sơ này gồm 2 tài liệu liên quan tới “ vụ xét lại ” kéo dài từ 30 năm nay, vẫn thường được gọi là “ vụ Hoàng Minh Chính – Đặng Kim Giang ”, trong đó một nhân vật nổi bật là ông Vũ Đình Huỳnh, từng nhiều năm làm bí thư riêng cho chủ tịch Hồ Chí Minh, và có con trai cả là nhà văn Vũ Thư Hiên, cùng bị bắt với ông năm 1967 :

1. Thư của bà Phạm Thị Tề (quả phụ của ông Huỳnh) gửi ông Nguyễn Trung Thành, cán bộ Ban tổ chức Trung ương của ĐCSVN, người nắm rõ nhất đầu đuôi “ vụ xét lại ” và từ một năm nay, kiên trì đòi minh oan cho các nạn nhân (xem các số 30, 41, 42 và 44). Chắc không phải ngẫu nhiên mà lá thư đề ngày 19.5 (sinh nhật chủ tịch Hồ Chí Minh), đáp lại lá thư của ông Thành đề ngày 3.2 (65 năm ngày thành lập ĐCS)

2. Lá thư của ông Vũ Đình Huỳnh viết từ năm 1987 gửi tổng bí thư lúc đó là ông Nguyễn Văn Linh, nay được bà Tề công bố. Tuồng cùng cần nói thêm : theo chứng từ của chính ông Nguyễn Văn Linh (nói với con ông Huỳnh), thì ông Vũ Đình Huỳnh là người đã đưa thiếu niên Nguyễn Văn Linh vào con đường cách mạng.

Khi số báo này đang lên khuôn, chúng tôi nhận được hai tài liệu đây : một thông tri TỐI MẬT của Ban bí thư Trung ương, do ông Đào Duy Tùng ký tên, và lá thư của ông Lê Hồng Hà gửi Trung ương ĐCS, cả hai đều trực tiếp liên quan tới “ vụ xét lại ” và việc bắt giam hai ông Hoàng Minh Chính, Đỗ Trung Hiếu.

Căn cứ vào hai tài liệu này (kỳ sau chúng tôi sẽ trích đăng), cũng như các tin tức nhận được từ Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, có thể tóm tắt diễn biến từ trung tuần tháng 6.95 như sau :

– Ngày 13.6, công an Hà Nội bắt giam ông Hoàng Minh Chính, công an TP Hồ Chí Minh bắt giam ông Đỗ Trung Hiếu do “ công an Hà Nội khởi tố ”. Ba ngày sau, ông Hiếu bị đưa ra Hà Nội, công an nói là giam ở Trại B. Cho đến cuối tháng 8, thân nhân của hai ông vẫn không được thăm. Quyết định khởi tố khẳng định các ông phạm tội “ lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích nhà nước (...) và tuyên truyền chống chế độ xã hội chủ nghĩa ” (điều 82 và 205a Luật hình sự).

– Cũng trong tháng 6, đảng bộ Hà Nội ĐCS, thi hành chỉ thị số 111 của Bộ chính trị (ngày 14.4.95) do ông Lê Đức Anh ký, đã khai trừ hai ông Nguyễn Trung Thành và Lê Hồng Hà. Thông báo 26.6.95 của Thành ủy Hà Nội nói : “ Nguyễn Trung Thành và Lê Hồng Hà có hoạt động chống Đảng, gây rối chính trị ” [khi phổ biến miệng, ông Thành còn bị thêm một “ tội ” : lá thư của ông đã được đăng trên báo... Diễn Đàn]. Hoạt động thực tế của họ là : ông Thành đã gửi thư đòi giải oan như đã nói trên, sau khi lãnh đạo Đảng không trả lời, thì gửi bản sao cho gia đình các nạn nhân ; ông Lê Hồng

(xem tiếp trang 14, cột 2)

### Bà Phạm Thị Tề (quả phụ Vũ Đình Huỳnh) gửi thư cho ông Nguyễn Trung Thành

Hà Nội ngày 19 tháng 5 năm 1995

Thưa ông,

Tôi là Phạm Thị Tề, vợ goá ông Vũ Đình Huỳnh, một trong những nạn nhân oan khuất của cái gọi là “ Vụ án xét lại chống Đảng ”.

Sau khi đọc xong thư của ông ngày 3.2.1995 gửi các quan chức cấp cao của Đảng và Nhà nước, tôi bàng hoàng xúc động. Tôi trân trọng đặt thư ông lên bàn thờ ông Vũ Đình Huỳnh, thắp nến, châm hương, gửi nó tới oan hồn chồng tôi, cầu cho ông được nhẹ nhõm phần nào nơi chín suối.

Trong những ngày cuối cùng ông quần quai, vật vã, ông chờ đợi một điều gì đó nhưng điều đó đã không đến. Khi vĩnh viễn ra đi, mắt ông không nhắm lại được, các con tôi đã vuốt mắt cho cha. Sang thế giới bên kia, ông Huỳnh đã đem theo niềm uất hận cuộc đời. Tôi, các con tôi, các cháu tôi cũng thừa hưởng niềm uất hận vì oan trái ấy, thay vì một tài sản thừa kế.

Xuất thân từ một gia đình đạo gốc, năm 16 tuổi ông đã giác ngộ cách mạng, trở thành một trong những đảng viên cộng sản đầu tiên. Từ đó, ông đã hiến cả cuộc đời mình cho cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và tự do cho mỗi người Việt Nam. Ông đã tin vào chủ nghĩa Mác-Lênin còn hơn ngày nào ông đã từng tin Chúa và chung thủy với giáo lý ấy đến cuối đời. Thế rồi, cả công lao, cả tên tuổi đã bị đồng chí của mình — Lê Đức Thọ — xoá sạch.

Gia đình tôi đã tự đứng ra tổ chức lễ tang cho ông trong sự tiễn đưa của họ hàng, bạn hữu cùng các cơ quan đoàn thể. Một lễ tang ấm áp tình người và lạnh lẽo tình đồng chí. Không một đại diện nào của Đảng đến viếng người quá cố, dù nghĩa tử là nghĩa tận. Cùng theo nguyện vọng của họ hàng, tôi đã mời một người cháu là linh mục đến cầu nguyện cho ông. Chưa yên tâm, tôi lại mời các nhà sư đến tụng kinh niệm Phật. Những yêu cầu của tôi đã được đáp ứng mau lẹ, để cho linh hồn ông được siêu thoát. Những tôn giáo khác đã tỏ ra giàu tình người hơn.

Lá đơn tôi viết ngày 20.2.1994 là một trong hàng núi đơn từ khiếu oan của những người trực tiếp và gián tiếp dính vào

“ vụ xét lại chống Đảng ”.

Sự bất đồng về quan điểm — trước số phận của đất nước — với nghị quyết IX (1963) chỉ là lý do trực tiếp dẫn tới việc bắt bớ, tù đầy, đàn áp khốc liệt các cán bộ ở trong và ngoài Đảng. Nguyên nhân sâu xa của vụ này ở đâu ? Tôi tin rằng có âm mưu cá nhân của ông Lê Đức Thọ đằng sau cuộc thanh trừng lớn lao này.

Chồng tôi và ông Lê Đức Thọ là đồng hương, quen biết và cùng hoạt động từ ngày cách mạng còn trong trứng nước, rồi cùng tù Sơn La, cùng tham gia Cách mạng Tháng Tám và chín năm kháng chiến ở Việt Bắc. Phải nói giữa họ vừa có tình bạn, tình đồng hương, tình đồng chí. Ông Huỳnh biết quá nhiều về ông Thọ và điều này thực sự là một tai họa với ông.

Cho đến giờ phút này tôi vẫn không sao cắt nghĩa được tại sao những người đồng chí lại có thể tàn ác ám hại nhau một cách khốc liệt đến thế ?

Ông Huỳnh bị bắt đêm 18.10.1967, bị còng tay bằng khoá số 8, khi còng sắt không vừa, công an đã dùng dây thừng trói giết cánh khuỷu ông, một ông già đã về hưu. Hình ảnh đó cho đến chết tôi cũng không thể quên, vì nó tàn bạo và man rợ gấp bội phần so với thời thực dân. May mà các con tôi không có nhà (các cháu đang ở nơi sơ tán), bởi nếu chúng chứng kiến cảnh tàn bạo đó, trái tim non nớt của chúng sẽ chứa đầy hận thù và niềm tin sẽ không còn đất nẩy mầm. Mãi sau này, tôi được biết đó là đòn phủ đầu theo lệnh ông Lê Đức Thọ. Ông Huỳnh cũng như một số người khác đã nắm đủ mưu tra tấn, kìm kẹp dưới thời thực dân, muốn khuất phục họ cần phải có những biện pháp tàn bạo hơn ? Thế mới biết, hòn đá ném từ tay người bạn, người đồng chí bao giờ cũng bất ngờ và đau hơn.

Sau 6 tháng bị nhốt trong xà lim Hoà Lò (*Maison centrale*) ông bị đưa lên Bất Bạt (Sơn Tây), rồi Tân Lập (Vĩnh Phú), Phong Quang (Lào Cai)... Những năm đầu, ông bị giam riêng trong một căn nhà có hàng rào kẽm gai bao quanh, chơ vơ giữa một quả đồi. Đến bữa, có người lặng lẽ treo cặp lồng cơm vào cửa, người này không được phép giao tiếp. Cách giam giữ này có thể làm người tù phát điên. Nếu mỗi bình minh không thính thoảng nghe tiếng chim hót trong rừng, nếu mỗi đêm dài không đôi khi nghe chó sủa xa xa thì mỗi người tù đều có cảm giác như mình đang sống trong nhà mồ. Còn ông Thọ thì chỉ coi đó là “ cuộc đấu tranh nội bộ ”, rằng “ những người đồng chí không bỏ tù nhau đâu ”, rằng “ thuyết phục không được thì phải dùng biện pháp hành chính ”. Ông không có khái niệm gì về pháp luật hay khi đang ở vị thế “ thái thượng hoàng ”, uỷ viên Bộ chính trị, Trưởng ban Tổ chức Trung ương ông cho rằng ông có quyền lực vô biên, muốn làm gì thì làm ?

Với những “ tội danh ” không một viện kiểm sát, một toà án nào được biết “ chống Đảng có tổ chức, theo chủ nghĩa xét lại, làm tình báo cho nước ngoài (Liên Xô)... ” ông Thọ đã đẩy đoạ nhiều công dân vô tội, trong đó không ít cán bộ trung, cao cấp từng có công lớn với cách mạng. Tiếp theo đó là cuộc hành hạ theo kiểu “ tru di tam tộc ” đối với những người trong gia đình họ.

Trong không khí khủng bố căng thẳng ấy, một số bạn bè và người thân xa lánh. Không thể trách ai vì đó là bản năng

tự vệ của mỗi người dân trong một xã hội thiếu dân chủ, pháp luật chỉ có trên giấy và vì thế đầy rẫy những bất trắc. Sau “ Cải cách Ruộng đất ”, “ Cải tạo Công Thương Nghiệp ”, “ Nhân văn Giai phẩm ”, “ xét lại chống Đảng ” và biết bao vụ khác nữa, quyền tự do của mỗi người dân bị bóp nghẹt, sự sợ hãi bao trùm toàn xã hội, khiến mỗi người dân muốn sống yên ổn không có cách nào hơn là phải đánh mất chính bản thân mình.

Song cũng chính trong những năm tháng gian truân đó, chúng tôi đã tồn tại được không chỉ bằng nghị lực bản thân mà còn vì chúng tôi vẫn đón nhận những lời chào hỏi ân cần, kính trọng, những ánh mắt đầy thiện cảm, những sự giúp đỡ chân tình cả về vật chất lẫn tinh thần từ nhiều người, thậm chí chưa hề quen biết.

Sau lá đơn của mình, tôi cũng nhận được nhiều hồi âm, thăm hỏi của những người dân bình thường từ khắp mọi miền đất nước biểu lộ sự thông cảm sâu sắc và ủng hộ đòi hỏi chính đáng của tôi.

Tâm hồn dân tộc Việt Nam chưa bao giờ đui chột, nó vẫn tồn tại, xuyên suốt thời gian và không gian để cho tư tưởng của người anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi “ lấy đại nghĩa thắng hung tàn, đem trí nhân thay cường bạo ” trở thành bất diệt.

Tôi tin ông — Nguyễn Trung Thành — đã ý thức được tinh thần đó của Nguyễn Trãi. Ông đã noi gương Lê Thánh Tông, vị vua hiền mà lịch sử dân tộc chưa bao giờ ngừng ca ngợi.

Thực ra, trước đây tôi chỉ biết ông là một trong những người đã trực tiếp tham gia giải quyết vụ này từ đầu, tôi oán ông cũng gần như oán Lê Đức Thọ. Sau này, tôi hiểu rằng ông chỉ là một cán bộ thừa hành dưới quyền Lê Đức Thọ. Ngày ấy nếu ông có đầy đủ tài liệu trong tay và nêu ý kiến của mình như nội dung lá thư vừa rồi thì chắc chắn ông đã bị ngồi tù.

Nhưng sau lá thư vừa rồi, ông đã lấy lại được sự kính trọng nơi tôi và rất nhiều người khác nữa. Ông đã vượt qua chính bản thân để làm một điều hiếm hoi trong lịch sử Đảng trong mấy chục năm qua. Phải có nhiều tình người lắm, phải có nhiều dũng khí lắm mới làm được một điều như vậy khi Đảng và Nhà nước vẫn coi sự phớt lờ đơn từ khiếu oan là quốc sách.

Và vì thế, vụ này đã bị bùng bít suốt mấy chục năm qua. Đó là điều tôi không sao hiểu nổi.

Giờ đây Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã sụp đổ. Đảng đã chấp nhận đổi mới để Việt Nam đi lên, hoà nhập vào cộng đồng thế giới với mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh. Tôi nghĩ không còn lý do gì để trì hoãn việc xem xét lại toàn bộ vụ này một cách công khai. Cần phải phê phán sự độc tài của Lê Đức Thọ, người đã lợi dụng “ quyền lãnh đạo của Đảng ” để chà đạp lên luật pháp, gây nhiều tội lỗi, làm bại hoại thanh danh của Đảng. Và qua đó, tìm ra cơ cấu ngăn chặn những sự lũng đoạn có thể có trong tương lai, xây dựng một nhà nước pháp quyền dân chủ. Theo tôi cần có “ Bộ luật về sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam ” chứ không thể là sự lãnh đạo chung

chung bằng các chỉ thị và nghị quyết. Một sự lãnh đạo chung chung làm cho các cơ quan lập pháp, tư pháp, hành pháp thực tế chỉ là công cụ của Đảng mà thôi. Điều này đã được chứng minh bằng sự lộng quyền để chà đạp luật pháp của ông Lê Đức Thọ và một số quan chức cấp cao của Đảng.

Gần 30 năm đã trôi qua. Ông Vũ Đình Huỳnh nhà cách mạng lão thành đã góp cả đời mình cho độc lập, tự do của dân tộc, đặc biệt trong Cách mạng Tháng Tám, trong việc làm kinh tế cho Đảng và giúp Chủ tịch Hồ Chí Minh thành lập Chính phủ lâm thời, chính phủ đại diện cho đoàn kết và hoà hợp dân tộc, một chính phủ thể hiện đầy đủ ý nguyện dân tộc Việt Nam qua hàng ngàn năm lịch sử. Nhưng nhà cách mạng lão thành đó đã bị xử trí tàn bạo, phi pháp và đã chết trong oan ức.

Quá nửa các con tôi đã về hưu, đứa út đã gần 40 tuổi. Chưa kể con trai cả của tôi — nhà báo, nhà văn Vũ Thu Hiền không phải là đảng viên, cũng bị bắt và tù 9 năm không án. Số còn lại đã mất hết tuổi thanh xuân và năng lực cống hiến vì phải sống trong o ép, ngược đãi. Chúng là nhân chứng của những gì cha chúng đã nếm trải dưới đáy vực cuộc đời. Chúng mang trong lòng nỗi đau khôn nguôi.

Còn tôi một người vợ, một người mẹ, tôi là người mất nhiều hơn cả, từ cái đếm được đến cái không đếm được. Giờ đây, tôi không còn gì để mất.

Nhìn rộng hơn chút nữa, suốt mấy chục năm qua biết bao cảnh ngang trái oan ức, biết bao cuộc đời đui chột, cằn cỗi chỉ vì luật pháp mới chỉ có trên giấy. Trong một cơ chế không hợp lý, nó không đủ sức mạnh để bảo vệ cuộc sống yên ổn cho mỗi người dân.

Nhiều nạn nhân trong đó có chồng và con tôi bị bắt, bị tù đầy hàng chục năm với những thủ đoạn tàn bạo : vu cáo, dựng tội, ép cung... mà chưa được đưa ra bất kỳ một toà án nào, kể cả “ toà án ” của Đảng. Như vậy, theo tư cách công dân họ vẫn vô can. Muốn xác định trắng đen cần phải đưa ra toà xét xử công khai. Chỉ có kết luận của toà án mới thực sự hợp hiến, hợp pháp. Mọi cách giải quyết nội bộ kiểu ông Lê Đức Thọ là sai với pháp luật. Giờ đây, những người lãnh đạo Đảng và Nhà nước không chỉ thừa kế công lao mà còn phải thừa kế cả lỗi lầm của các nhà lãnh đạo tiền nhiệm, đó là lẽ công bằng của lịch sử.

Trong lá thư của ông đề cập đến con số 32 cán bộ đảng viên đã bị xử trí. Theo tôi con số này lớn hơn nhiều, đặc biệt còn có nhiều người ngoài Đảng, họ cũng phải được minh oan, được bồi thường những thiệt thòi về vật chất, được công khai trả lại danh dự đã bị bôi nhọ suốt mấy chục năm qua. Bây giờ đã là quá muộn để làm một việc như vậy.

Lá thư của ông là tia nắng rọi vào bóng đêm dày đặc còn bao phủ lên vụ này đã gần ba thập kỷ. Đó là tiếng nói của lương tri, của lẽ phải. Tôi đồng ý với ông rằng, khi giải quyết công khai những sai lầm trong vụ này, Đảng sẽ đáng được tin cậy hơn trước mắt nhân dân Việt Nam và dư luận quốc tế. Vì đây sẽ là một trong những bằng chứng về sự thực tâm xây dựng một nhà nước pháp quyền, một nền dân chủ đích thực.

Tôi tin rằng sau sự lên tiếng của ông, sẽ có nhiều tiếng nói

(xem tiếp trang 16)

## Hồ sơ...

(tiếp theo trang 12)

Hà đã giúp ông Thành đánh máy và sao chụp, gửi thư cho một số cán bộ cấp cao.

– Ngày 13.7, trong cuộc hội nghị cán bộ lâu năm do Ban bí thư triệu tập, các ông Đào Duy Tùng (ủy viên Bộ chính trị), Lê Minh Hương (thứ trưởng nội vụ), Nguyễn Đình Hương (trưởng ban bảo vệ chính trị nội bộ của Trung ương Đảng) biện bạch cho quốc sách “ đánh bài lờ ” (nói như bà P. T. Tề) bằng cách chỉ dùng vài lời khai của các nạn nhân trong thời kỳ bị bắt giam và truy bức, không hề có một chứng cứ nào, một phương pháp trái nghịch với pháp luật quốc tế và cả pháp luật Việt Nam hiện hành. (Tất cả các văn kiện và việc làm của lãnh đạo ĐCS gián tiếp chứng tỏ vụ này đã gây xôn xao lớn trong nội bộ đảng).

– Ngày 28.7, ông Nguyễn Đình Hương thay mặt Ban bí thư, tiếp bà Phạm Thị Tề và bà Hoàng Minh Chính, nhắc lại những “ lời khai ” nói trên, và đề nghị bà Chính thuyết phục chồng “ nhận, dù chỉ là một lỗi nhẹ, chúng tôi mới để thả anh ấy ra ”. Bà Chính khước từ. Cả hai bà đều nhấn mạnh : những lời khai đó không có giá trị pháp lý, các đương sự viết ra với hy vọng có thể phản bác trong một phiên xử công khai. Tuy nhiên, bà Tề đề nghị cứ công bố ngay cả những “ tài liệu ” ấy và trong khi chờ đợi, xin một bản sao. Đề nghị này, cho đến nay vẫn “ đang được cứu xét ”.

– Ngày hôm sau, 29.7, đại tá Phạm Chuyên tiếp bà Hoàng Minh Chính, từ chối mọi cuộc thăm viếng, và từ chối cả việc chuyển cho ông Chính một cuốn sách mà đại tá Chuyên cho rằng không đúng lập trường. Tên cuốn sách : Về tính khoa học của Bộ luật hình sự nước ta. Nhà xuất bản : Bộ tư pháp nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam !

– Tháng 8, tại Hà Nội, luật sư Vũ Thiện Kim đã nhận lời bảo vệ ông Hoàng Minh Chính. Ông vẫn chưa được gặp thân chủ. Tại Paris, luật sư Antoine Comte, theo đề nghị của uỷ ban bảo vệ (xem lời kêu gọi ở dưới), đã nhận đứng ra theo dõi hồ sơ Hoàng Minh Chính & Đỗ Trung Hiếu và đã thông báo cho Đại sứ quán Việt Nam tại Paris biết. Tại Washington, tổ chức Theo dõi nhân quyền (Human Rights Watch / Asia) cũng đã ra thông báo về vụ này.

## Kêu gọi

Một bản kêu gọi trả tự do cho các ông Hoàng Minh Chính và Đỗ Trung Hiếu đã được khởi thảo vào trung tuần tháng 7 tại Paris. Bản kêu gọi viết : « Những người ký tên dưới đây, vốn luôn luôn đoàn kết với cuộc đấu tranh vì độc lập của nhân dân Việt Nam, yêu cầu trả tự do ngay cho hai tù nhân mà việc làm duy nhất là công khai phát biểu ý kiến của mình. Năm 1991, sự phản đối của dư luận quốc tế đã đem lại tự do cho nhà văn phản kháng Dương Thu Hương. Năm 1995, dư luận cũng sẽ tranh thủ tự do cho Hoàng Minh Chính và Đỗ Trung Hiếu ». Trong danh sách 30 chữ ký đầu tiên, có tên các giáo sư Laurent Schwartz, Léon Schwartzenberg (cựu bộ trưởng), Pierre Vidal-Naquet, Jean-Pierre Vernant, luật sư Henri Leclerc và bà Madeleine Reberieux (đương kim và nguyên chủ tịch Liên đoàn Nhân quyền)... và về phía Việt kiều, các ông Hoàng Khoa Khôi, Hà Dương Tường.

Chữ ký gửi về Dr. Jean-Michel Krivine, 97 rue de Sannois, 95120 ERMONT.

# thư của ông **VŨ ĐÌNH HUỖNH** gửi tổng bí thư **NGUYỄN VĂN LINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội ngày 28 tháng 11 năm 1987

Kính thưa đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh kính mến,

Tôi là Vũ Đình Huỳnh, 83 tuổi, ở số 5 Hai Bà Trưng, Hà Nội, tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1923, năm 1925 tham gia Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội, năm 1930 gia nhập Đảng cộng sản Đông Dương. Trong thời gian hoạt động cách mạng của mình, tôi đã từng bị thực dân Pháp bắt đưa đi tù Sơn La, từng dự Quốc dân đại hội Tân Trào tháng 8 năm 1945 và trong nhiều năm làm bí thư riêng cho Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sau khi hoà bình lập lại, tôi làm Vụ trưởng Vụ lễ tân Bộ ngoại giao và Ban thanh tra Chính phủ, về hưu năm 1964. Tháng 10 năm 1967 tôi bị bắt giam và sau đó (1972) bị khai trừ khỏi Đảng vì bị gán cho tội “ chống Đảng, xét lại theo Liên Xô, âm mưu lật đổ ” rồi bị giam giữ đến năm 1973 và sau đó bị quản thúc đến năm 1976 tại Nam Định.

Tôi đã già yếu, biết mình không sống được bao lâu nữa, nhưng trí nhớ vẫn tốt và năng lực suy nghĩ vẫn còn. Với tư cách là một đảng viên cộng sản theo Đảng tham gia hoạt động từ ngày mới thành lập, suốt đời phấn đấu cho lý tưởng cộng sản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tôi thấy cần phải trình bày với đồng chí một số ý kiến mà tôi đã suy nghĩ nung nấu trong nhiều năm qua, nhằm góp những cố gắng cuối cùng cho quá trình đổi mới đang diễn ra trong tình hình hiện nay, đó là ý kiến xung quanh vụ mà người ta gọi là nhóm “ chống Đảng ”.

Tháng 10-1967 tôi và hàng loạt đảng viên bị bắt, bị vu cáo là tham gia “ nhóm chống Đảng, xét lại theo Liên Xô, âm mưu lật đổ ”. Chúng tôi bị giam giữ trong nhiều năm, bị ngược đãi sau khi được trả lại tự do. Cho đến nay, nhiều người đã chết, kể cả chết trong tù.

Sự thật như thế nào ?

Trong vụ này có hai vấn đề.

Vấn đề thứ nhất là hệ tư tưởng chủ đạo. Hiện nay, Đảng ta hoàn toàn ủng hộ đường lối đổi mới, đổi mới của Đảng Cộng sản Liên Xô. Đó là hiện nay. Còn trong quá khứ thì sao ? Thực tế đã có cả một thời kỳ không như vậy. Trong nhiều thập kỷ vừa qua, hệ tư tưởng chủ đạo của Đảng ta chịu ảnh hưởng nặng nề hệ tư tưởng Mao, nghị quyết IX (1963) là một trong những sản phẩm của hệ tư tưởng này. Sau những quyết định lịch sử của Đại hội XX Đảng Cộng sản Liên Xô, một số người trong giới lãnh đạo cấp cao của Đảng ta đã đứng về phía Mao Trạch Đông, phê phán Liên Xô là “ xét lại hiện đại ”, đã có thái độ và hành động không hữu nghị, đã kích gay gắt Liên Xô với mục đích hạ uy tín Liên Xô, tiếp sức cho chủ nghĩa Mao trên bình diện quốc tế. Kết quả là uy

tín của Liên Xô bị hạ thấp trong ý thức và tình cảm đảng viên, nhân dân ta ; lòng tin của đảng viên và nhân dân ta đối với Liên Xô giảm sút to lớn.

Chúng tôi, những đảng viên cộng sản kiên quyết chống chủ nghĩa Mao, bảo vệ uy tín Liên Xô, bảo vệ uy tín Đảng ta, không thể tán thành nội dung nghị quyết này. Chúng tôi đã phản đối bằng những con đường hợp pháp. Nhưng chúng tôi vẫn bị gán cho tội “ chống Đảng ”, rồi bị bắt bớ, tù đầy như đã trình bày ở trên. Cũng cần phải nói thêm rằng, rất nhiều cán bộ, đảng viên có cảm tình với Liên Xô đã bị gạt ra khỏi cương vị công tác của mình bằng nhiều cách khác nhau.

Trong nhiều năm sau này, nhất là sau khi đất nước thống nhất, do vẫn chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa Mao, Đảng ta đã để cho cơ cấu kinh tế quan liêu bao cấp tồn tại trong một thời gian dài. Với hệ tư tưởng chủ đạo thiếu khoa học đó, chúng ta đã không có khả năng tiên đoán trong một tương lai gần, để nước đến chân mới nhảy. Thực tế, trước Đại hội VI, những chính sách lớn về kinh tế đã được đưa ra trong thế bị động. Và vì thế, không những không cứu vãn được tình trạng khó khăn trong thời điểm đó mà còn đẩy nền kinh tế vào tình trạng khó khăn hơn.

Đại hội VI đã nhìn nhận thực trạng này và đề ra những biện pháp nhằm cứu vãn tình thế. Đổi mới tư duy là nhiệm vụ lớn lao mang ý nghĩa quyết định.

Nhưng đổi mới tư duy không phải là một công việc dễ dàng, nếu chúng ta không chịu nhìn lại quá khứ — với lương tâm và lòng trung thực của người cộng sản — xem chúng ta đã suy nghĩ và hành động đúng sai ra sao.

Theo tôi, nếu chúng ta không chịu nhìn nhận rằng hệ tư tưởng chủ đạo của Đảng đã và đang chịu ảnh hưởng nặng nề tư tưởng Mao — một hệ tư tưởng phản động — phê phán hệ tư tưởng đó thẳng thắn và nghiêm khắc thì chúng ta không thể đổi mới tư duy một cách thật sự. Một sự đổi mới nửa vời không thể đem lại những biện pháp đúng đắn nhằm cứu vãn tình hình kinh tế muôn vàn khó khăn hiện nay.

Trong Đại hội Đảng lần thứ VI và sau đó, Đảng ta đã nghiêm khắc đánh giá những quan điểm cơ bản về đổi mới, đổi mới. Song đáng tiếc là cho đến nay Đảng ta vẫn chưa hề kiểm điểm chút nào về những sai lầm nghiêm trọng về hệ tư tưởng trong nội dung nghị quyết IX (1963). Có thể làm ngơ đi được không ? Lịch sử tình hữu nghị giữa hai đảng nói chung và lịch sử Đảng ta nói riêng không cho phép như vậy. Thật quá đơn giản nếu cho rằng có thể che giấu mãi những gì đã từng là sự thật, hoặc coi như không có vấn đề gì lớn lắm.

Đồng chí Gorbachop trong báo cáo tổng kết tại lễ kỷ niệm 70 năm Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại đã đánh giá vai trò tích cực của nghị quyết Đại hội XX và N. Khrushchov, những đối tượng đả kích của chúng ta thời kỳ đó. Giờ đây, không còn ai có thể vin vào “ tội xét lại ” của Đại

hội XX và N.Khrutsop để bào chữa cho những sai lầm của mình được nữa.

Vấn đề thứ hai là vấn đề dân chủ hoá. Vấn đề này liên quan trực tiếp đến tôi và những đồng chí bị quy vào “nhóm chống Đảng”. Ở đây, tôi xin phát biểu với tư cách là một công dân.

Việc bắt và giam giữ chúng tôi hàng chục năm trời mà không hề có một toà án nào xét xử — chiếu theo Hiến pháp và pháp luật nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đã có lúc bấy giờ — là một việc làm phi pháp.

Ngay sau khi bị bắt và nhiều lần sau đó chúng tôi đã yêu cầu nếu chúng tôi có tội, chúng tôi phải được đưa ra xử công khai trước toà án. Nhưng chúng tôi đã bị khước từ, “sự im lặng đáng sợ” đã kéo dài hơn 20 năm nay. Những người chết vĩnh viễn ra đi, mang theo nỗi uất hận ghê gớm vì oan ức. Những người còn sống bị ngược đãi, vợ chồng chia ly, con cái bị tru dập. Cái “tội chống Đảng” không được tuyên bố công khai này còn ghê gớm hơn cả tội tử hình. Đáng tiếc rằng cái kiểu xử lý như vậy đối với những người đồng chí của mình đã ngự trị khá lâu, cho đến trước Đại hội VI, và chính bằng biện pháp hoàn toàn không dân chủ đó những người có chức, có quyền đã đẩy đời sống xã hội nói chung và sinh hoạt Đảng nói riêng vào bầu không khí nghi kỵ, sợ hãi, tạo điều kiện thuận lợi cho những kẻ gian dối, cơ hội.

Không chỉ riêng trong vụ này, tình trạng độc đoán, độc quyền trí tuệ kéo dài trong suốt một thời kỳ lịch sử, bao trùm lên mọi lĩnh vực hoạt động: chính trị, xã hội, kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật, đè lên mọi tầng lớp công nhân, nông dân, viên chức, trí thức trong và ngoài Đảng, bao trùm lên cả hoạt động của Mặt trận, Quốc hội. Sau cuộc gặp gỡ với anh chị em văn nghệ sĩ, tôi tin rằng đồng chí đã hiểu rõ hơn thực trạng này của đất nước. Cái bệnh độc đoán, độc quyền, không dân chủ đã lây lan từ cấp cao xuống cấp thấp, từ trung ương đến các cơ sở. Biết bao nhiêu vụ, việc đã được “xử lý nội bộ”, không cần đến pháp luật, mà thực chất là để trấn áp người dưới quyền trái ý mình.

Và vì thế, những xử lý vừa qua đối với tôi và những đồng chí khác trong vụ này — vốn ngay từ đầu đã không theo pháp luật — không thể coi là “hoàn toàn đúng đắn và chính xác”, càng không thể nhìn nhận là một đối xử “nhân đạo” (như nghị quyết 85 ngày 27.10.1987 của Ban Tổ chức Trung ương).

Tôi tự cho mình có được may mắn còn sống đến ngày hôm nay, được biết tinh thần đổi mới của Đại hội VI, Đại hội XXVII Đảng Cộng sản Liên Xô, được đọc những bài báo của đồng chí Gorbachop và đồng chí N.V.L., được biết quan điểm “lấy dân làm gốc”, “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Tôi có cảm giác và cảm giác có căn cứ rằng một thời kỳ dân chủ thực sự đang đến.

Vì hương hồn những người đã chết oan ức,

Vì những người còn sống sót, trong đó có cá nhân tôi, từng bị giam giữ trái phép nhiều năm, bị ngược đãi sau khi được trả tự do. Tất cả chúng tôi, gia đình vợ con đều sống lay lắt trong cảnh oan ức, đói nghèo, phân biệt đối xử,

Vì hơn hết, để cho quá trình dân chủ hoá được thực hiện

một cách thật sự, lấy lại lòng tin của mọi tầng lớp nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, làm tiền đề cho công cuộc đổi mới mà trước mắt là đổi mới cơ cấu kinh tế, khắc phục những khó khăn về đời sống cho toàn dân.

Tôi thiết tha mong đồng chí với tư cách là Tổng bí thư Đảng, cho thành lập một ban gồm những người có trình độ và trách nhiệm, không từng tham gia đàn áp chúng tôi để xem xét lại vụ này, với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, lập lại kỷ cương, xác định trắng đen rõ ràng. Như thế mới thật sự dân chủ. Như thế mới thật sự có pháp luật. Mặt khác, vụ “chống Đảng” là một sự việc khá điển hình nhưng không phải là trường hợp lẻ loi. Giải quyết vụ này là một dịp nghiên cứu, đánh giá cả một thời kỳ.

Tôi tin rằng Đảng không thể nhắm mắt làm ngơ trước tình trạng độc ác, bất công ghê gớm này tiếp diễn mãi.

Tôi nay đã trên 80 tuổi, sống ngày nào biết ngày ấy. Nhưng dù hơi tàn lực kiệt, tôi vẫn muốn và tôi tin rằng tôi sẽ sống đến ngày vụ này được đưa ra công luận. Tôi nghĩ, không có gì chính đáng hơn quyền đòi hỏi được đưa ra những gì còn đen tối, mờ ám ra soi dưới ánh mặt trời.

Dù thế nào, lịch sử đã và sẽ minh oan cho chúng tôi.

Cuối cùng, với tất cả tấm lòng, xin chúc đồng chí Tổng bí thư sức khoẻ dồi dào, cùng toàn Đảng quyết tâm thực hiện những mục tiêu lớn lao mà Đại hội VI đã đề ra.

Kính thư,

Vũ Đình Huỳnh (đã ký)

## Thư của bà Phạm Thị Tề...

(tiếp theo trang 14)

khác nữa, đồng ý với ông, từ phía những người đã biết, đã từng tham gia xử lý vụ này, nếu họ là những người có lương tri.

Dân tộc ta rất tôn trọng lòng nhân ái. Tôi rất muốn tin các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta là những người giàu lòng nhân ái. Khi lòng nhân ái ngự trị trong tim người ta không bao giờ quay lưng ngoảnh mặt trước bất kỳ cảnh oan trái nào.

Hơn nữa, đây là trách nhiệm không thể thoái thác.

Ông Nguyễn Trung Thành kính mến,

Tôi hoan nghênh ý kiến của ông!

Tôi tin rằng ý kiến đó sẽ được ủng hộ từ bất kỳ một người dân Việt Nam nào yêu tự do và công lý, dù trong hay ngoài Đảng.

Và tôn tin rằng trong việc này, ông sẽ được Trời Phật phù hộ.

Viết mãi không hết lời. Cuối thư xin gửi tới ông lời chào trân trọng và lời chúc sức khoẻ.

Kính thư,

Phạm Thị Tề

TB. Tôi gửi kèm theo lá thư của ông Vũ Đình Huỳnh gửi Tổng bí thư Đảng Nguyễn Văn Linh. Đây là sự lên tiếng cuối cùng của ông Vũ Đình Huỳnh trước khi chết.



# Văn Cao

(1923-1995)

Đặng Tiến

Văn Cao, người nghệ sĩ lớn lao của đất nước đã vĩnh viễn ra đi lúc 4 giờ sáng ngày 10.7.1995 tại Hà Nội, sau ba tuần nằm viện, hưởng thọ 72 tuổi.

Văn Cao là bậc kỳ tài trong nhiều ngành nghệ thuật, đã có những đóng góp quan trọng cho nền tân nhạc, nền hội họa hiện đại và thơ mới. Suốt một đời, Văn Cao đã đấu tranh không ngừng nghỉ, không dè sẻn và không khoan nhượng cho cái tốt, cái đẹp và cái mới. Thiết tha với dân tộc và truyền thống, Văn Cao luôn luôn vươn tới nếp sống, lối suy nghĩ, cách sáng tạo tân tiến trên cơ sở tự do, dân chủ và tiến bộ. Trong lý tưởng đó, anh là một trong những người chủ động phong trào Nhân văn Giai phẩm những năm 1956-57. Có lẽ nhờ là tác giả quốc ca, Văn Cao không bị tù đày, nhưng bị cấm sáng tác thành văn, chỉ được làm nhạc phim và vẽ bìa sách, minh họa cho các báo. Từ phương tiện mưu sinh hạn hẹp này, Văn Cao đã cách tân kỹ thuật trình bày bìa sách Việt Nam. Mười ngón tay Văn Cao như đũa thần : anh mó vào cái gì thì cái ấy phải cách tân.

Văn Cao là người bạn thân thiết của nhiều anh chị em Việt kiều ở hải ngoại, là chỗ tình thâm với anh em làm báo Diễn Đàn tại Paris. Do đó, để mừng anh thượng thọ, 70 tuổi, chúng tôi đã viết và đăng ba bài liên tiếp về thơ, nhạc Văn Cao (số 14, 15 và 16 / tháng 12.92 và 1&2.93), điều mà chúng tôi chưa từng làm với một lãnh tụ hay tác gia nào. Thật ra, lúc đó, chúng tôi cũng đã thâm biết rằng anh sức yếu ; nhưng động cơ chính vẫn là : Văn Cao, đối với chúng tôi, là một biểu tượng. Tiết tháo của kẻ sĩ, tinh hoa của dân tộc, anh là “ ngọn lửa không quay đầu ” thường xuyên định hướng cho chúng tôi, trên con đường đấu tranh cho lẽ phải. Ngược lại, các bạn Việt kiều là nguồn an ủi cho anh những ngày tháng khó khăn, cô độc. Việt kiều về Hà Nội, mỗi người đều có nơi để hành hương. Nơi hành hương của chúng tôi là gác 108 Yết Kiêu. Thậm chí, giờ đây, tôi có thể khẳng định : đối với bản thân tôi, quan hệ với đất nước Việt Nam là qua gác 108 Yết Kiêu. Dù cho giờ đây anh Văn đã đi vắng, thì cũng vậy thôi.

Nhạc sĩ Văn Cao tên thật là Nguyễn Văn Cao, sinh ngày 15.11.1923 tại Hải Phòng, gốc thôn Hào Kiệt, xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Hà, trong một gia đình trung lưu : thân sinh là viên chức làm cai máy nước, bị tị hiềm và mất chức. Văn Cao đang học những năm đầu ban trung học tại trường dòng Saint Joseph tại Hải Phòng, phải bỏ học, đi học võ. Làm điện thoại viên thời gian một tháng.

Năm 1939 viết ca khúc đầu tay *Buồn tàn thu* với một thoáng ảnh hưởng Lê Thương có lúc dạy nhạc tại Hải Phòng.

Năm 1940 đi Huế, khám phá các điệu nhạc dân tộc nam ai, nam bình. Vào Sài Gòn, phát hiện Hàn Mặc Tử. Về lại Hải Phòng, gặp cao trào tân nhạc với những Hoàng Quý, Phạm Ngũ, sáng tác *Thiên thai* (1941), *Bến xuân* (1942), *Cung đàn xưa* (1942), *Suối mơ (Bài thơ bên suối)* (1943), *Trương Chi* (1943). Song song với dòng nhạc trữ tình, là những hùng ca — trong phong trào hướng đạo : *Đống Đa, Thăng Long hành khúc, Chiều buồn trên Bạch Đằng Giang, Tiếng rừng*. Đồng thời làm thơ, viết truyện đăng trên *Tiểu thuyết thứ bảy* (1943).

1942 : học vẽ, với tư cách dự thính tại trường Cao đẳng mỹ thuật Đông Dương. Vẽ theo khuynh hướng hiện đại, triển lãm hai lần tại phòng Triển Lãm Duy Nhất (Salon Unique) tại Hà Nội (1943-44) được hoan nghênh.

Được móc nối vào Mặt trận Việt Minh, Văn Cao sáng tác bài *Tiến quân ca* cho một khoá quân chính kháng Nhật (1944). Năm sau, bài hát được Đại hội Quốc dân Tân Trào chọn làm quốc ca. Giai đoạn này, Văn Cao còn sáng tác *Chiến sĩ Việt Nam, Chiến sĩ hải quân, Chiến sĩ không quân, Bắc Sơn* (1946). Đính hôn với chị Nghiêm Thuý Bằng, hai người cùng đi kháng chiến, thành hôn trong khói lửa (1947). Chị Thuý Bằng là người vợ tao khang, tận tụy với chồng cho đến phút cuối. Thời trắng mặt đã đọng lại trong *Làng tôi, Ngày mùa*, sau đó là *Công nhân Việt Nam, Tiến về Hà Nội* và đặc biệt là *Trường ca Sông Lô*. Về thơ, anh viết bài chủ trương thơ không vần.

1956-57 anh tham gia phong trào Nhân văn Giai phẩm với những bài thơ nổi tiếng *Anh có nghe không, Những người trên cửa biển*. Văn Cao bị phê phán, cô lập, như chìm trong quên lãng. Sau ngày đất nước thống nhất, Văn Cao tuy chưa được phục hồi, cũng tưởng sẽ yên thân. Nhưng lại bị chuyện đổi quốc ca, cả nước rầm rộ thi... làm quốc ca, rồi lại có người tranh tụng cho rằng lời *Tiến quân ca* không phải chỉ của Văn Cao. Anh bị dao động, cơ thể đã yếu, càng yếu thêm : dạ dày, gan, phổi, cột xương sống. Lại càng uống rượu.

Mãi đến lúc văn nghệ được “ cởi trói ”, những ca khúc Văn Cao mới được phục hồi... Trước tiên, tại Thành phố Hồ Chí Minh, một đêm nhạc Văn Cao phải kéo dài thành nhiều đêm (1986). Tiếp theo là Hà Nội rồi nhiều thành phố khác. Công chúng nghe nhạc Văn Cao tràn lan, một phần vì ưa thích, một phần đền bù những oan khuất mà anh đã phải gánh chịu 30 năm. Nghe *Thiên thai, Suối mơ* là một cách riêng của công luận trả lời chính quyền. Dường như chính quyền dù điếc cũng có nghe ra và cấp cho Văn Cao cái mẽ đay gì đó và nghe nói có cấp nhà, nhưng dột nát quá, đương sự không dám nhận.

Năm 1988, nhà xuất bản Tác Phẩm Mới cho in tập *Lá*, một tuyển tập thơ Văn Cao và dường như đang chuẩn bị in một tuyển tập khác.

Văn Cao được an táng tại nghĩa trang Mai Dịch. Ban biên tập Diễn Đàn đã gửi vòng hoa mang một câu thơ Văn Cao, nhẹ nhàng tóm lược cuộc đời bậc đàn anh thân quý :

*Một tiếng vang vang cả lòng cả dấy.*

22.8.1995

## Anh có nghe không

Gửi một nhà thơ

Cửa đóng lại từ chín giờ  
Không một cuốn sách chờ đợi  
Dù những ngôi sao đang nở trên trời  
Dù đêm mùa xuân bắt đầu trở lại

Tất cả hướng về biển  
Bọt cứ tan trên bãi cát xa  
Mà cửa bể vẫn im lìm chưa mở

Bao giờ nghe được bản tình ca  
Bao giờ bình yên xem một tranh tĩnh vật  
Bao giờ  
Bao giờ chúng nó đi tất cả  
Những con người không phải của chúng ta  
Vẫn ngày ngày ngang nhiên sống  
Chúng nó còn ở lại  
Trong những áo dài đen nham hiểm  
Bề cổ bề chân đeo tội ác cho người

Chúng nó còn ở lại  
Trong những tủ sách gia đình  
Ở điều thuốc trên môi những em bé mười lăm  
Từng bước chân cô gái  
Từng con đường bãi cỏ bóng tối  
Mất quầng thâm còn nhớ mãi đêm

Chúng nó còn ở lại  
Trong những tuổi bốn mươi  
Đang đi vào cuộc sống  
Như nấm mọc trên những thân gỗ mục

Người bán giấy tờ cũ  
Đã hết những trang tiểu thuyết ế  
Những trang sách báo ngày xưa  
Đang bán đến những trang sách mới  
Những bài thơ mới nhất của anh

Anh muốn giơ tay lên mặt trời  
Để vui da mình hồng hồng sắc máu  
Mấy năm một điệu sáo  
Như giọng máy nước trâu đêm chảy

Chung quanh còn có những người khôn ngoan  
Không có mầm  
Mất không bao giờ nhìn thẳng  
Những con mèo ngủ yên trên ghế  
Trong một cuộc dọn nhà  
Những con sên chưa dám lộ đầu ra  
Những dây leo càng ngày càng tốt lá

Một nửa thế giới  
Một nửa tâm hồn  
Một nửa thế kỷ  
Chưa khai thác xong

Bây giờ không còn những tiếng nổ to  
Nhưng còn những tiếng rạn vỡ

Có thể thu hết những khẩu súng phản động  
Nhưng vẫn còn  
Những khẩu súng đưa người tự tử  
Anh có thấy không  
Chỗ nào cũng có tiếng  
Chưa nói lên  
Những người của chúng ta  
Đang dần dần xuất hiện  
Nghìn năm cũ phủ mất nhiều giá trị  
Đốt nghìn kinh chưa thấp sáng cuộc đời  
Vào một cuộc đấu tranh mới  
Với những người không phải của chúng ta  
Anh có nghe không

Vào cuộc đấu tranh mới  
Để mở tung những cánh cửa sổ  
Mở tung cả cửa bể  
Và tung ra hàng loạt hàng loạt  
Những con người thật của chúng ta.

1.10.1956

## Có lúc

Có lúc  
một mình một dao giữa rừng đêm không sợ hổ

có lúc  
ban ngày nghe lá rụng sao hoảng hốt

có lúc  
nước mắt không thể chảy ra ngoài được

1.1963

## Những bó hoa

Những bó hoa mang tới  
chúc tụng  
Thành công một con người  
Hằng ngày hằng ngày  
Xây thành cái mồ chôn  
Con người thành công ấy

Người ta đôi khi bị giết  
bằng những bó hoa.

17.3.1974

(cả ba bài trích trong tập *Lá*, nxb Tác Phẩm Mới, Hà Nội 1988)

### Bút tự của Văn Cao (trang bìa)

Tưởng mình đã già, hoá tuổi xuân như lá non,  
thấy bạn trẻ là thấy tuổi mình.

Đặng Tiến

# Lê Đạt và Bóng Chử

*J'habite une blessure sacrée*  
Aimé Césaire

## III ĐÀN ĐÊ BỒM BẰM TRĂNG

Tập thơ *Bóng Chử* mở ra bằng một trang tác giả tự giới thiệu, vừa từ tốn vừa kiêu hãnh :

**Xung Danh**  
*Phố thường dân*  
*phố nhỏ vô danh*  
*vô giai thoại*  
*Thành tích*  
*mấy trang giấy sòn*  
*mấy câu thơ bụi*  
*núi Vô Sơn.*

(*Bóng Chử*, tr. 5)

**Quá Trình Công Tác**  
*Tôi ghé như thiếu số phụ gia*  
*Vấy chữ thẳng hoa*  
*Thoáng cả cuống chưa đóng lọ*  
*Đùng tìm tôi*  
*chỗ những ghế ngồi*  
*Hộp thư*  
*đuôi chớp ngộ đầu ô.*

(*Bóng Chử*, tr. 5)

Tác giả nhún nhường và muốn báo trước kỹ thuật thơ mình.

Nhưng người đời, muốn trách Lê Đạt tự kiêu, cũng dễ thôi : dù là *giấy sòn, thơ bụi*, vẫn là ...*núi*, dù rằng *núi tên là Vô Sơn* (tác giả viết hoa). Câu "*vấy chữ thẳng hoa*" đã có người chê trách. Thật ra tác giả muốn dùng một khái niệm vật lý : thẳng hoa là biến đổi thể chất, từ chất đặc, thành hơi mà không qua chất lỏng (*sublimation*), đúng theo quan niệm của anh về thơ : tạo cho những chữ thông thường một giá trị nghệ thuật, một " hương sắc " riêng. Lê Đạt nghĩ đúng và diễn đạt hay, nhưng người đọc có thể hiểu lầm (hay cố tình xuyên tạc) là anh tự cho mình có phù phép vạn năng, và gieo chữ nghĩa để gặt hái vinh hoa ! Lê Đạt đáng thương vì câu thơ anh không kiêu kỳ hơn Trần Huyền Trân thời... Pháp thuộc :

*Nhớ nhau vấy bút làm mưa gió*  
*Cho đồng xương đời được nở hương*

(*Lưu Biệt*, 1939)

*Nhớ nhau ném chén tan tàn*

*Nghe vang vỡ cái bất bình thành thơ*

(*Độc Hành Ca*, 1941)

Nhất là Lê Đạt đã tế nhị kín đáo xin lỗi bằng câu thơ sau : *Thoáng cả cuống chưa đóng lọ*.

Bài thơ *Xung Danh* ngoài tính cách tự giới thiệu, còn dẫn nhập người đọc vào kỹ thuật thơ Lê Đạt.

Về ngũ âm, nguyên âm ô, trầm và hẹp trong ba câu đầu, đối lập với nguyên âm ơ nhẹ và rộng hơn, ở hai câu tiếp, rồi lại tổng hợp trong hai chữ *Vô Sơn* cuối bài. Về ngũ nghĩa, *bụi* đối lập với *núi*, *núi* đối lập với *Vô Sơn* : ngôn ngữ tự huỷ và thơ trở thành *một mùi hoa đi vắng*.

Ở nhiều tác giả, âm thanh trong câu văn, câu thơ có khi do tình cờ. Lê Đạt thì cố ý khi viết :

*Tim ù ù*

*gió ú*

*một nguyên âm*

(*Dấu Chân, Bóng Chử* tr. 131)

*Tàu ú còi tu hú kêu vườn đỏ*

(*Vải Thanh Hà, Bóng Chử* tr. 78)

Về hình ảnh, câu thơ nhắc đến Hoàng Cầm và Nguyễn Bính

*...Tu hú vừa kêu, vải đã vàng,*

*Hoa gạo tàn đi cho sắc đỏ*

*Nhập vào sắc đỏ của mùa xoan*

(*Cuối Tháng Ba*, trong *Hương Cổ Nhân* 1941)

Chúng ta có thể tìm ra rất nhiều ví dụ :

*Đèn mơ ngộ,*

*xuân ở*

*ngã tư ở*

(*Tình Điện Toán, Bóng Chử* tr. 129)

*Ở em rất ô*

*Ở em rất hồ*

*Trắng võ ở hồ trúc bạch*

(*Vào Hè, Bóng Chử* tr. 28)

Đôi khi câu thơ dựa trên một phụ âm :

*Má má môi*

*mà mỗi mắt xa*

Hay trên thanh điệu (dấu) :

*Lối bia thần tích xưa*

*Lối bia da mộng phủ*

(*Phạm Thái, Bóng Chử* tr. 111)

*Trăng lòng lạnh*

*em mắt mẹ long lanh*

(*Tật Nguyễn, Bóng Chử* tr. 119)

*Xe Thất tình nghiêng*

*sao bạc thất tình*

(*Mưa Chia Con, Bóng Chử* tr. 130)

Lê Đạt khai triển giá trị những âm tố (*phonème*) và tự tố (*graphème*) trong bài *Hà Nội B52* tả cảnh thành phố bị ném bom :

*Địa ngục trắng Hít-Nixon xông xích...*

F ep  
F dep  
B.52 bep

Mẫu tự **x**, kết hợp với tên Hít, trong nét vẽ, nhắc đến phù hiệu **FX** của quốc xã Đức. Những mẫu tự F và B là tên máy bay, nét đồ họa, đối với người dân Việt Nam còn là cơn ác mộng. Và khi phát âm những mẫu tự vẫn có nghĩa : ép ép, ép đẹp, bê bep...

Ở đây, chúng tôi không nhắc lại lối sử dụng hình vị, từ tố (*morphème*) trong các ví dụ đâm bọt, bì bạch,... đã được trích dẫn.

Một vấn đề cụ thể, đã được đem ra bàn cãi, là Lê Đạt đưa nhiều tiếng nước ngoài, chủ yếu là tiếng Pháp, vào thơ Việt. Đó đây, đã có người trách lập dị, ngoại lai hoặc ba rọi. Đúng là thơ Lê Đạt có nhiều từ gốc phương Tây.

Thơ xưa có : “ bốn mảnh quần hồng ”, thơ Lê Đạt “ *jin xố dài... mini hồng* ” (tr. 30-31). Thơ xưa có *lá thắm chim xanh...* thơ nay : *Đầu ăng ten / trời què ngoại kênh chờ* (tr.34), *Đời ngắn / đêm dài / mộng khẩn / gió ăng ten* (tr.46). *Kiều bõ chi cá chậu chim lồng*, Lê Đạt *Nai phố mình Honda nữ / Mất hoang vu* (tr. 115). Thơ mới có *hoa ti gôn, dáng như tim vỡ*, thơ “ *đổi mới* ” có *những át cơ rơi* (tr.45) (diễn âm : as de cœur trong cổ bài... tu lơ khơ !). Cổ thi có *thu thủy cộng trường thiên*, thơ hiện đại Lê Đạt có *trời xanh cô bạn rất Đường* (tr.28).

Thêm những câu khó tìm tương đương :

*Tiếng xác xô cong đoạn tình mưa lụt  
Để xô lô buồn khúc ruột xe lô* (tr.76)

nhưng đây là lối nghịch chữ cho vui, không nên gán vào đó một dụng ý nào thâm viễn ; như khi trên đường đời, nhà thơ nghiêng ngấm nhìn những cột cây số, thấy *km* thành *kilô mơ*. Và xa xôi hơn :

*Nắng tạnh heo mây hoa lạnh  
Mimôza chiều khép cánh mi môi xa*  
(trộn bài 2 câu, tr.75)

Câu thơ này bị chê trách và có người yêu thích, nhắc tới một câu thơ của Raymond Queneau (1903-1976) đã được chọn làm đề thi luận văn tú tài ở Pháp (vùng Lille năm 1973), đã được phổ nhạc và Juliette Greco thường hát :

*Fillette, fillette  
Si tu t'imagines  
Xa va xa va xa  
Va durer toujours  
La saison des a  
Saison des amours...  
(Cô bé, cô bé ơi  
Cô đừng tưởng trên đời  
Yêu còn yêu mãi mãi  
Mùa yêu còn dài dài... )*

Tiếng Pháp (*que*) *ça va* là một cụm từ thông dụng, có nghĩa là bình thường, hoặc sẽ, trong tương lai gần. Nhà thơ tinh nghịch viết lệch thành *xa va*, tình cờ người Việt hiểu thành... *đi xa* : *anh đi đường ấy xa va...*

Câu chuyện có vẻ ngoài lẽ, ngoại lệ, chứng tỏ tính cách

ngẫu nhiên của ngôn ngữ. Làm thơ có lúc ngẫu nhiên, có lúc cố tình khai thác tính ngẫu nhiên của lời nói. Đời sống hiện đại trên thứ giới tạo giao thoa giữa tiếng nói các dân tộc. Thơ, trong chừng mực nào đó, có quyền phản ánh những giao thoa đó. Thành công hay không là chuyện khác. Những vấn đề này, thuộc thi pháp và phong cách học, đã được giải quyết từ lâu ở nước ngoài. Ở Pháp, học trò lớp 10 (Seconde) ban trung học đã phải học và **nhắm vững**.

Những kỹ thuật nói trên, từ ngữ vựng đến ngữ âm, đạt được những thành công nhất định nhưng cũng làm nhiều người đọc lạc hướng, vì quen xem ngôn ngữ như một công cụ trong khi nhà thơ biến thành đối tượng. Thơ Lê Đạt thiên về trí tuệ, đòi hỏi người đọc phải lao động trí thức và nhất là phải chấp nhận một số quy luật. Khi chơi thì phải nhận luật chơi. Nhưng chỉ khổ cho nhà in và thợ sắp chữ. Thử so sánh hai bản in : **36 Bài Tình**, 1989 (A) với **Bóng Chử** (B) :

A *Lúa con gái lam rừng mình nổi gió* (tr. 26)

B *Lúa con gái lam rừng rình nổi gió* (tr. 134)

A *Những đường trưa ngầu nắng* (tr. 10)

B *Những đường trưa ngắn trắng* (tr. 85)

A *Mưa rừng hoa mua tím* (nt)

B *Mua rừng hoa mua tím* (nt)

Tôi không có bản đính chính, nên thuận lý cho rằng bản sau đúng hơn. Nhưng... chắc gì ?

Kỹ thuật thứ hai của Lê Đạt thuộc phạm vi cú pháp, là dùng đảo ngữ. Thủ pháp không mới, thơ Tây thơ Ta xưa nay đều có. Dịch Trường Hận Ca, Tản Đà đã từng viết :

*Vàng nhệ gót lung lay tóc mái*

Nhưng Lê Đạt đã sử dụng thuật đảo ngữ một cách thường xuyên và triệt để, như trong bài *Hái Hoa* :

*Anh rừng anh hái hoa  
Hoa lúm hoa bông thắm  
Hoa bông môi thật hồng*

*Em đùa em lầy chồng  
Hoa cho bông chết đắng*

*Anh lòng anh hái hoa  
Hoa hái hoa bông thắm  
Hoa bông hoa rỏ hồng  
Hoa hồng bông hồng bông*

(*Hái Hoa*, **Bóng Chử** tr. 18)

Đọc giả có thể tái lập trật tự thông thường, với điều kiện coi chừng những điệp ngữ và ẩn ngữ. Bài thơ gồm 45 chữ, hai từ bông hoa lặp lại 18 lần, tỷ lệ 45 % ; khổ cuối, tỷ lệ lên 50 %, chưa kể những âm lặp lại, trên 20 từ chỉ có một chữ thắm là không có âm vang vọng lại. Toàn bài thơ làm chúng ta choáng ngợp trong rừng hoa, giữa trăm vạn màu sắc chao đảo trong một vũ trụ ngửa nghiêng và một tấm lòng ngây ngất. Nhưng đồng thời cũng dịu dàng như một nụ hôn, nhẹ nhàng như cánh môi hồng lướt qua trên má thắm.

Tuy nhiên người đọc có thể vấp vấp ở những câu :

*Nhé yêu anh bây giờ* (*Anh Muốn*, **Bóng Chử** tr. 19)

Anh đời bến nước tên em mát (Vào Hè, *Bóng Chử* tr. 28)

Riêng về câu :

*Hè thon cong thân nắng tựa mình*

(*Nụ Xuân, Bóng Chử* tr. 33)

nếu theo cú pháp đơn giản sẽ có :

*Hè cong thân nắng, tựa mình thon*

Câu thơ thuận tai và thuận... **tay hơn**, nhưng sẽ mất thi lực và thi lực của hình tượng **hè thon**, nghĩa là một phong cách Lê Đạt. Đọc thơ cần mê say, hiểu thơ cần thư thả, đánh giá thơ cần dè dặt. Thà nhầm người hơn nhầm thơ.

Một thủ thuật khác trong cú pháp Lê Đạt là ẩn ngữ. Ví dụ trời **mên chim** (*Quá Em, Bóng Chử* tr.23) thay vì **mênh** **mông**, **chiếc bài thơ em đội đầu** (*Cắm Ván, Bóng Chử* tr. 39) thay vì **chiếc nón bài thơ**. **Thỉnh thoảng** câu thơ hay :

*Mùa mưa xưa  
lòng chưa tạnh  
phố nhau đầu*

(*Chiều Bích Câu, Bóng Chử* tr. 20)

thay vì **chùm đầu vào nhau**. **Lối lược từ** cô đúc câu thơ và cô đọng tình cảm, từ đó lời thơ **truyền cảm** hơn. Một hình ảnh đẹp :

*Đàn dê bồm bồm trắng*

(*Ông Cụ Chấn Dê, Bóng Chử* tr. 58)

Lẽ ra phải nói : dưới trắng, trong trắng, nhìn trắng... Bị lược bỏ giới từ, liên từ, hình ảnh sắc bén hơn. Chữ **bồm bồm**, chủ yếu tả động tác nhai trâu, ở đây **nhân** cách hoá, đàn dê nhai cỏ, và biến vàng trắng thành cái **bánh trắng nướng** (!) ; Lê Đạt đẩy xa một kỹ thuật đặc biệt của ngôn ngữ thơ. Từ bình minh của thơ nôm, thế kỷ XV Nguyễn Trãi đã có những ý thơ tân kỳ, nhờ lối lược từ :

*Khép cửa đêm chờ hương quế lọt  
Quét sân ngày lệ nóng hoa tan*

Phải hiểu là (không) **khép cửa (ban)** đêm (vì mãi) chờ hương (hoa) quế lọt vào. (Không) **quét sân (ban)** ngày (vì sợ) (làm cho) bóng hoa tan (đi). Nhưng **khi** chú giải rõ ràng, thì hương thơ và bóng chữ đã tan đi nhiều lắm.

Ca dao :

*Đò đông thì sợ chợ trưa  
Quán chật thì sợ khi mưa ướt đầu*

Phải hiểu là : Nếu chèo đò **đông thì**... Nếu chèo quán chật thì... Câu thơ mạnh hơn nhờ lối **tĩnh văn**, hay lược từ (*ellipse*) đưa đến chỗ đoạn ngữ (*anacoluthie*) người xưa vẫn dùng. Trong thơ Lê Đạt lối lược từ **thường tạo ra** cảm giác hụt hẫng, thiếu vắng, mất mát, ví dụ **khi anh kết luận đời mình** :

*Đời tốc hành  
một ga xanh sót lại  
Một góc tuổi mãi tàu  
thơ đại mãi  
Tìm nhà quên mất số lớn khôn*

(*Khuyết Điểm, Bóng Chử* tr. 6)

Câu thơ chông chênh, vừa thiếu vừa thừa, khập khểnh, dùng dằng, như kiếp sống. Có chút gì đó vương vãi vấp vấp trong tâm trạng vừa nuối tiếc vừa bất cần. Thơ Lê Đạt và đời Lê Đạt là dòng sông u hoài, thương hoài ngàn năm những bến thượng nguồn không kịp theo trăng về biển cả.

### Chuộc tuổi

*Thuở ấy tôi rất già  
Mở miệng  
khuôn tổ tiên rập nói  
Tôi bán khoán của  
chùa Quán Ngự  
Lời chuộc tuổi mình  
Nói thật khai sinh*

(*Bóng Chử* tr. 122)

Bài thơ ngắn cô đúc trọn vẹn nghệ thuật và quan niệm nghệ thuật của Lê Đạt. Chữ trung tâm đậm nhất và đặc nhất là *Quán Ngự*, “ công ” cả bài thơ, nói theo kiểu Nguyễn Tuân khi bàn về thơ Tú Xương. Hà Nội có ngôi chùa lừng danh là chùa Quán Sứ, gần với chữ “ quán ngữ ”. Quán ngữ là những cụm từ ta quen dùng, theo tập quán, mà không cần hiểu nghĩa một cách tách bạch, ví dụ như : chợ búa, chuyện trò, áo xống, nước nôi, ăn ốc nói mò, già kén kẹn hom... Hoặc buồn thần bán thánh, bán trời không văn tự. Do đó Lê Đạt mới đòi *bán khoán của chùa*. Và chùa đây là “ quán ngữ ”, cửa hàng mua bán ngôn ngữ thông dụng hằng ngày, đã sáo mòn, không còn chức năng nghệ thuật. Nó như con dao đã cùn, mà nhà thơ muốn mài đi liếc lại cho sắc, cho bén. Trong tuyên ngôn *Nhân Con Ngựa Gỗ*, anh đã viết : nhà thơ làm chữ chủ yếu không phải ở nghĩa “ tiêu dùng ” nghĩa tự vị của nó mà ở diện mạo, âm lượng, độ vang vọng, sức gợi cảm của chữ trong tương quan hữu cơ với câu thơ bài thơ (*Bóng Chử* tr. 50). Trong bài viết này, tôi đã cố chứng minh cụ thể bằng thơ Lê Đạt, những lý thuyết mà anh đã trình bày. Và câu thơ *bán khoán của chùa Quán Ngự* là một ví dụ tiêu biểu.

Toàn thể bài thơ, đồng quy về ý trung tâm ấy. *Thuở ấy tôi rất già* : từ lúc học nói, ta đã phải học một ngôn ngữ già, trong *khuôn tổ tiên rập nói*. Làm thơ là *chuộc tuổi* chuộc lại một ngôn ngữ khai sinh. Những âm vang u ơ, ú ớ, í ới mai mối cho mối tình đầu, là những lời Tổ Tiên đầu tiên với trần gian :

*Lòng mới ngõ yêu  
tìm ngôn nói  
Lời tỏ tình chưa sáng soi bình minh*

(*Tỏ Tình, Bóng Chử* tr. 35)

Thời kỳ Thơ Mới (1930-1945) người ta đã dùng hình tượng “ bình cũ rượu mới ”, ngày nay không ý nghĩa bao nhiêu. Người làm thơ ngày nay không còn hài lòng với hình ảnh thơ rượu, rượu thơ, làm để người đọc tiêu thụ nhâm nhạ. Họ đòi hỏi con chữ phải có sự sống riêng, tách rời khỏi những từ điển và mẹo luật văn phạm, như nàng Giáng Kiều trong truyện Bích Câu, đã bước ra khỏi bức tranh để thành hiện thực. Thơ là *người đẹp vô chữ bước ra* (*Chiều Bích Câu, Bóng Chử* tr. 13) bỏ lại sau lưng ngôn ngữ thường ngày, câu chữ thực dụng như những vỏ từ *phơi bãi nhớ* (*Seferis, Bóng*

**Chữ**, tr.107). Người đọc còn lạ lẫm với lối thơ Lê Đạt vì chính thơ anh còn là những *chữ lạ hơi nhà* (*Seferis, Bông Chữ* tr. 107) trong một *văn phạm ngày còn ngái mộng* (*René Char, Bông Chữ* tr. 108). Đọc thơ hay cũng khó như là làm thơ hay, có khi còn khó hơn, như trò chơi câu đối : ra câu đối dễ hơn là đối lại. Câu thơ phải tạo được âm vang giữa lòng người đọc, mới thành thơ — chưa nói đến thơ hay. Thơ khác văn xuôi ở chỗ : trong văn xuôi, tác giả là chủ, độc giả là khách ; trong thơ cả tác giả và độc giả đều là chủ, bình đẳng trước tác phẩm. Thậm chí người đọc có khi trở thành chủ, tác giả trở thành khách, trong tình thần *bác đến chơi đây ta với ta*. Ai là khách ai là chủ, đều phải biết tương liên tương kính, may ra sẽ tương đắc. Ngoài tình thần đó sẽ không có thơ. Câu thơ thành hình trong tâm trí tác giả, khai sinh trên trang giấy, nhưng lớn lên và trưởng thành trong lòng người đọc. Và người đọc hẳn phải siêng năng, có lòng thành, và nhất là biết chờ : *mọi câu thơ hay đều kỳ ngộ* (*Chiều Bích Câu, Bông Chữ*, tr.13)

Trong lối chơi chữ, Lê Đạt thường dùng chữ *tầm xuân*, *tầm xanh*. Và nhất là *tầm duyên*, đối lập với *viễn dương*. Chữ Viễn dương chỉ những con tàu thủy lớn vốn thông dụng trong ngành hàng hải. Còn *tầm duyên* là tàu đi ven biển, dọc theo bờ duyên hải. Không thấy chữ này trong *Từ Điển Tiếng Việt* (1988), có lẽ do tác giả sáng chế : *Làm thủy thủ tầm duyên vùng biển* (*Thủy Thủ, Bông Chữ* tr. 40). Nhưng “*duyên*” đây là *duyên hải*, mà còn là *căn duyên*, *nhân duyên*, theo nghĩa tình cảm hay sách nhà Phật, chỉ những liên hệ tiền định, bên ngoài các hoàn cảnh hay quy luật duy lý. Thơ là một cơ duyên, làm thơ là truy tầm cơ duyên đó. Đọc thơ, gặp thơ, yêu thơ cũng là duyên — có khi còn là nợ, là nghiệp chướng. Người đời ví thi nhân với kiếp *tầm*, Lê Đạt tự xem mình như một lá dâu, còn lại trở gân, xác xơ thân xác.

Thơ Việt Nam, hai mươi năm qua đã hành trình qua sa mạc. Trên báo chí, trong sách xuất bản, đã có rất nhiều văn vần, và thỉnh thoảng cũng có câu hay, bài hay. Nhưng phần nhiều, đó là những câu nói khéo, những lời nói đẹp, những ý hay được diễn ca thành vần thành điệu và những hình ảnh hoa mỹ. Thỉnh thoảng có những câu thơ bài thơ hay nhưng chưa làm nên được nền thơ. Có nhiều tác giả mà không mấy tác gia.

Lý do thì nhiều lắm : từ chủ nghĩa giáo điều, hiện thực đại chúng ngự trị lâu nay, đến chủ nghĩa thực dụng, duy dụng đang khuynh loát tư tưởng Việt Nam. Từ xã hội Khổng giáo, văn hoá Việt Nam chuyển mình sang mác xít, từ lý tưởng “*ăn không cầu no*”, Việt Nam đã quá độ lên lý tưởng “*ăn chỉ cầu no*”.

Cái đói nó gói cái khôn. Nghệ thuật gói ghém của ta vốn tinh vi đã ngàn năm. Từ nỗi nghèo thân xác, ta chuyển mình lên cái nghèo của tinh thần, của tâm linh. Cái nghèo vốn có khả năng tự nuôi lấy mình, tự cung tự cấp rồi dần dần tự ái tự mãn. Ít có thơ hay, vì thiếu phê bình nghiêm chỉnh về thơ, thiếu sách giáo khoa đúng đắn về thơ. Ta băn khoăn : Được bao nhiêu thanh niên, sinh viên 15 hay 20 tuổi ngày nay, còn khả năng thưởng thức một câu thơ hay ? Lỗi có phải tại họ

hay không ?

Lê Đạt có nói : “*Chúng ta đã mấp mé thế kỷ XXI mà tư duy nhiều khi còn nấn ná ở thế kỷ XIX hay nửa đầu thế kỷ XX*” (*Báo Văn Nghệ*, 1-4-1995). Tư duy đã vậy, còn mỹ cảm ? Nguyễn Khuyến, Tản Đà sống lại ngày nay, liệu có còn làm được những câu thơ trong sáng, đậm thắm như xưa ? Còn những Hàn Mặc Tử, Thâm Tâm ?

Giữa sa mạc mênh mông kia, may ra còn dăm mười ốc đảo, từ tác phẩm một số nhà thơ trong đó có nhiều người cao tuổi, như Lê Đạt : *Sung sướng thay những nhà văn nhà thơ không già vì suốt đời dám lựa chọn những con đường nhỏ, ít người đi* (bài đã dẫn).

Lê Đạt không có tham vọng, và có lẽ cũng không có khả năng làm mới thi ca. Tập thơ *Bông Chữ* là một cách nói, có phần lạ tai để buộc người đọc suy nghĩ lại về bản chất, về chức năng của ngôn ngữ thi ca. Thơ Lê Đạt chỉ lạ mà không mới — ít nhất là không mới đối với tôi. Vì dù muốn dù không, con người chỉ có thể làm thơ được với tâm hồn mình. Mà tâm hồn thì già với tuổi tác, với kiến thức và kinh nghiệm sống. Lê Đạt đòi *chuyện tuổi*, chỉ là cách nói đối già : con người chuyện tội mà không ai chuyện tuổi. Ta thường nghe : Rimbaud, Xuân Diệu, Thanh Tâm Tuyền làm mới thi ca vì họ sáng tác thành công và thành danh ở tuổi mười lăm hai mươi. Văn ba mươi tuổi đang xoan, thơ ba mươi tuổi đã toan về già.

Thơ có tuổi và chiêm bao có tích, Hàn Mặc Tử nói thế. Chỗ mạnh trong thơ Lê Đạt ở trong kiến thức, trong “*diễn cổ*” anh sử dụng — mà tôi đã lý giải. Có người trách anh làm thơ “*đổ chữ*”, “*chơi chữ*” ; kỳ thật nhờ trò chơi này mà anh gần với độc giả, ít nữa là một số độc giả nào đó. Những diễn cổ nói trên — từ Đào Tiềm qua Nerval đến Trịnh Công Sơn — là cái phần gia tài, phần hương lửa chung mà người đọc chia sẻ với nhà thơ.

Đọc thơ Lê Đạt lý thú. Nhưng niềm lý thú của người này là giới hạn của người kia. Người vui thích vì hiểu ý Lê Đạt, vui vì tự thấy mình thông minh thông thái, vui như cậu học trò tìm giải đáp một bài toán khó, chứ chưa phải là niềm hạnh phúc hồn nhiên và bất ngờ trong mỗi tơ duyên kỳ ngộ. Lê Đạt làm thơ *tầm duyên* : đã *duyên* sao lại phải *tầm* ?

Chúng tôi hoan nghênh việc làm của Lê Đạt vì anh đã vận dụng cả vốn sống, vốn kiến thức để đặt lại vấn đề ngôn ngữ thi ca trên hai mặt lý thuyết trừu tượng và trước tác cụ thể. Anh gây suy nghĩ cho những người trẻ. Họ có thể, họ sẽ làm thơ khác anh, mới hơn anh, hay hơn anh. Tôi nghĩ đó là kỳ vọng của Lê Đạt khi làm thơ cho mình và mở đường cho người.

Tôi tin điều đó nên mới viết bài này để giới thiệu Lê Đạt, một tâm hồn cao đẹp, qua những bóng chữ trang nhã.

**Dặng Tiễn**

3-5-1995

*Thu Hoa Kỳ*

# THI CA và CHIẾN TRANH

**Vũ Huy Quang**

Tháng 6 vừa qua, 4 nhà văn Việt Nam (Cao Tiến Lê, Chu Lai, Nguyễn Duy và Văn Lê) đã sang Mỹ theo lời mời của William Joiner Center (Boston). Trung tâm này do giáo sư Kevin Bowen làm giám đốc, tập hợp những nhà văn, nhà thơ Mỹ cựu quân nhân đã tham gia chiến tranh tại Việt Nam. Đây là chuyến đi thăm lần thứ 5 của những nhà văn Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác của trung tâm W.J. Trong khuôn khổ này, những tuyển tập văn, thơ của những tác giả Việt Nam và Mỹ (đã từng tham chiến ở hai phía) đang được chuẩn bị xuất bản (tất cả các tác giả đều nhường tác quyền cho quỹ xây dựng bệnh viện ở Việt Nam). Trong các lần trước, các nhà văn Lê Lưu, Nguyễn Khải, Nguyễn Ngũ, Nguyễn Quang Sáng, Lê Minh Khuê, Nguyễn Quang Thiều... đã sang Mỹ, chủ yếu tại vùng đông bắc Hoa Kỳ.

Lần này, hạ tuần tháng 7.95, khi 3 nhà văn kia đã bay thẳng về Việt Nam, nhà thơ Nguyễn Duy ghé California, thăm viếng Khu Bolsa, xuống San Diego, lên San Jose, San Francisco, gặp lại những nhà văn hải ngoại đã có dịp về nước như Nhật Tiến, Nguyễn Mộng Giác, Đỗ Kh., Khánh Trường... và gặp giới văn nghệ sĩ Việt Nam ở California.

Những cuộc gặp lý thú, vui vẻ cả, không đặng đặng sát khí như có người ngại, song cũng chẳng đơn giản chút nào :

*Khởi buồn đâu để người ngoại  
Hào khí bên ngoài yếm khí bên trong  
Tình say một búi bông bong  
Nào ai chia nửa cõi lòng Bolsa*  
(Nguyễn Duy, Lục bát Bolsa, 8.8.95)

Chúng tôi đăng dưới đây *Lá thư Hoa Kỳ* của nhà văn Vũ Huy Quang (tác giả *Nơi trại rừng giới, Chín truyện ngắn, Mười truyện tân liêu trai*, và các bản dịch *Đường lên trời, Nhục Bồ Đoàn...*), ghi lại một cuộc gặp giữa Nguyễn Duy và những nhà thơ, bạn thơ Mỹ tại *Vườn thơ Los Angeles*.

Cũng là cuộc gặp gỡ lý thú giữa hai nhà văn Việt Nam, một ở trong nước, một ở nước ngoài, người đã từng là thượng sĩ ngành truyền tin Quân đội Nhân dân Việt Nam, người đại uý Quân lực Việt Nam Cộng hoà.

Dưới ngòi bút dí dỏm của một nhà văn quen thuộc với độc giả Diễn Đàn.

Westminster CA, ngày 11.8.1995

Thi sĩ Nguyễn Duy đã về nước ngày hôm qua, sau khi bị chúng tôi hủ hoá và tẩy não. Các cảnh cầu Cự Kim Sơn, phố Tàu, bờ biển, tác phẩm văn học... và các món tím sẫm, ruột ngỗng, hủ tiếu Triều Châu là về phần vật chất ; về phần tinh thần thì đương sự đã được cho vào trong trại sáng tác cá nhân của tôi uống trà, ngủ và suy ngẫm sự đời.

Đương sự phản ứng mãnh liệt bằng cách đọc thơ và tặng thơ. Không hiểu về phần anh em khác như thế nào, phần tôi — như anh chị biết đấy — tôi không nao núng. Nhưng với bọn thi sĩ và khách yêu thơ người Mỹ (chưa từng có kinh nghiệm chiến tranh) thì khác.

Hôm kỷ niệm dội bom Hiroshima 6.8.95, tôi đang ở sở làm thì có điện thoại ở nhà gọi ngược vào sở, bảo tôi liên lạc gấp lên Los Angeles. Hoá ra thi sĩ bộ đội cầu cứu, rằng “ *có mình tôi mà xung quanh toàn là Mỹ... ông lên thông dịch hộ* ”. Ba chân bốn cẳng tôi chạy lên cho Nguyễn Duy thoát cảnh lúng túng. Hoá ra chàng được khẩn cấp mời tới đọc thơ tại *Vườn thơ* ở cao ốc Lannan Foundation (5401 McConnell, Los Angeles).

Buổi đọc thơ có Naomi Shihab Nye và Bruce Weigl, mỗi người đọc hàng 10, 15 bài.

Nguyễn Duy đọc chót, đọc hai bài *Đá ơi* và *Bắn*. Hai bài này đã được dịch rồi (Bruce dịch), tôi chỉ có nhiệm vụ giới thiệu lại qua lời của Duy. Sau khi tôi thêm ít lời, rằng chúng tôi không những đã bất ngờ không sửa soạn gì, chúng tôi lại mới quen nhau chưa được một tuần, lại đã từng kẻ Nam người Bắc trong hai quân đội khác nhau... thì người ta vỗ tay và chụp hình quá xá (dĩ nhiên tôi cũng được chụp... lây).

Hai bài thơ như sau :

## Đá ơi

*Ta mặc niệm trước Angkor đổ nát  
đá cũng tàn hoang hưởng gì kiếp người  
Đá ơi  
xin tạc lại đây lời cầu chúc hoà bình  
Nghĩ cho cùng  
mọi cuộc chiến tranh  
phe nào thắng thì nhân dân đều bại*

Xiêm Riệp, tháng 8.1989

## Bắn

*Những nhà thơ một thời đối thủ  
may mắn thay không bao giờ là kẻ thù  
Đại bác Thơ  
nã vào đêm đen muôn màu pháo hoa  
nã vào nhau tình người không biên giới  
nã vào hồn người giai điệu nhân ái  
Tại sao một thời người ta bắn giết thơ  
những vùng trời tàn sát  
những vùng đời máu me  
những vùng người hận thù  
những vùng chết nhiệt đới  
Tại sao  
tại sao  
những thời con trai bị đánh cắp  
những thời con gái bị cướp đoạt*

những thời thơ ngây bị nướng khét xèo  
 những câu thơ bị thương thất thểu phế binh  
 những con chữ cụt đầu cụt tay cụt chân  
 ngo nguậy kiến lửa  
 bao giờ lành vết thương thời xưa  
 Lỗ thủng hồn ta không thể vá lành  
 vết thịt rách tươi rói như mới  
 tươi rói giọt đau nhều xuống trang thơ  
 nhắc một thời ngu  
 nhắc nhân loại nghĩ chơi trò máu đổ  
 Cuồng nhiệt nữa Nhà Thơ Pháo Thủ  
 Đại Bác Thơ  
 nã vào đêm đen muôn màu pháo hoa  
 Bắn !

Boston, tháng 6.1995

Mọi người nghe lời dịch của Bruce Weigl, nghe lời đọc  
 đồng dạng của Duy để kết thúc buổi đọc thơ (*Readings in the  
 Poetry Garden*) ở Vườn Thơ và anh chàng Duy này “ *steals  
 the show*”, nghĩa là trở thành cái đỉnh khoả lấp hai thi sĩ  
 trước đó. Người ta vỗ tay ôi là vỗ tay, và lâu ôi là ầu. Tôi  
 cũng phải vỗ tay theo...

Những bao nhiêu người lại khen và bắt tay Duy, nào  
 “ cảm ơn ” (*Thank you*), nào “ rất cảm động ” (*very  
 touching*)... nhưng để kết luận, có một phụ nữ đợi mãi trong  
 đám hai, ba trăm thỉnh giả, bắt tôi dịch từng lời cho Duy. Bà  
 ta là một trong những người sau chót.

Tôi cảm động, bà ta cảm động, và Nguyễn Duy cũng cảm  
 động.

Câu ấy thế này : « Tôi xin cảm ơn ông. Chúng tôi nợ ông  
 một lời xin lỗi. Các ông đã dạy cho chúng tôi thế nào là lòng  
 can đảm. Đất nước các ông đã bị bom đạn chúng tôi tàn phá.

Nay nhờ những người như ông, mà người Mỹ có thể  
 ngừng mặt lên được... Sau lời xin lỗi như thế này ».

Bà ta mắt đỏ hoe. Duy cũng đỏ hoe. Và thông dịch viên là  
 tôi, cũng đỏ hoe.

Khi kể lại chuyện này, anh em văn nghệ bảo tôi : « Xấu  
 hổ thật. Suốt đời ông là thông dịch viên đã đành, nay cụ Đại  
 uý lại làm thông ngôn cho cụ Thượng sĩ ».

Về phần người Bolsa thì thế, nhưng đối với cử tọa, với các  
 bạn Mỹ mới quen hôm ấy, tôi có phát biểu một câu về thi ca  
 cũng được nồng nhiệt tán thưởng :

« Xưa Platon bảo choàng cho các thi sĩ vòng hoa rồi dưới  
 khô thành phố. Xem ra thi ca cũng có làm cho hai đứa tôi  
 gần nhau, và làm cả quý ông bà gần với chúng tôi hơn ».

George Evans, một thi sĩ, đáp lời mà ánh mắt long lanh :

« Thế là Platon ghen với chúng ta ».

Nếu các anh chị đăng thư này, hiểu cho tôi rằng lời của  
 thỉnh giả Hoa Kỳ hôm đó tôi đã tường thuật trung thực, tôi  
 tuyệt không có thêm thắt gì... kéo lại bảo tôi làm tay sai...  
 cho Mỹ.

Thân mến,

*Dù Huy Quang*

**Wisława Szymborska**

## **buộc ngoạn của thế kỷ**

Thế kỷ XX của chúng ta lẽ ra đã phải khá hơn là những thế kỷ khác.  
 Điều ấy nó sẽ không còn thời gian để chứng tỏ,  
 những năm tháng của nó chẳng còn được bao nhiêu,  
 bước chân nó lao đảo  
 hơi thở nó ngắn.

Đã xảy ra quá nhiều chuyện  
 chẳng bao giờ nên xảy ra  
 và những gì lẽ ra phải tới  
 đã chẳng hề tới.

Lẽ ra ta đã phải tiến tới mùa xuân  
 và hạnh phúc, giữa những điều khác.

Lo sợ lẽ ra đã phải rời bỏ mọi miền núi non và thung lũng.  
 Sự thật mau hơn là đối trá  
 lẽ ra đã phải chạy tới đích.

Một số điều bất hạnh lẽ ra không được  
 xảy tới nữa  
 chẳng hạn chiến tranh  
 và đói khát, và kế tiếp là những điều tương tự.

Lẽ ra người ta rồi cuộc đã phải tôn trọng  
 sự dễ bị tổn thương của những kẻ không đủ tự vệ,  
 sự tin cẩn, vãn vãn.

Kẻ từng muốn vui hưởng thế giới  
 lúc này đứng trước một trách vụ  
 không thể nào thực hiện.

Chuyện rờ dại thật là đáng chán.  
 Sự khôn ngoan chẳng có gì vui.

Niềm trông đợi  
 chẳng còn là người thiếu nữ nọ  
 và vãn vãn và vãn vãn, thật không may.

Lẽ ra Thượng đế rồi cuộc đã phải tin ở con người  
 tốt lành và mạnh mẽ,  
 nhưng tốt lành và mạnh mẽ  
 vẫn mãi mãi là hai kẻ khác nhau.

Làm sao sống — có ai đó đã hỏi tôi trong một lá thư,  
 ai đó mà tôi cũng đã toan hỏi  
 cùng một câu ấy.

Lại một lần nữa và vẫn như thế,  
 như người ta có thể thấy trên đây,  
 không có những câu hỏi nào khẩn thiết hơn  
 là những câu hỏi thật ngây ngô.

bản dịch của **Diễm Châu**  
 trích từ **Ở phía nam của tâm hồn tôi**  
 nxb Trình Bầy, 1995

Wisława SZYMBORSKA sinh ngày 2.7.1923 tại Kornik, gần  
 Poznan, tác giả tập **Những người trên cầu** (1986), có lẽ là nữ  
 thi sĩ lớn nhất của Ba Lan hiện đại. Giải thưởng Goethe của  
 thành phố Frankfurt 1991.



## Nho giáo và hiện đại hoá

Hoà Vân

Những câu hỏi của Trần Đình Hượu trong bài *Nho giáo đã thành vấn đề như thế nào với nước Việt Nam ngày nay* (Diễn Đàn số 42) làm tôi phân vân khá nhiều. “*Chúng ta chọn con đường nào? Con đường Âu hoá hay theo truyền thống Đông Á? Phải chăng cũng có thể nghĩ đến một con đường phương Đông để hiện đại hoá?*”

Đằng sau chúng là một mệnh đề về sự phát triển tăng tốc của Nhật Bản và các “con hổ châu Á” nhờ ảnh hưởng của Nho giáo. Trường hợp Nhật Bản có khác, Nguyễn Kiến Giang và Vĩnh Sinh đã phân tích (cùng trong ĐĐ số 42), chỉ xin đặt dưới đây vài câu hỏi về các “con hổ châu Á”.

Tôi không dám phủ nhận rằng có thể là một phần nhờ vào “truyền thống” chung nào đó, gọi nó là ảnh hưởng của Nho giáo đi, mà các nước này đã phát triển kinh tế mạnh trong mấy thập kỷ qua. Nhưng còn những nguyên tố khác? Tình hình thế giới và sự đầu tư nặng ký của Mỹ, Nhật chẳng hạn. Đó chỉ là một câu hỏi. Một câu hỏi khác, trực tiếp hơn trong khía cạnh đang bàn: có phải là với truyền thống chung ấy, những nước này đã sáng tạo ra những phương cách tổ chức nền sản xuất mới, với những khám phá khoa học kỹ thuật mới? Hay thực ra chỉ là, trong một bối cảnh thuận lợi như đã nêu, cộng thêm với một truyền thống cần cù, hiếu học, một kỷ luật của những xã hội chưa ra khỏi tổ chức phong kiến (đúng là phong kiến Nho giáo, nếu so với các nước chưa phát triển khác), họ đã mau chóng học được những kỹ thuật, những phương cách sản xuất đến từ chân trời khác, để xây dựng lên một nền kinh tế với những mặt hàng theo kịp các chuẩn mực tây phương và do một vài điều kiện khách quan, (trước mắt) rẻ hơn? Xe hơi Hyundai chạy với những máy móc và nguyên lý động lực học được khám phá từ Kinh, Truyện?

Tất nhiên, tôi hiểu là Trần Đình Hượu chỉ muốn bàn về mặt phương hướng tổ chức xã hội để phát triển, về các “yếu tố văn hoá trong tiến trình phát triển”. Động từ chính vẫn là “phát triển”, tức là phải học kinh tế tư bản, học khoa học kỹ thuật, học nguyên lý động lực học v.v..., và nếu ông không nói đến những điều này không có nghĩa là ông phủ nhận chúng. Song, đặt dấu chấm lên chữ i có là thừa? Khi nghĩ tới các yếu tố kinh tế, kỹ thuật thì cái mệnh đề “nhờ ảnh hưởng của Nho giáo” trên kia tự nhiên tương đối hoá hơn. Con đường “phương Đông” kia đã có bao nhiêu phần trăm Âu hoá? Mặt khác, ngay cả về phương diện tổ chức xã hội, các định chế chính trị (chính phủ, quốc hội, đảng phái v.v...), xã hội (nhà thương, trường học) hoặc kinh tế (xí nghiệp, nhà máy, ngân hàng) nào của các “con hổ châu Á” là đã được xây dựng lên với “ảnh hưởng của Nho giáo”? Cũng có thể nghĩ tới những cung cách có tính Nho giáo trong hoạt động của các định chế nói trên ở những nước Đông Á. nếp sống, nếp nghĩ của mỗi dân tộc hẳn là có một vai trò rất quan trọng khi dân tộc đó tiếp xúc với những ý tưởng, những thực tiễn của thế giới bên ngoài. Song, nếu Nho giáo là nguyên tố

chính của sự cất cánh của các “con hổ châu Á” thì đâu là nguyên tố chính của sự phát triển hàng mấy thế kỷ trước của các nước Tây Âu, mà sức sáng tạo (không chỉ về khoa học kỹ thuật) vẫn đang là cơ sở cho những đổi thay của thế giới, kể cả của những “con hổ” kia? Lấy gì cất nghĩa sự hồi sinh của các dân tộc Pháp, Đức... sau thế chiến thứ hai?

Cho nên, mặc dù anh B.M.H. đã có nói thêm về sự “hiểu biết tường tận lý thuyết cũng như cơ chế tác động của Nho giáo vào thực tế”, thú thật tôi vẫn không tin lắm rằng nên lấy những tri thức ấy “làm cơ sở cho việc giải quyết các vấn đề ngày nay nhiều người quan tâm”. Bản thân Nho giáo là một kho tàng văn hoá quý của loài người và sự hiểu biết tường tận lý thuyết cũng như các cơ chế tác động của nó trong những xã hội Đông Á, nơi nó sinh ra và được truyền bá từ hàng ngàn năm nay, hẳn là rất cần thiết cho những ai muốn hiểu và/hoặc muốn tác động tới những chuyển biến của những xã hội đó. Còn như đi xa hơn... Về mặt chính trị, tôi khá e ngại những từ “làm cơ sở cho...”. Về mặt thực tiễn, còn nhiều tri thức khác quan trọng không kém. Và chẳng, trong trường hợp nước ta, sự chối bỏ Nho giáo (tôi không đang bào chữa cho sự chối bỏ đó) và sự tìm kiếm những giá trị khác đâu sao đã trải qua một thế kỷ thăng trầm, dù kết quả không chỉ là tích cực, dấu ấn đã rõ. Có thực có một “con đường phương Đông” mà các con Hổ châu Á đã vạch ra, cơ bản là thích hợp với ta?

Với những điều nói trên, tôi chia sẻ nhiều hơn cách đặt vấn đề của Nguyễn Kiến Giang, cũng như kết luận của ông về vị trí của Nho giáo. Ở nước ta, hiển nhiên là Nho giáo xứng đáng được trân trọng, tìm hiểu, học hỏi. {Đưa vào chương trình triết học của học sinh năm cuối trung học chẳng hạn, mặt khác khuyến khích một số học giả đi sâu nghiên cứu, viết sách quảng bá để mọi “người lương thiện” (xin mượn thuật ngữ Pháp “honnête homme”) ở nước ta có thể tìm học..., là những biện pháp cụ thể cần được khuyến khích}. Rồi từ cái thêm văn hoá truyền thống được nuôi dưỡng ấy, cùng với những cố gắng học lấy những tri thức của thời đại, những bài học từ các nền văn hoá khác, xã hội ta tìm được cho mình một số phương cách để xây dựng cuộc sống ngày một tốt hơn, giữ được những khía cạnh tốt đẹp của nền văn hoá dân tộc đồng thời hoà mình vào cộng đồng thế giới, chẳng hay lắm sao? Tôi dè dặt trước sự đối lập giữa “Con đường Âu hoá” và “truyền thống Đông Á” mà Trần Đình Hượu nêu lên, nhất là trong một ý nghĩa “tìm đường” thường mang tính chất ý thức hệ mà quá khứ đã cho thấy nhiều hậu quả đau thương. Không nên quên rằng cái gọi là “truyền thống Đông Á” ấy vẫn cứ được tùy tiện sử dụng để biện minh cho những hành động phản dân chủ, từ chối nhiều giá trị đến từ chân trời khác nhưng càng ngày càng được công nhận là giá trị phổ quát của nhân loại.

Nhân đây cũng xin trở lại một chút trường hợp ông Lý Quang Diệu. Tôi e rằng câu viết trong bài của anh B.M.H. có thể để cho hiểu rằng ông ta chủ trương (hoặc cho rằng có thể) gìn giữ cái truyền thống “những ai ở địa vị tôn quý mãi mãi có quyền bắt người dưới ngoan ngoãn cúi đầu cảm miêng mà tùng phục”. Sợ như thế có phần quá đáng chăng? \*\*

# Ta nhìn ta, ta nhìn người

## I. vào khúc quanh thế kỷ 19

### bùì mộng hùng

**N**hận định về ta, về người, về ta với người. Ba cái nhìn tuy ba mà một, hệ quả nhiều khi mấy thế hệ sau còn gánh chịu. Nhất là vào những thời đại thế giới chuyển động mạnh, như thế kỷ thứ 19, như hiện nay...

Chúng ta thử lùi về quá khứ lấy tầm nhìn lịch sử tìm hiểu cách ta nhìn ta, nhìn người trong khoảng đầu thế kỷ 19 và trong hiện đại.

Thập niên thứ ba thế kỷ 19 triều đại Minh Mạng bắt đầu, thừa kế một dải giang sơn thống nhất rộng lớn chưa từng thấy trong lịch sử Việt Nam. Vào lúc đất nước đã bắt đầu ổn định sau 18 năm Gia Long trị vì.

Nhà vua có ý chí khai triển sự nghiệp, chấn chỉnh thể chế và pháp độ, mở mang học thuật văn hoá, xây dựng quân đội hùng mạnh hỗ trợ cho một chính sách ngoại giao uyển chuyển, cứng có mềm có, đặt nền bảo hộ trên các nước láng giềng Chân Lạp, Vạn Tượng... Quyết tâm đưa Việt Nam vào một thời đại huy hoàng như Đại Việt thời Lê Thánh Tôn (1460 - 1494).

Cái ý chí làm một Thánh Tôn nhà Nguyễn của vua Minh Mạng ẩn hiện trong lời nói, trong câu văn. Đơn cử lời dụ sưu tầm thơ văn xưa " *Nước Việt ta lấy văn hiến mở nước, các vua anh minh ra đời, duy Thánh Tôn nhà Lê là hiếm có, pháp độ và chính trị hay đều chép ở trong sử, lại còn sau khi mưu cơ muốn việc nhân hạ, văn nghệ vui chơi làm ra rất là phong phú, cái phong tao lưu lại còn thấy tiếng hay, trẫm truy tư cố nhân rất là khâm mộ.*" (Minh Mệnh Chính Yếu (MMCY) Nhà xuất bản Thuận Hoá, Huế 1994, tập III, tr. 86 - 87), và câu vua hỏi triều thần " *Thơ của trăm đời với thơ Lê Thánh Tôn thế nào ?*" (MMCY, tập III, tr. 90).

Tuy nhiên, khác với thời đại Lê Thánh Tôn một yếu tố mới lạ đã đậm nét : Tây phương bám trụ ở vùng Nam Á, đang tìm cách mở rộng ảnh hưởng.

### Về giao thương với Tây phương

**Đại Nam Thực Lục** <sup>(1)</sup> chép : tháng bảy, Minh Mạng năm thứ ba (1822) " *Tổng đốc Manh-nha-hổ nước Anh-cát-lợi là Hà-sĩ-định sai Cá-la-khoa-thắc mang thư đến dâng phương vật (500 khẩu súng tay, một đôi đèn pha lê lớn). Thuyền đến Đà Nẵng. Dinh thần Quảng Nam dịch thư dâng lên.*" ... (ĐNTL, tập VI, tr. 85 - 86) Cá-la-khoa-thắc chính là John Crawfurd (1783 - 1868). Vào năm 1822 ấy, Crawfurd là người đã từng trải nhiều năm hoạt động ở Pinang và Java, là tác giả bộ *History of Indian Archipelago* (Lịch sử Nam Dương quần đảo) xuất bản năm 1820. Lý do Lord Hasting (Hà-sĩ-định) thống

đốc (gouverneur général) Bengale (Manh-nha-hổ), đứng ra là Ấn Độ thuộc Anh, trao cho Crawfurd nhiệm vụ đi Huế : Cảng Singapore đã mở năm 1819, điều tra tiềm năng tài nguyên và thị trường của cả vùng là cần thiết.

Vua Minh Mạng từ chối không cho Crawfurd vào bệ kiến, lý do " *là người của tổng đốc phái đi, không phải do mệnh của quốc vương* ", không nhận phẩm vật. Nhưng trọng đãi phái bộ, ban tặng khá hậu. Và Crawfurd thành công mỹ mãn trong vấn đề đặt quan hệ buôn bán. ĐNTL chép tiếp " *Sai hữu ty bàn định điều lệ riêng về việc các nước đến buôn, làm thư của Thương bực bảo cho biết* ". Văn kiện chính thức ấy quy định chi tiết quan hệ thông thương với Việt Nam, theo báo cáo Crawfurd gửi Hasting nội dung gồm không dưới 71 mục. Quan hệ người Anh đặt được khi đó, người Pháp chưa đạt được, mặc dù Vannier (Nguyễn Văn Chấn), Chaigneau (Nguyễn Văn Thắng) lúc đó lãnh quan chức trong triều là những người Pháp phục vụ nhà Nguyễn từ khi Nguyễn Ánh còn bôn tẩu đối chọi với Tây Sơn.

Mở quan hệ giao thương với Tây phương, có giới hạn và " *định hướng* " là đường lối của vua Minh Mạng. Chính nhà vua có thư phiên trách với công sứ Singapore việc thương gia Anh không biết chụp lấy cơ hội nhà vua mở cửa các cảng Gia Định, Đà Nẵng, Hội An, Huế cho họ sau cuộc viếng thăm của phái bộ Crawfurd (doanh số trao đổi giữa Việt Nam và Singapore năm 1824 đạt 93 781 đôla Singapore, đến khoảng năm 1826 - 1827 không vượt quá 134 698 đôla).

Và, sau hai mươi năm gián đoạn - từ Gia Long tức vị 1802 cho đến năm Minh Mạng thứ ba 1822 - nhà vua lại đặt vấn đề sai phái bộ đi Hạ châu. Hạ châu, sử gia nhà Nguyễn dùng để chỉ chung Pinang và Malaka cho đến 1818, nghĩa là đến trước ngày thành lập cảng Singapore, và sau đó bao gồm Pinang, Malaka và Singapore.

Nhiệm vụ giao phó cũng khác trước. Thời còn chiến tranh với nhà Tây Sơn, từ 1788 đến 1801, Nguyễn Ánh bảy lần sai người đi Hạ châu. Để mua quân nhu khí giới. Tháng hai Minh Mạng năm thứ tư (1823) khi sai cai cơ Ngô Văn Trung, tuần hải đô dinh Hoàng Trung Đồng dùng hai thuyền Bình ba, Định lãng đi Hạ châu, nhà vua dụ rằng : " *Chuyến đi này không phải để mua hàng hoá, chính là muốn biết núi sông phong tục nhân vật của nước ngoài. Bọn người đến nơi phải xem kỹ la bàn, ghi chép rõ ràng cho biết phương hướng.*" (ĐNTL, tập VI, Tr. 146)

Tìm hiểu núi sông phong tục : dò xét tình hình thế giới. Và cải tiến kỹ thuật đi biển : xem kỹ la bàn, ghi chép phương hướng. Mười bảy năm sau, năm 1840, trong dịp từ khước không nghe theo Vũ Đức Khuê xin đình chỉ gởi thuyền công hàng năm đi ra ngoại quốc, nhà vua tóm tắt kết quả của hai nhiệm vụ này : " *Nay quân ta cũng biết lái chở thuyền vượt biển không kém sở trường của họ (Tây dương), làm họ tròn lòng, nhân đó mà dò xét tình trạng, mới được cả hai đàng*" (ĐNTL, Tập XXII, tr. 295-296)

Chuyến công vụ này mở đầu cho một chính sách giao thương mới với 15 chuyến đi Hạ Châu, 9 đi Giang Lưu Ba (Kelapa, Jakarta ngày nay), 3 đi Tiểu Tây Dương (Ấn độ vùng Pondichéry), 2 đi Pinang, 2 đi Semarang (Java), 2 đi Lữ Tống (Luçon, Philippin), trong thời gian 21 năm trị vì của vua Minh Mạng. Thiệu Trị (1841 - 1847) tiếp tục chính sách, trong 7 năm ở ngôi vua phái đi Giang Lưu Ba và Singapore mỗi nơi 3 chuyến.

Nhà vua căn dặn hai nhiệm vụ : trau dồi kỹ thuật đi biển,

(1) **Đại Nam Thực Lục** (ĐNTL), bản dịch của tổ phiên dịch Viện Sử Học, Hà Nội, các tập đầu được xuất bản năm 1963 và liên tục ra tiếp theo trong những năm sau. Phần Chính Biên, Đề nghị kỷ (Minh Mạng) gồm từ tập V đến tập XXII.

thu thập thông tin nhận xét tình hình thế giới – ngày nay còn lại vài tập ghi chép hiếm hoi, **Hải trình chí lược** của Phan Huy Chú<sup>(2)</sup>, **Tây hành kiến văn kỷ lược** của Lý Văn Phúc (1785 - 1849) về chuyến đi Bengale năm 1829. Nhưng thật ra, các phái bộ còn thêm một chức năng khác.

Từ năm Gia Long thứ 8 (1809), nhà Nguyễn cấm bán cho người nước ngoài lúa gạo, vàng, bạc, tiền, muối, trầm hương... Các chuyến tàu công vụ đời Minh Mạng, Thiệu Trị là một công cụ của nhà vua nhằm nắm độc quyền buôn bán hàng cấm nói trên và một số mặt hàng mua về cho triều đình.

Vì nghiêm cấm cho nên buôn lậu chở gạo Nam Kỳ ra Hạ châu bán, mua thuốc phiện đem về trở thành vấn đề nan giải cho triều đình. Minh Mạng năm thứ 9 (1828) vua chuẩn y lời bàn của đình thần : “ *Muốn trừ tệ ấy (bán gạo lậu) chẳng gì bằng lấp cái nguồn ấy đi là hơn. Nay xin từ nay về sau cấm hết thuyền buôn nước ta không được đến Hạ châu buôn bán, làm trái thì chiếu luật buôn lậu mà trị tội.* ” (ĐNTL, tập IX, tr.78). Có vài số liệu cho ta một ý niệm về khối lượng buôn lậu sau lệnh cấm đó. Năm 1834 số thuyền buôn cả Đông lẫn Tây cập bến Singapore là 472 chiếc, trong đó có 27 là Trung Quốc, 24 Xiêm, 72 Mã Lai và 49 Việt Nam. Doanh số mua bán tư thương giữa Singapore và Việt Nam tăng – 383 273 đôla năm 1829-30, 476 512 năm 1844-45 – mặc dù cướp biển hoành hành, thương nhân Việt Nam lại bị cấm đem khí giới theo, nguy cơ bị cướp bắt hay giết chết chẳng nhỏ. Thời gian sau 1850, tình hình căng thẳng với Pháp, các chuyến tàu công vụ ngưng hẳn, lệnh cấm thuyền buôn tư nhân lại càng ngặt hơn, tuy thế buôn lậu đã chẳng giảm mà so với 1844 - 45 doanh số năm 1856 - 57 của thuyền buôn tư nhân Việt Nam tăng 241 553 đôla, nghĩa là 52%.

Có lẽ cũng nên nói thêm rằng trong những cuộc buôn lậu này, không khỏi có những kẻ quyền cao chức trọng nhúng tay tham nhũng vào. Năm Minh Mạng thứ 17 (1836) phát giác An thái thú Vĩnh Long Lê Văn Nhuận ăn hối lộ của thương gia người Hoa để cho họ mua gạo bán lậu ra nước ngoài (ĐNTL, tập XVIII, tr. 175). Năm sau (1837) đổ bể vụ Hoàng Văn Thông quan chức trong phủ em vua, Kiến An công Hiệu cho một thương gia người Hoa ở Gia Định dùng thuyền được miễn thuế của phủ Kiến An công đi buôn suốt mười năm trường với Hạ Châu, Phúc Kiến (ĐNTL, Tập XIX, tr. 90)...

Những sự kiện cho thấy rằng trong nửa đầu thế kỷ thứ 19, một luồng thông thương khá náo nhiệt, cả công lẫn tư, cả chính thức lẫn lén lút, nối liền Việt Nam với các thuộc địa Tây phương trong vùng. Các vua Minh Mạng, Thiệu Trị sử dụng một cách có ý thức các chuyến tàu công vụ để thu thập thông tin về tình hình thế giới, trau dồi kỹ thuật hàng hải cho thủy binh, thiết lập độc quyền buôn bán gạo lúa cùng một số mặt hàng. Ta thấy nhà vua phác họa những nét chính sách giao thương trong một lời dụ vào năm 1840 “ *... họ đến cũng không cự, họ đi cũng không theo, chỉ đối đãi coi như người đi dịch thôi. Gián hoặc có thuyền người Tây dương đến buôn bán, chỉ cho thả neo ở vịnh Trà Sơn, đối chác buôn bán xong xuôi, lại bắt chở thuyền đi, không hề cho lên bờ ở lâu, nhân dân sở tại, cũng không cho cùng họ trao đổi riêng.* ” (ĐNTL, tập XXII, tr. 294-295). Tóm lại, kiểm soát giao thương chặt chẽ qua ngã “ quan doanh ”. Muốn biết thêm chi tiết xin tham khảo Chen Ching-ho, *Les “ missions officielles dans le Hạ châu ” ou “ Contrées méridionales ” de la première période des Nguyễn*

(2) xem sách song ngữ Pháp Việt **Phan Huy Chú, Hải trình chí lược**, của Phan Huy Lê, C. Salmon và Tạ Trọng Hiệp, Paris, Cahier d'Archipel 25, 1994.

(Trần Kinh Hoà, Các “ phái bộ chính thức đi Hạ châu ” hay “ Miền dưới ” thời đầu nhà Nguyễn), Claudine Salmon, Shibata Shintaro, Tạ Trọng Hiệp dịch tiếng Nhật ra tiếng Pháp (BEFEO, tome 84, Paris, 1994, tr. 101 - 124).

### Về kỹ thuật, khoa học Tây phương

Tây phương đến sát nách. Một việc gọi cho ta nghĩ rằng “ sự kiện Tây dương ” đi vào dư luận : Minh Mạng nguyên niên (1820) một trận dịch lớn, tháng sáu phát ra ở Hà Tiên, tháng bảy tràn đến Bình Thuận, Quảng Bình, lan ra Bắc Thành. Trong vòng năm tháng, không kể trẻ con đàn bà người già, tính riêng đàn ông trong sổ hộ khẩu mà tổng số cả nước là 620 240 người, đã chết mất 26 835. Vua Minh Mạng theo quan niệm thời đó sai Phạm Đăng Hưng soạn dụ, ý rằng : “ *Trẫm không có đức, trên cam phạm hoà khí của trời, bốn phương đều có dịch đều là lỗi trẫm* ”, Đăng Hưng tâu : “ *... thần nghe bệnh dịch từ Tây dương sang, bệ hạ hà tất lấy làm tội của mình* ” (ĐNTL, Tập V, tr. 118, 178, tập IX, tr. 243). Từ ông vua cho đến người dân, vào một dịp này hay ở dịp khác, không thể không nghe đến “ Tây dương ” được.

Vấn đề là những kỹ thuật, tư tưởng từ mới lạ phương xa tới được đón nhận ra sao.

Ta thấy năm Minh Mạng thứ tư (1823) “ *Sai vũ khổ chế thứ súng tay thuốc nổ mạnh theo kiểu Tây dương* ” (ĐNLT, tập VI, tr. 209). Tháng 10 năm thứ 21 (1840), “ *đúc 2 cỗ súng lớn Chấn hải. Sai ty có trách nhiệm theo đúng cách thức của Tây dương mà làm (một cỗ chất bằng gang, trong lòng đường kính 2 tấc, 2 phân, 1 cỗ chất bằng đồng, trong lòng đường kính 1 tấc 9 phân). Khi đúc xong đem thí nghiệm, đều được cứng tốt. Vua cho là thứ súng lớn ấy dùng về thủy chiến rất đắc lực, lại sai đúc thêm 30 cỗ chất bằng đồng nữa.* ” (ĐNTL, tập XXII, tr. 284). Một tháng sau, “ *đúc 15 cỗ súng Xung tiêu bằng đồng... Lại chế 30 cái thước đo, để thí nghiệm thước súng đều theo cách thức của Tây dương.* ” (ĐNTL, tập XXII, tr.344)

Và, Minh Mạng năm thứ 7 (1826) “ *Đóng 11 chiếc thuyền lớn bọc đồng năm cột buồm* ” (ĐNTL, tập VIII, tr. 54) Thật ra, đóng thuyền kiểu Tây phương chở được nhiều súng đại bác đã bắt đầu từ trước. Thư đề ngày 24.4.1800 của Labrousse nói rõ : “ *Nguyễn Ánh chỉ dùng người Đàng Trong mà thôi đã thành công đóng được chiến hạm theo kiểu Âu châu. ..., tàu nào cũng to, đẹp, chiếc thì mang 26 súng đại bác, chiếc thì mang 36 khẩu thần công ; thủy thủ đoàn gồm trên 300 người.* ” (L. Cadière, BEFEO, 1912, 38-39).

Tháng 4 năm Minh Mạng thứ 21 (1840) lần đầu tiên thấy chép (ĐNTL, Tập XXII, tr. 114) tham tri Đào Trí Phú, viên ngoại lang Trần Tú Dĩnh đi Giang Lưu Ba về dâng chiếc tàu mới mua chạy bằng máy hơi nước. Trí Phú thuê một đoàn thủy thủ chỉ huy là Bo-di-trợ đi theo tàu, chắc cũng để chuyển giao kỹ thuật. Đoàn này, phó vệ úy hiệp lãnh thị vệ Nguyễn Tiến Song, viên ngoại lang Trần Tú Dĩnh đưa về Hạ châu trong chuyến tàu Thanh Dương đi mua hàng theo quyết định của nhà vua tháng 5 năm đó (ĐNTL, tập XXII, tr. 129). Ngay tháng 6, ra lệnh đóng tàu chạy hơi nước “ *hạng trung kiểu mới... chiếu theo thể chế cách thức tàu hạng to mới mua về chằm chước mà làm.* ” Tàu, hai bên sườn có bánh xe lớn, thân dài 5 trượng 4 thước, sâu 4 thước 3 tấc 6 phân, (1 trượng là 10 thước, một thước bằng 0,33 mét) (ĐNTL, tập XXII, tr. 162). Còn “ *tàu hơi nước hạng trung cũ để làm tàu vận tải tầm thường...* ” (tr. 163). Chắc đây nói chiếc tàu Vũ khổ đóng năm 1838 (ĐNTL, tập XX, tr. 252). Còn một chiếc tàu lớn đóng năm 1839 tốn 11 000 quan. Vua bảo : “ *Trẫm muốn những*

người thợ nước ta đều học tập máy tinh xảo, cho nên không tính đến sự tổn phí” (ĐNTL, tập XXI, tr. 226). Tháng 7 âm lịch 1840, đặt tên cho 3 tàu chạy hơi nước : tàu lớn gọi là Yên phi, tàu hạng trung là Vân phi, tàu nhỏ là Vụ phi. Yên phi chắc là tàu Đào Trí Phú đem về 3 tháng trước, khi mua về “ máy móc nhiều chỗ han gỉ, nồi sắt cũng dò nước... chạy thử chưa được nhanh lẹ. ” Sau khi “ thợ tháo ra xem xét, mài giữa từng cái, sửa chữa chỉnh đốn, lắp lại như cũ. ”, cho ra biển chạy thử với tàu Bình hải nhanh nhất đương thời, tàu máy hơi nước chạy nhanh hơn. (ĐNTL, tập XXII, tr. 186)

Đến năm Thiệu Trị thứ tư (1844) Đào Trí Phú lại mua ở Tây dương về một tàu chạy máy hơi nước lớn giá 28 000 quan tiền, đặt tên Điện Phi. (ĐNTL, tập XXIV, tr. 108 - 112). Tốc độ của nó làm người đương thời kinh ngạc : ngựa trạm chạy từ Cần Giuộc về Huế phải mất 4 ngày 6 thìn 5 khắc. Chiếc tàu dài 9 thước 5 thước 7 tấc, sâu 9 thước này, đi chỉ mất 3 ngày 6 thìn, nhanh hơn ngựa chạy 1 ngày 5 khắc !

Sử cũng chép, năm 1825 “ *Cấp cho Khâm thiên giám ba cái kính chiêm nhật kính (ống dòm mặt trời), đại thiên lý kính và thiên lý kính* ” (ĐNTL, tập VII, tr. 192). Chính nhà vua tự tay mài mò sử dụng loại dụng cụ này : “ *Trước kia người Phú-lăng-sa là Nguyễn Văn Chấn (Vannier) dâng hai cái ống dòm bằng đồng của Tây dương, gọi là ống dòm mặt trời. Vua để một cái ở trong cung, một cái cho Khâm thiên giám, chưa có ai biết dùng. Vua từng khi rồi đem xem, gọi Phan Huy Thực và Nguyễn Danh Giáp bảo rằng : “ Cái ống dòm này, để bằng, để lệch, để cao, để thấp độ số khác nhau, gần thì đo được núi non, xa thì xem được trời đất, rất là diệu ”.* (ĐNTL, tập VIII, tr. 250). Và, 1826 “ *Cấp cho Khâm thiên giám hai thước phong vũ và hàn thử.* ” ... “ *Vua từng bảo Lễ bộ rằng : “ Thước hàn thử vốn có độ thường, như khí trời tạnh sáng thì khí dâng lên, âm u thì khí sụt xuống, biết trước khí hậu cái ấy rất nghiệm. Nếu ẩm áp mà khí xuống, âm u mà khí lên thì là khí bất chính, nhân dân dễ sinh bệnh tật. Lấy thước ấy để đo lường khí hậu thực là phép diệu. Biết xem kỹ thì suy tính không sai.* ” (ĐNTL, tập VIII, tr. 94 - 95)

Một loạt sự kiện cho nghĩ rằng vua Minh Mạng quan tâm đến kỹ thuật, dụng cụ khoa học Tây phương áp dụng trong quân sự cũng như dân sự.

Vì vậy mà ta không ngạc nhiên lắm thấy nhà vua chấp nhận khái niệm “ đất tròn và chuyển động ”. Vua từng nói với quần thần : “ *Xưa nay đều nói rằng trời tròn đất vuông. Phàm đất vuông thì hẳn không thể theo trời mà chuyển vận được, cho nên sách **Hồn thiên nghi** nói rằng trời hình như quả trứng, trời bao ngoài đất, thì đủ biết đất tròn. Nhưng lời nói xưa đã thành, không nên bày ra thuyết lạ nữa* ”. (ĐNTL, tập VIII, tr. 99) Điều không biết rõ là nhà vua chỉ nhắc lại lập luận của Lê Quý Đôn (1726 - 1784) nửa thế kỷ trước đây trong quyển hai **Vân đài loại ngữ** (1773) khi nhà bác học dẫn **Khôn dư đồ thuyết** – sách Trung Quốc dịch một tác phẩm của F. Verbiest – để nêu và bàn về vấn đề, hay có đọc thẳng quyển sách được Trung Quốc và Nhật Bản ưa chuộng này. Ta được biết Minh Mạng từng căn dặn sứ bộ đi Trung Quốc tìm mua sách lạ (ĐNTL, tập X, tr.165), lại “ *thường xem quyển **Tây dương ký sự** ”* (ĐNTL, tập XXI, tr. 102). Và, năm 1840 nhà vua “ *sai nội các soạn đưa ra một bộ sách nói về hình vẽ địa cầu của Tây dương, giao cho phụng giữ* ” (ĐNTL, tập XXII, tr. 168).

### Về tình hình thế giới

Sử chép : “ *Vua mỗi khi ngoài lúc ra chầu nghe việc tất vời hai ba vị đại thần, giảng bàn... phong tục, sự vật các nước phương xa...* ” (ĐNTL, tập IX, tr. 191) Ta được biết qua kiến

giải của nhà vua về cuộc đại cách mạng Pháp “ *Trẫm từng nghe việc loạn ở nước Phú-lăng-sa, bắt đầu có người yêu quái truyền nói trong nước rằng : “ Phàm loài miệng có răng đều có tóc đều là người cả, sao lại để cho giàu nghèo không đều ”. Thế là ùa nhau nổi lên cướp của nhà giàu chia cho nhà nghèo để cho đều nhau, dẫn đến loạn to... Nhưng đảng loạn nước Phú-lăng-sa cuối cùng bị diệt...* ” (ĐNTL, tập VIII, tr. 195).

Mối quan tâm lớn là tình hình khu vực. 1824, Anh gây hấn với Điện Điện, vua nói với sứ giả Xiêm : “ *Nước Xiêm có Điện Điện, cũng như nhà có phen dậu, nếu Hồng-mao (Anh) đánh mà lấy được, thì thế tất rồi đến nước Xiêm. Người mưu việc nước Xiêm nên lo chứ chẳng nên vui.* ” (ĐNTL, tập VII, tr. 77). 1826, vào dịp sứ Xiêm tới yết kiến, vua mở địa đồ, trở bảo bày tỏ : “ *Trẫm nghe nước Xiêm La cùng nước Hồng-mao có hiềm khích, chột có dùng binh thì Hà Tiên là chỗ hai nước xung đột nhau, ta nên tính toán ra sao để phòng việc không ngờ.* ” (ĐNTL, tập VIII, tr. 81).

Minh Mạng chăm lo phòng bị xâm lăng, vào năm 1840 nhà vua có nói : “ *Kể ra, biết tự trị thì mạnh, có phòng bị thì không lo. Nay của biển Đà Nẵng ở Quảng Nam, đã đặt thêm pháo đài Phòng Hải, cửa biển Thi Nại ở Bình Định, lại mới xây pháo đài Hồ Ky, để giữ chỗ hiểm yếu ; còn đảo Côn Lôn ở Vĩnh Long, đảo Phú Quốc ở Hà Tiên, đều có đặt đồn bảo chia phái lính tuần phòng, để răn ngừa sự lo bất ngờ. Như thế thì ta ngăn giữ bờ biển đã có cái thế đáng sợ mà không thể xâm phạm được. Việc võ bị mà chỉnh đốn, thì người ngoài trông thấy, cũng đủ tiêu tan lòng tà. Không những người Tây dương cách trở xa xôi, không dám trông thẳng vào nước ta mà nước mạnh láng giềng tiếp giáp cõi đất, cũng không dám lại manh tâm dòm ngó nữa* ” (ĐNTL, Tập XXII, tr. 295).

Mâu thuẫn giữa Anh và Pháp không lọt khỏi mắt nhà vua. Năm 1824 tàu Pháp đem quốc thư, phẩm vật đến xin đặt quan hệ, vua bảo rằng : “ *Nước Phú-lăng-sa cùng nước Anh-cát-lợi thù nhau, năm trước nước Anh-cát-lợi nhiều lần dâng lễ, trẫm đều không nhận, nay chẳng lẽ lại cho Phú-lăng-sa thông hiếu.* ” (ĐNTL, tập VII, tr. 101)

Trước khi trận giặc nha phiến nổ ra (1840 -1842, hoà ước Nam Kinh, mở cửa năm cảng, nhượng Hồng Kông cho Anh), qua đối đáp giữa vua Minh Mạng và Đào Trí Phú đi công cán Giang Lưu Ba về thì rõ ràng vua tôi không hề ảo tưởng về Trung quốc. Trí Phú tâu : “ *... Hồng-mao... liên kết với các nước đại tây như Phú-lăng-sa để đánh nước Thanh. Quân họ nếu đến, dẫu không có thể bỏ thuyền lên chiếm đất, mà một dải ven biển người nước Thanh cũng khó giữ được.* ” Vua nói : “ *Người nước Thanh hèn yếu, ta đã biết rồi. Năm trước nước Hồng-mao ở các hòn đảo thuộc tỉnh Quảng Đông, mà chẳng nghe người nước Thanh vạch ra một kế gì, đem một cái thuyền nào ra biển đánh. Nay nó lại đến, người nhà Thanh thế không chống được...* ” (ĐNTL, Tập XXII, tr. 114).

### Tại sao nên nổi ?

Tại sao Việt Nam hụt mất khúc quanh thế kỷ 19 ? Tuy rằng thời đó có những cá nhân chịu khó học hỏi Tây phương. Ngày nay ta còn được thấy bản đồ thành Gia Định của chuông cơ giám thành sứ Trần Văn Học vẽ năm 1815, chính xác tinh vi. Sử còn chép Lê Nguyên học được cách làm máy của nước Tây dùng để hút nước tưới ruộng rất tiện, vua sai bộ Công chế tạo ngay 3 cái máy ấy cho dân theo cách thức mà làm (ĐNTL, tập XX, tr. 154). Chính quyền cũng cho phép và chu cấp cho những người có chí du học. **Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ** quyển 123 (nxb Thuận Hoá, Huế 1993, tập VIII, tr. 416) còn chép Nguyễn Hữu Quang, học trò học ở quán Tứ dịch

– nơi dạy ngoại ngữ cho những người thông ngôn – được “ theo thuyền nhà nước đi Giang-lưu-ba học tập chữ Tây, tiếng Tây,... giao cho phái viên mang đến xứ ấy xét liệu cho ổn thoả, để tiện cho người ấy ở trọ học tập, khiến được thành tài, đợi sau hai ba năm, khi gặp có thuyền nhà nước phái đến, tùy tiện đưa về ”. Thật ra cùng chuyến thuyền năm 1835 ấy còn hai người thông ngôn khác, Nguyễn Văn Mẫn và Đại Trọng tháp tùng đi Hạ châu. (ĐNTL, tập XVII, tr. 217). Đến 1839 Nguyễn Hữu Quang được phép đáp thuyền Tây dương đi “ xa hơn nữa ” và ở lại một năm để quan sát phong tục và mua hàng (ĐNTL, tập XXI, tr. 250).

Tại sao nên nổi ? Khi vua Minh Mạng có quyết tâm và đạt những thành công mà khuôn khổ hạn hẹp của bài báo không cho phép trưng bày chứng – bên trong chấn chỉnh kỷ cương, mở mang học thuật văn hiến, bên ngoài chiến thắng quân Xiêm... Tại sao một triều đình có ý thức phòng bị Tây phương xâm lăng, biết chú tâm thu thập thông tin về các nước phương Tây mà không đưa nổi Việt Nam vào quỹ đạo chuyển biến ?

Những bộ óc sắc bén đi theo các phái bộ đời Minh Mạng như Phan Huy Chú, Lý Văn Phức đều nhận ra những nét ưu việt của kỹ thuật, tổ chức Tây phương. Sau đó, Phạm Phú Thứ (1821 - 1882) phó sứ trong sứ bộ Phan Thanh Giản sang Pháp và Tây Ban Nha năm 1863 xin chuộc lại ba tỉnh Nam Kỳ – ghi chép chuyển đi trong **Tây hành nhật ký**, và cho khắc in năm 1877 ở Hải Dương những sách phổ biến tri thức khoa học tự nhiên, luật pháp quốc tế của Tây phương **Bác vật tân biên, Vạn quốc công pháp** – cũng ta thán “ Đông phương mà biết thêm kỹ thuật, Chưa hẳn Pari, Luân Đôn đã nói tài ” (Tào giao Đông thổ kiêm trường kỹ, Pha Lý, Long Đông vị túc hiền).

Nhưng không ai nhận xét rằng làm cơ sở cho kỹ thuật là những kiến thức mới lạ. Duy có Cao Bá Quát (1809 - 1854) sau chuyến công cán Giang Lưu Ba 1844 day dứt xét lại giá trị toàn bộ học vấn của mình : “ Văn chương thuở trước như trò trẻ... Phí mất một đời học sử, kinh ” (Hương tích văn chương đăng nhi hí... Uống cá bình sinh độc thư sử)<sup>(3)</sup>.

Phải tìm lý do trong lối nhận định của ta : biết mà không hiểu. Biết lợi ích của phong vũ biểu, hàn thủ biểu. Nhưng không hiểu và cũng chẳng muốn tìm hiểu những khái niệm hoàn toàn mới lạ : nhiệt độ, áp lực khí quyển. Vội nhập nhăng đánh lộn những khái niệm rất chính xác đó với quan niệm mơ hồ cổ truyền “ khí ”. Ta thấy trong đoạn dẫn ở trên, vua Minh Mạng thích thú cho rằng “ ấm áp mà khí xuống, âm u mà khí lên thì là khí bất chính, nhân dân dễ sinh bệnh tật. Lấy thước ấy để đo lường khí hậu thực là phép diệu. ”

Phương Tây phải bao đời suy luận, tính toán, quan sát mới đi đến khái niệm “ đất tròn, quay quanh mặt trời ” đảo lộn cả quan niệm vũ trụ của họ. Với ta, là chuyện trà dư tửu hậu. Có gì lạ đâu, luận sách xưa Hồn thiên nghi là biết được ngay !

Chân trời mới từ những khái niệm khác lạ chưa kịp hiện ra thì lối nhận thức nhĩ nhằng đã kéo ngay cái lũy tre xanh quen thuộc chắn ngang trước mắt mất rồi.

Kể từ Lê Thánh Tông đến thế kỷ 19 đã bốn trăm năm học đòi Trung quốc. Vào thế kỷ 15, văn hoá kỹ thuật Trung Hoa quả đứng hàng đầu trên thế giới. Hấp thu văn minh đó là một điều thiết thân để tổ chức nên một nhà nước quy mô. Đại Việt

(3) Claudine Salmon et Tạ Trọng Hiệp, *L'émissaire vietnamien Cao Bá Quát (1809-1854) et sa prise de conscience dans les " Contrées méridionales "* (Phái viên Cao Bá Quát và cuộc bùng nổ ý thức của ông nhân chuyến đi " Miền dưới ") BFEO, tome 81, Paris 1994, tr. 125-149.

nhào nặn mình theo cái mô hình chối lợi phương Bắc. Nên nề nên nếp, cho rằng chỉ có một văn minh, văn minh Trung quốc, chỉ có một cung cách quan hệ, quan hệ song phương.

Niềm tự hào những gì đã học được bộc bạch trong lời lẽ, như trong một bài biểu của bộ Lễ đời Minh Mạng “ đất Nam giao ta... kể từ khi mở mang đến nay, thanh danh văn vật, cũng thịnh có vẻ như phong hoá Trung quốc, không có cái gì là không do đạo thống các đời ngũ đế tam vương truyền lại ” ĐNTL, tập VI, tr. 157). Niềm tự tôn ấy chỉ là mặt trái lòng tự ti trước Thiên triều. Người Việt thì gọi là dân “ Hán ”, khác phong hoá chỉ có thể là “ Man, Di ”. Đối với họ, ta là thiên triều giáo hoá mọi rợ. Một thuyền 90 người Anh bị nạn dạt vào Bình Định được cứu trợ và nghe lời tuyên triệu cúi đầu tạ ân. Nghe tâu trình vua nói “ Người Tây dương vốn khí tính cứng đầu kiêu ngạo. Phải chăng bây giờ họ vừa được mừng ơn cứu tuất của ta, cho nên đã hoá được cái tục mọi rợ của họ chăng. ” (MMCY, tập III, tr. 407).

Giao thương thì được, nhưng không đặt quan hệ ngoại giao chính thức với các nước phương Tây. Chỉ việc theo đúng phương châm cổ truyền là thắng lợi : “ Trẫm thường nghe người nước Hồng - mao khi qua lại giao thiệp với ngoại quốc thường dùng những lời lẽ láo xược. Chỉ cùng với nước ta giao tế, thì lại hết sức kính cẩn, thành tín mà thôi. Phải chăng... duy nước ta vì không háms lợi chỉ biết thành tín cho nên họ mới kính trọng chăng. Bởi vậy cho nên người quân tử không làm gì quá đáng, và hai chữ tín nghĩa có thể làm cho người xa xôi phải kính úy. ” (MMCY, tập III, tr. 400).

Tốt nhất là không nên thay đổi. Biết trái đất tròn thật đấy, “ nhưng lời nói xưa đã thành, không nên bày ra thuyết lạ nữa ”. Nhà cầm quyền tận lực để duy trì trật tự một xã hội nông nghiệp. Công nghiệp trước hết phục vụ cho triều đình. Thợ thuyền bị trưng dụng làm trong công xưởng nhà nước, “ con em thợ các cục của Vũ khố đến tuổi thì vào sổ ở các cục ấy, không được tự ý đi làm ở nhà khác. Làm trái thì phạt 100 trượng. ” (ĐNTL, tập VII, tr. 57). Thương nghiệp bị bóp nghẹt. Quan Bắc thành dâng tờ tâu xin bãi bỏ thuế của quan và bến vì lệ thu sắc thuế đó sách nhiễu cho nhà buôn. Đình thần bàn : “ Việc đánh thuế của quan và bến là để trợ nghề làm ruộng, ức chế nghề buôn, không thể bỏ được. Vua cho là phải. ” (ĐNTL, tập IX, tr. 147).

Xã hội xơ cứng. Lối nhận thức nhĩ nhằng thiếu nghiêm túc của ta chỉ thấy vụn vặt mà bỏ mất đại thể, không vượt qua nổi phần ngọn kỹ thuật Tây phương để đi tìm hiểu đến điều kiện cơ sở cho những thành tựu của họ là gì. Não trạng đầy áp tự tôn-tự ti không còn lấy một kẻ hở để cho ý niệm thế giới đang đảo lộn đổi thay đến tận gốc rễ có thể len vào.

**T** hế kỷ 19, ta nhận thức chậm mất một thời đại. Minh Mạng muốn làm Thánh Tôn nhưng thời đại không còn là thời đại Lê Thánh Tôn nữa.

Ngày nay Việt Nam lại đứng trước một khúc quanh quyết định cho vận mệnh của mình. Tình thế mới đặt ta vào thế quan hệ đa phương, khác hẳn lối quan hệ song phương đã thành nếp quen của ta từ xưa tới nay. Lại vào đúng một giai đoạn thế giới chuyển biến mạnh.

Vấn đề nhận thức đặt ra gay gắt.

(Đón xem trong một số tới phần II : nhận thức về ta, về người trong hiện đại)

**bùi mộng hùng**

(8. 1995)

# Nhã Nam

truyện ngắn

**Trần Vũ**

*Tháng 7 vừa qua, Trần Vũ về nước. Hai năm trước, anh đã về : lần đầu tiên, sau khi vượt biển từ thuở thiếu niên.*

*Thời sự tháng 7.95 : tổng giám mục Nguyễn Văn Bình, rời Văn Cao từ trần, Mỹ thiết lập bang giao với Việt Nam... Đó là những việc thật người thật. Cũng như : Nguyễn Huy Thiệp mở quán ăn Hoa Ban ở chân cầu Chương Dương, bên Gia Lâm, vừa in xong tập truyện ngắn và tuyên bố gác bút ; Trần Vũ bị đụng xe, chị T. bạn anh bị thương nặng, phải cấp cứu trong hồi cảnh bệnh viện xuống cấp thê thảm... Cũng thật như cảnh vật Nhã Nam, Chi Lăng, như các nhân vật Liễu Thăng, Trần Nguyễn Đán, Nguyễn Trãi... từng có trong lịch sử, cũng như trong sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp.*

*Đó là những " chìa khóa " mà chúng tôi xin cung cấp để bạn đọc đi vào thế giới hư ảo của truyện ngắn NHÃ NAM mà Trần Vũ vừa sáng tác... Thiết tưởng cũng là điều cần thiết, sau cơn sốt mà GIÁC MƠ THỞ (DD số 37, tháng 1.95) đã gây ra cho một số bạn đọc.*

**C**húng tôi về Nhã Nam, quê của Th. Nhã Nam đất hẹp, nhiều cây, sông nước và những rừng người. Th đón tôi ở sân bay, gương mặt anh tầm thường như mọi người tôi không nhận ra. Th là nhà văn, từ khi mở nhà hàng mang tên hoa Tây Bắc anh thôi viết. Trước, tôi ngỡ đã đọc hết truyện Th. Anh có lối viết mỗi câu như nhát mác phạt vào gốc chuối phọt mũ. Th đưa chúng tôi vào hiệu sách. Tôi với chị T loay hoay lựa. Sách của Th tái bản toàn tập, có truyện *Mưa Nhã Nam* tôi chưa hề đọc. Chị T đẹp, rục rĩ, cười luôn. Chị về Nhã Nam trăm lần chưa chán. Chúng tôi đi uống nước. Thăng bé gạ đánh giầy. Tôi hỏi Th:

- Đàn ông học vi tính, đàn bà làm điểm, con nít đánh giầy, bán vé số, tương lai ở đâu ?

- Ở niềm tin vào hành động học vi tính, làm điểm, bán vé số.

Th trả lời, lạnh lùng.

Chúng tôi về nhà. Vườn vải nở ngát uốn lên núi Bái Vọng những bông trắng lung lay giống tấm lụa trắng ai giăng trước mắt. Th đắm chiêu. Chị T đi tắm. Có ai gọi điện. Chị T trả lời điện thoại cầm tay qua tiếng nước. Tôi bảo Nhã Nam giống Côn Sơn. Th đáp Nhã Nam là Côn Sơn. Cơm chiều vợ Th dọn lên hai khúc cá chiên sả, canh hến, một đĩa gỏi ngó

sen. Vợ Th cũng tầm tầm triệu đàn bà chúng tôi trông thấy lúc sáng. Th giục cầm đũa. Tôi nói đợi chị T. Vợ Th giắt con xuống bếp. Nhã Nam buổi chiều mưa căng qua rừng vải giống lụa ướt máng dài tới núi. Th bảo ở đây ít bữa anh dẫn đi xem Lê Sát chém Liễu Thăng. Giá trong nước hai mươi ngàn một vé. Giá ngoài về gấp ba.

- Tôi cũng người Nhã Nam sao phân biệt ?

- Nhã Nam có hạ có thượng, có chiếu trên chiếu dưới, có nhân đạo, vô học và ăn cướp.

Th hút thuốc lào. Khói khét đặc buồng. Anh vừa trí thức vừa bần cố nông, bây giờ rấp ranh tư sản nhà hàng, chỉ còn chút hương hoa Tây Bắc làm giấc mơ.

Mua lớn. Chị T vẫn chưa ra. Th đi mua đế. Đế nẹp gò Mã Yên, nơi Liễu Thăng bị chém, uống vào như uống tiết tanh, nóng, đắng. Tôi với Th ngồi nhìn mưa Nhã Nam bôi những dấu chân trâu bừa trên đất. Không nơi nào như Nhã Nam ô tô với trâu di chuyển trên cùng đường cái. Thời gian Nhã Nam dài, thư thả, đủ để đếm hết móng trâu và vỏ xe qua đường.

Chị T tắm xong, vẫn điện thoại, vừa cầm máy, vừa chải tóc. Chị thích những cuộc hẹn vu vơ, bất chợt, không mục đích, không quan trọng nhưng nhiều đam mê. Quen lâu, tôi vẫn chưa hiểu chị kiếm gì trong cuộc sống. Th nhìn chị T, đôi mắt đục gần như không trông thấy. Chị ở thế giới khác, không còn là đàn bà Nhã Nam. Th hiểu, cũng hiểu hương hoa Tây Bắc ngửi thấy nhưng không bao giờ nhốt được. Không khí nặng. Th giục tôi cạy ly, bày bàn trước hiên. Mùi đất pha dầu tắm ở tóc chị T chen mùi đế gò Mã Yên nồng nồng. Mưa lấp núi Bái Vọng rồi rừng vải, đến sân đất nện. Chúng tôi giống ngồi trước mặt ao. Chị T ném một viên sỏi xuống nước, vỡ những bong bóng xoè. Th kéo ghế, tựa cột đà khắc chi chít đại tự.

- Ngày xưa Nguyễn Ứng Long dạy học ở đây.

Th trở tấm phản mục kê trong góc.

- Nguyễn Trãi làm thơ chỗ chị ngồi.

Th lại trở chị T. Chị cười, vẫn rục rĩ.

- Chỗ tôi và anh ai ngồi ?

Tôi gắp khúc cá, nhần xương. Th nói *Mời chị*, và cơm:

- Ở thời điểm nào ? Trước hay sau Hồ Quý Ly ?

- Trước ?

- CỤ ĐÁN.

- Sau ?

- Bọn mất dạy.

Chị T cười ngất. Tôi với Th không cười.

Trời bức. Mưa nhưng vẫn bức. Th ăn một loáng hết thố cơm. Tôi hết chuyện nói, nhìn vợ mấy chữ sơn son thếp vàng khắc đầy vách. Th kể Nguyễn Trãi là một thiên tài. Nhà này lúc trước là một gian thuộc Bểng Hồ Gia Trang của cụ Trần Nguyễn Đán, sau chia thành nhiều hộ. Từ khi mở nhà hàng đặc sản sinh lợi, Th mua lại, chữa trang cố bảo trì hồn thiêng sông núi. Anh kể Nguyễn Trãi sinh thời làm thơ xuất thần, không bút, không giấy, chỉ cần nhìn lên vách : chữ hiện như đóng triện son.

- Một trăm bài thơ quốc âm, Nguyễn Trãi nhìn một trăm lần,

đời sau không thể xoá.

- Thơ là trí tuệ, không cần lao động tay chân.

Tôi hưởng ứng. Chị T cười rử.

Th ngâm : “ *Đường cùng Nguyễn tịch khóc làm chi* ”

- Câu này không còn trên vách.

- Tôi tưởng đời sau không thể xoá ?

- Không xoá, nhưng chủ trước rẽ bán cho Đài Loan.

Th làm bầm.

Tối. Ra về. Th hỏi đi đâu ? Tôi nói Uống rượu. Th chắc lười :

- Trong rượu. Ngoài về cũng rượu. Chẳng có gì khác.

- Khác gì ?

- Mình là người Nhã Nam.

Tôi chở chị T bằng xe Cub. Đường đất trơn, xe chao lạch vào rừng vải loá. Triệu cánh vải vươn như tay thiếu nữ chụp bắt. Tôi tránh xém ngã. Bông trắng rụng nhàu đất. Xe lao xuống chỗ trũng, nước mưa ngập gối bắn hai bên búng. Chị T nín vai gọi :

- Có thấy mấy cô ven đường ?

- Đâu ?

- Lúc này xuyên rừng vải.

- Đây là Nhã Nam.

Chị T cười. Tôi khiển xe, hình dung gương mặt chị, tươi lúc cười, bình thường buồn thắm. Chúng tôi hẹn cùng về Nhã Nam. Lúc ở ngoài, tôi hỏi Chị về Nhã Nam trăm bận không chán ? Chị trả lời Rong chơi đâu cũng vậy, về Nhã Nam vui buồn lẫn lộn. Ra khỏi rừng vải, xe Dreams phóng loạn. Tôi tránh lại xém ngã. Chị T la :

- Cẩn thận !

- Không chết đâu !

“ *Cuộc đời vẫn đẹp sao* ”, “ *tình yêu vẫn đẹp sao* ”, tôi hát. Chị T kêu Quý. Th đuổi theo sau. Tiếng máy xe Cub 70 của anh rống. Nhưng chúng tôi đã ra tới phố. Phố Thi Sách, Lê Quý Đôn, Nguyễn Du, Ngô Quyền, Phạm Ngũ Lão. Quán Buffalo Blues, Q Bar, Doors Pub, Apocalypse Now, Venus Club...

Xe ghé Guns n' Roses. Bảo vệ giữ xe, đưa thẻ. Th thôi đuổi. Th hiểu Nhã Nam có thượng có hạ, có trong, ngoài và có những quán bar năm mươi ngàn Nhã Nam một ly. Chúng tôi là Nhã Nam kiều.

Gần sáng có tin Tổng Giám Mục Nhã Nam mất. Đồn đãi : trước lúc chết ông á khẩu, nhiều giáo dân thương tiếc. Tôi với chị T ra khỏi quán, giáo đường treo cờ rử. Chúng tôi đi qua phố chết. Cửa hàng đóng kín. Không phải để tang, nhưng vì những giọt sương chưa vỡ trên tàn phượng. Nhà thờ thả lụa tím. Tượng thánh buộc băng đen. Đường phố lạnh lẽo. Chị T nói ghé nhà Th. Tôi rủ đi xem Lê Sát chém Liễu Thăng. Chị T trách :

- Chỉ thích những trò hung bạo.

Chị không cười. Xe xuyên rừng vải chưa nở, cánh khép, trắng yếu ớt. Nhà Th trồng một chậu mai chiếu thủy, hương rắc tận chân núi Bái Vọng.

Th đợi chúng tôi suốt đêm. Khuôn mặt anh nhàu nát, nhưng đầy kiên nhẫn. Trông thấy chúng tôi, Th đập máy. Hai xe Cub chạy song song. Chị T mặc jupe, ngồi một bên đong đưa giầy trắng. Gió mát, cây cối im, đường đất đỏ tươi. Xe qua chùa Tư Phúc. Th chỉ :

- Khi Thái Tôn đuổi về lãnh chức quan đề cử, Nguyễn Trãi giữ chùa này.

Anh ngâm : “ *Anh hùng để hận mấy nghìn năm* ”.

- Thơ Nguyễn Trãi ?

Chị T hỏi. Th gật đầu. Tôi thắc mắc.

- Sao không thấy khắc trên vách ?

- Không có phép.

Th càu nhàu.

Tiếng xe Cub rừ rừ. Đường lên ả Chi Lăng khúc khuỷu. Chúng tôi không ngớt trả số. Cảnh sắc thay đổi, mây xám, núi đen, ruộng su hào xanh bạt. Mặt ruộng đầy vết xe tải.

- Bọn buồn hàng Trung Quốc mỗi ngày qua đây trăm bận. Th giải thích.

- Có Lê Sát nào chặn không ?

- Bận xây khách sạn cả rồi.

Anh rú ga phóng lên trước. Qua khỏi đèo đổ dốc, tuột như trôi, tiếng phanh xe hơn tiếng lợn thở huyết. Chúng tôi trả tiền vào bãi. Hai mươi ngàn vé Nhã Nam. Sáu mươi ngàn vé Nhã Nam kiều.

*Nghĩa quân Lam Sơn chập rừng. Giáo mác tủa, cả vùng như cấm chông. Gió lớn. Cờ Quyết Thắng lượn rần. Lê Thụ vận giáp trụ, người thô, trán ngắn. Lưu Nhân Chú, Lê Linh cỡi trường, mình xăm. Lê Sát múa đại đao xoắn xoắn. Nguyễn Trãi ghim ngựa trước “ Ngô Thè ”. Trãi mặc áo vải tơ tằm, xinh như một thiếu nữ. Chiêng gióng sáu hồi, quân Minh từ Quỷ Môn Quan kéo xuống. Lê Sát thúc ngựa kiêu qua vách núi Hàm Quỷ và Cai Kinh, người ngựa gân guốc vượt lũy. Chinh Lự An Viễn Hầu Liễu Thăng hoa chuỳ đánh. Lê Sát quỳ ngựa, hồi mã thương, đường đao đẹp như ánh lửa.*

Lũ trẻ giành nhau thủ cấp, cả bọn lừa đá. Lê Sát lấy găm rạch lườn Liễu Thăng thích gan bỏ vào bình ngâm sẵn rượu thuốc. Chị T nhắm mắt.

Giấc trưa về, đường khô, nắng gắt, tôi với chị bản khoản :

- Chết thật hay giả ?

- Cái chết nào cũng thật, không cái chết nào giả.

Th trả lời, làm lì. Chị T vẫn còn sợ, tôi khiển xe, chị ôm lưng, tay lạnh ướt. Hương mai chiếu thủy tiết từ núi Bái Vọng nhờ nhộ không đủ lấp mùi tanh. Vợ Th dọn sẵn cơm. Thịt rắn bằm, tiết rắn pha, da rắn chiên giòn, cháo rắn hạt sen. Chị T không dám đụng đĩa.

Chiều có tin nhạc sĩ V.C. chết. Chị T buồn, chúng tôi ra quán. Phố Nguyễn Du đầu đường có hiệu cơm Bà Đại đất vì tổng thống Pháp đến ăn chụp hình, cuối đường quán Buffalo chơi nhạc jazz. Chị T nói Ở Nhã Nam ngoài ăn uống không biết làm gì. Chúng tôi ngồi nghe nhạc. Năm trước về, tôi ấn tượng trở về quá khứ, năm nay bước vào tương lai. Quá khứ hung bạo và tương lai hung bạo. Chị T nhắc chuyện nhạc sĩ

V.C. mất. Hỏi có đi đám ? Tôi lắc đầu. Mỗi thế hệ có một cái chết riêng. Chiều xuống nắng nở trên da những đóa bé đánh giầy. “ Da nước mưa ” như Duras tả trong *Người Tình*. Chúng tôi kêu phục vụ để nhạc S. Ca sĩ H.N. gọi nắng. Tôi với chị T nghe bản nhạc nhiều lần. Ở Nhã Nam, sống giữa nắng, xúc cảm hết lời nhạc. H.N. gọi nắng da diết. Nắng chết trên sông, trên mặt lộ. Chũ chết bất tận.

Chị T về nhà N.S. Tôi bỏ chị ở đường 3 tháng 2.

*Nhà Th khuya khoắt. Sương đêm phủ tím vải rừng. Ngồi nhà cụ Đán tịch tịch. Châu mai chiếu thủy lạnh biếc. Th biển mất. Ngõ tối. Đèn chai thấp yếu ớt. Tấm phen rã rời mở ra vườn sau đối núi Bái Vọng. Tôi gọi Th. Tiếng la gào vào núi. Bóng thiếu nữ lướt qua sân. Áo lụa tan như trăng.*

*Tôi yêu Trãi trắng đêm mười bốn. Mười bốn trắng vừa, tấm sáng mặt khuya. Lưng Trãi thon, thơ hiện như vẽ. Đêm rừng vải gót nhạc cười nụ soan. Tôi níu gọi :*

- Đề thơ nữa đi.

- Thơ Góc Thành Nam.

*Trãi cười, buồn.*

*“ Góc thành nam, lều một gian ”*

*“ No nước uống, thiếu cơm ăn ”*

*Trắng tắt. Đêm rụng. Bài thơ chưa hết lời.*

Lúc tôi trở ra phố, nắng ướt vai chị T. Lịch treo tường đề mười hai, nhạc sĩ V.C. chết mừng mười, tôi ở trong rừng vải suốt hai hôm. Hai hôm không gặp, chị T đi Đà Nẵng, tắm biển Non Nước, da ngăm, tươi muối. Hai hôm trong rừng vải tôi không biết tin : Đế quốc bang giao với Nhã Nam. Chị T dẫn tôi đi xem suối bia, khắp Nhã Nam ăn mừng.

Trưa, chúng tôi mượn xe *Cá Mập* đi Nghệ An. Xe tốc hành, chạy suốt, thuê bao trọn gói. Th cầm lái. Đọc đường hướng dẫn :

*Năm Ất Ty Lê Lợi vây thành Nghệ, truy bắt Lý An, Phương Chính. Nghĩa quân đồn trại dọc sông Lam. Đêm trong đèn thờ thần Phổ Hộ làng Trào Khẩu, vương nằm mộng dữ, người lạnh, lưỡi khô, trông thấy sóng gào, gió giật, cờ gãy, thuyền đắm. Sáng tỉnh giấc, vã mồ hôi, tê chân, tái sắc. Nguyễn Trãi râu :*

- *Điềm hà bá bắt vợ. Nhưng vương từ Lam Sơn dấy nghĩa, lấy chí nhân thay cường đạo, lấy đại nghĩa thắng hung tàn, không nên mê tín.*

*Vương ám ảnh ác mộng, lo bản mệnh, bản khoán :*

- *Xưa vua Lý nhờ vợ chồng Vũ Phục nhẩy xuống sông Thiên Phù hiến xác thủy thần mà khỏi bệnh đau mắt, có gọi là mê tín ?*

*Nguyễn Trãi cầm. Trương màn tanh.*

Xe vô bãi. Du khách chật sông. Tôi với chị T mua vé thượng hạng sát đài. Vương đứng trên đàn cao, lưng ba trượng, mắt quả quyết. Nguyễn Trãi ôm tráp hầu, Trần Nguyên Hãn che lọng. Lê Lễ, Lê Ngân cầm côn bảo vệ. Nghĩa quân tiến qua đài, cờ huyết lộng. Chiêng trống rừng rừng. Gió Bắc đẩy mây, phèng khoa. Vương trở sông Lam quát :

- Nay ta vì nghiệp bá hiển thiếp. Thề phá thành Đông Quan phong con trai Phạm Thị Ngọc Trần làm thái tử.

Pháo nổ. Lê Sát chém ngựa húng máu. Lính lôi Ngọc Trần khỏi trướng. Ngọc Trần trẻ son, mắt liểu, môi dâu, ăm Nguyên Long lên ba, khóc thảm. Lê Sát quật hèo, lính khoá cũi. Nguyên Long gào mẹ. Cúi dìm xuống sông Lam, Ngọc Trần dấy, sóng tung toé. Một mớ tóc bùng nhùng nổi lên mặt nước. Gương mặt chị T tái nhợt.

Đường về tôi với chị trần trở, không yên. Trước lúc ngừng xe, Th hỏi : Còn nhiều trò nữa xem không ? Chị T đáp Đủ rồi. Tôi tránh nhìn Th, hình ảnh mớ tóc bùng nhùng trôi mãi trên nước.

Ngày 13, tháng Thân, năm Hợi, tôi trở lại nhà cụ Đán. Con giận cứng mười ngón tay. Tôi chở chị T bị xe buồn cũi đựng, bọ ba gác tháo chạy, chị ngã vỡ đầu, xuất huyết não, chở vào Trung Tâm Cấp Cứu Quận Nhất không ai khám, sang bệnh viện Nguyễn Tri Phương chị mê man cấm khẩu, y sĩ trực mắng bệnh nhân không hợp tác. Tôi gây, thuê xe cấp cứu sang Chợ Rẫy. Bệnh viện lớn nhất Nhã Nam bản, nghèo nàn, nằm ngời la liệt. Nh bạn chị T được tin đến viện, đưa tiền bồi dưỡng. Bác sĩ khám nói máu tụ não bắt mổ. Chị T mê man. Gia đình Nh đi mua máu, nước biển, kim chích, thuốc trụ sinh. Tôi tìm Th.

- Tất cả chỉ là tưởng tượng.

Tôi quát. Th đang ngồi đọc sách, mắt đỏ rực.

- Không ai hư cấu được sự thật.

Anh gằn, nhưng chỉ đứng yên nhìn tôi phá bàn thờ cụ Đán. Vườn vải nát, núi thấp, mây cụt. Tôi trở lại bệnh viện, chị T vẫn hôn mê, thở ô xy, vết mổ bầm máu, giường rỉ sét. Tôi đợi ngoài hành lang, thân nhân trực bệnh ngủ cầu thang lê lét xuống sân. Các bà mẹ Nhã Nam khóc thút thít. Nhà thương giống trại hủi.

Tôi rời Nhã Nam cuối tháng Thân. Chị T vẫn nằm viện, tay phải và chân phải chưa cử động. Th tiễn, gương mặt anh tâm thường giống triệu người nhưng tôi vẫn nhận ra. Máy bay lên cao. Tôi đọc lại truyện Th. *Mưa Nhã Nam* tả Đề Thám quát ngựa dưới mưa nhiệt đới, khóc nức nở đời người. Đề Thám khóc vì bán một người đàn bà cho định mệnh khắc nghiệt. Th mở đầu câu chuyện khinh bỉ tất cả :

*Tôi sẽ kể chuyện này cho cậu, cậu cầm miệng đi, cậu còn trẻ quá, cậu là thằng ngốc.*

*Tôi sẽ kể chuyện này cho cô, vì cô sẽ đi lấy chồng. Lúc ấy toàn những nhọc nhằn thôi, không ai kể chuyện cho cô nghe cả.*

Anh kết bằng một câu vô cảm : *Tôi kể chuyện này đến đây là hết.*

Tôi gấp sách. Máy bay bình phi, ba mươi ngàn bộ. Trên cao, mưa Nhã Nam trong, đẹp như hột ngọc.

**Trần Vũ**

5.8.1995